

Số: /TB-ĐHCNKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc công khai hoạt động của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP. HCM năm 2026

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP. HCM công khai hoạt động năm 2026 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

- Tên tiếng Việt : Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh
- Tên tiếng Anh : Ho Chi Minh City University of Technology and Engineering
- Tên giao dịch viết tắt : HCM-UTE
- Năm thành lập : 1962

2. Địa chỉ trụ sở

- Cơ sở chính: Số 01 Võ Văn Ngân, P. Thủ Đức, TP. HCM.
- Cơ sở 2 : Số 484 Lê Văn Việt, P. Tăng Nhơn Phú, TP.HCM.
- Phân hiệu tại Bình Phước: 899 quốc lộ 14, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại : (+84 – 028) 38968641; (+84 – 028) 38961333; (+84 – 028) 37221223
- Trang thông tin điện tử: <https://hcmute.edu.vn>
- Địa chỉ thư điện tử: hcth@hcmute.edu.vn

3. Loại hình: Công lập. Cơ quan chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục, chính sách chất lượng và giá trị cốt lõi của Trường

- Sứ mạng:

+ Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động trong nước và quốc tế.

+ Đóng góp tri thức hữu ích cho nhân loại bằng các kết quả nghiên cứu khoa học nhằm phục vụ cho sự phát triển bền vững của đất nước.

+ Phục vụ tích cực và có trách nhiệm vào sự phát triển cộng đồng.

- Tầm nhìn: Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh là trường đại học xuất sắc đa ngành, đa lĩnh vực, đổi mới sáng tạo, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững.

- Triết lý giáo dục: **Nhân bản – Sáng tạo – Hội nhập.**

- Văn hóa chất lượng: Không ngừng nâng cao chất lượng dạy, học, nghiên cứu khoa học nhằm mang đến cho người học những điều kiện tốt nhất để phát triển toàn diện các năng lực đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập quốc tế.

- Giá trị cốt lõi: các giá trị cơ bản của một nền giáo dục tiên tiến; hiện đại đã, đang và sẽ được Trường tôn vinh, gìn giữ, phát huy một cách sáng tạo là:

+ Gìn giữ và phát huy các giá trị truyền thống nhân văn của dân tộc Việt Nam.

+ Nâng đỡ tài năng và tính sáng tạo, chú trọng đào tạo kỹ năng và giáo dục đạo đức nghề nghiệp.

+ Tôn trọng lợi ích của người học và của cộng đồng. Xây dựng xã hội học tập.

+ Đề cao chất lượng, hiệu quả và sự đổi mới trong các hoạt động.

+ Hội nhập, hợp tác và chia sẻ.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Trường

Tiền thân của Trường là Ban Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật thuộc quyền Nha Kỹ thuật – Học Vụ, Bộ Quốc gia Giáo dục, được thành lập ngày 5/10/1962 theo Nghị định số 1082-GD của Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa (Miền Nam Việt Nam) tại Sài Gòn (nay là Thành phố Hồ Chí Minh). Ban đầu Ban đào tạo 4 ngành: Khoa học ứng dụng; Chuyên nghiệp (Ô tô, Điện, Chế tạo máy, Đúc, Kỹ nghệ gỗ, Gốm, Sơn mài,...); Kỹ nghệ họa; Thương mại, Tiểu công nghệ và Kinh tế gia đình. Niên khóa đầu tiên là niên khóa 1962-1963. Ban tiến hành đào tạo được 9 khóa và số sinh viên từ khóa 1 đến khóa 9 tốt nghiệp là 445 sinh viên.

Trong 13 năm hoạt động (1962-1974) Ban Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật đã đào tạo được 11 khóa với tổng cộng 622 sinh viên tốt nghiệp bao gồm: 136 giáo viên trung học kỹ thuật đệ nhị cấp; 486 giáo viên trung học kỹ thuật đệ nhất cấp.

Ngày 11/01/1974, Ban Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật chuyển về trực thuộc Trường Đại học Giáo dục (ngành Giáo dục chuyên nghiệp), Viện Đại học Bách khoa Thủ Đức theo Sắc lệnh số 010-SL/VHGDTN của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Cộng hòa.

Ngày 27/10/1976, Trường được đổi tên Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật theo Quyết định số 426-TTg ngày 27/10/1976 của Thủ tướng Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong mạng lưới các trường đại học.

Ngày 28/01/1984, Trường có tên gọi là Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 72/QĐ của Bộ trưởng Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp (sau khi hợp nhất với Trường Trung học Công nghiệp Thủ Đức).

Ngày 12/6/1991, sáp nhập thêm Trường Sư phạm kỹ thuật cơ giới hóa nông nghiệp theo Quyết định số 186-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về việc sáp nhập Trường Sư phạm kỹ thuật 5 vào Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thủ Đức.

Ngày 27/01/1995, Trường là trường đại học thành viên của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị định số 16/CP của Chính phủ về việc thành lập Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1997, Trường tiếp quản Trung tâm đào tạo công nhân lành nghề Việt Nam – Hàn Quốc, có diện tích 4,5 ha tại Quận 9. Ngày 22/3/2004, Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập trường Trung học Kỹ thuật thực hành trên cơ sở Trung tâm đào tạo công nhân lành nghề Việt Nam – Hàn Quốc thuộc trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 10/10/2000, Trường tách khỏi Đại học Quốc gia, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo theo Quyết định số 118/2000/QĐ-TTg ngày 10/10/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc thay đổi tổ chức của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và giữ nguyên tên gọi cho đến 25/12/2025.

Ngày 26/12/2025, theo Quyết định số 2809/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh chính thức đổi tên thành Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Thông tin người đại diện hợp pháp

- Hiệu trưởng: PGS.TS. Lê Hiếu Giang
- Điện thoại : (+84 – 028) 37221223
- Email : gianglh@hcmute.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của trường hoặc phân hiệu của trường:

- Quyết định 1082/GD ngày 01/10/1962 thành lập Ban Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật Trung tâm Quốc gia Kỹ thuật Phú Thọ (là tiền thân của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. HCM)
- Quyết định 1576/QĐ-BGDĐT ngày 12/6/2025 về việc thành lập Phân hiệu Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. HCM tại Bình Phước.

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng:

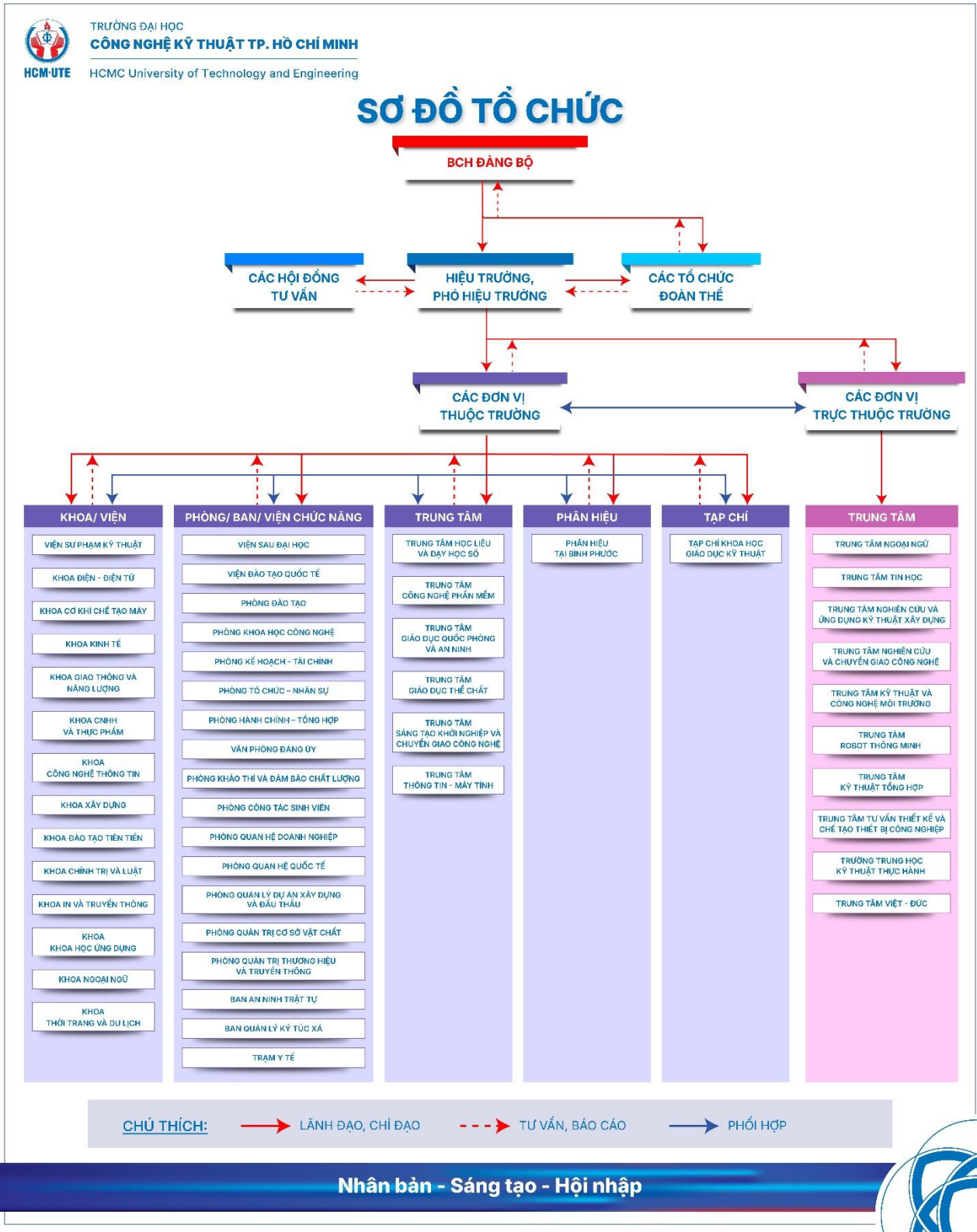
- Quyết định số 1468/QĐ-BGDĐT ngày 02/06/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 5 năm kể từ ngày 02/06/2026 đối với PGS. TS. Lê Hiếu Giang.
- Quyết định số 1479/QĐ-BGDĐT ngày 02/06/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 5 năm kể từ ngày 26/12/2025 đối với TS. Trương Thị Hiền.
- Nghị quyết số 14/NQ-HĐT ngày 25/9/2025 của Hội đồng trường về việc giao thực hiện chức trách, nhiệm vụ, thẩm quyền của chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh đối với TS. Quách Thanh Hải (từ ngày 15/8/2025 cho đến khi có quyết định khác về công tác nhân sự).
- Nghị quyết số 15/NQ-HĐT ngày 25/9/2025 của Hội đồng trường về việc giao thực hiện chức trách, nhiệm vụ, thẩm quyền của chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh đối với PGS.TS. Châu Đình Thành (từ ngày 15/8/2025 cho đến khi có quyết định khác về công tác nhân sự).

c) Quy chế tổ chức và hoạt động của trường; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của trường và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của trường:

- Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 08/11/2021 của Hội đồng trường về Quy chế Tổ chức hoạt động Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. HCM;
- Nghị quyết số 118/NQ-HĐT ngày 27/01/2023 của Hội đồng trường về sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức hoạt động Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. HCM;
- Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 14/10/2023 của Hội đồng trường về sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức hoạt động Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. HCM.

- Nghị quyết số 182/NQ-HĐT ngày 28/9/2024 của Hội đồng trường về việc phê duyệt sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức hoạt động Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh.

- Nghị quyết số 212/NQ-HĐT ngày 18/12/2024 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh.



d) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có): không có.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo trường và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của trường (nếu có):

- Lãnh đạo Khoa, Viện: Chi tiết xem tại:
<https://hcmute.edu.vn/ArticleId/a16c05f5-0126-414f-9ef4-b7c727be88ea/lanh-dao-don-vi-thuoc-khoa>
- Lãnh đạo Phòng: Chi tiết xem tại:
<https://hcmute.edu.vn/Default.aspx?ArticleId=ab641656-4f99-4356-9336-f6c6eff20e57>
- Lãnh đạo Trung tâm: Chi tiết xem tại:
<https://hcmute.edu.vn/Default.aspx?ArticleId=ff5a2f69-5a3b-4cb7-bf3a-b825ad386621>

8. Các văn bản khác của Trường

- Nghị quyết số 178/NQ-HĐT ngày 28/09/2024 của Hội đồng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2024 – 2030, tầm nhìn 2035.

- Quyết định số 3024/QĐ-ĐHSPKT ngày 16/10/2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM;

- Quyết định số 3170/QĐ-ĐHSPKT ngày 01/11/2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ Trường;

- Quy chế dân chủ cơ sở Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh ban hành theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 21/12/2020.

- Quyết định số 4175/QĐ-ĐHSPKT ngày 01/11/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh.

- Quy định định kỳ chuyển đổi vị trí công tác ban hành theo Nghị quyết số 141/NQ-HĐT ngày 14/10/2023.

- Quy chế tài chính Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. HCM ban hành theo Nghị quyết số 86/NQ-HĐT ngày 27/01/2022.

- Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Tài chính Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM ban hành theo Nghị quyết số 142/NQ-HĐT ngày 14/10/2023.

- Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2023 – 2025 ban hành theo Nghị quyết số 154/NQ-HĐT ngày 12/4/2024.

- Quy định về quản lý rủi ro trong các hoạt động của Trường ĐH SPKT TP.HCM ban hành theo Quyết định số 2932/QĐ-ĐHSPKT ngày 31/12/2019.

- Quy định quản lý và đối sánh các chỉ số về hiệu quả đào tạo của Trường ĐH SPKT TP.HCM ban hành theo Quyết định số 2919/QĐ-ĐHSPKT ngày 31/12/2019.

II. THU CHI TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của trường trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ số thống kê	Năm 2025
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	1.326
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	
II	Thu giáo dục và đào tạo	1.157
1	Học phí, lệ phí từ người học	1.123
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	7
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	5
4	Thu khác	22
III	Thu khoa học và công nghệ	93
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	2
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	18
3	Thu khác	73
IV	Thu khác (thu nhập ròng)	76
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	1.021
I	Chi lương, thu nhập	520
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	409
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	111
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	386
1	Chi cho đào tạo	32
2	Chi cho nghiên cứu	37
3	Chi cho phát triển đội ngũ	3
4	Chi phí chung và chi khác	314
III	Chi hỗ trợ người học	98
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	91
2	Chi hoạt động nghiên cứu	3
3	Chi hoạt động khác	4
IV	Chi khác	17

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của trường trước khi tuyển sinh, dự tuyển

Thực hiện công khai, minh bạch các nguồn lực tài chính theo quy định, Nhà trường chính thức công bố các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm học phí và các

khoản thu ngoài học phí áp dụng cho năm học hiện tại cùng dự kiến cho các năm học tiếp theo của khóa học trước khi tuyển sinh, cụ thể như sau:

– Về mức thu học phí: Năm 2025, Nhà trường thực hiện cơ chế thu học phí theo đúng các văn bản pháp lý đã ban hành. Cụ thể, mức học phí được áp dụng và thực hiện nghiêm túc theo nội dung quy định tại Quyết định số 3005/QĐ-ĐHSPKT ngày 24/10/2024 về việc ban hành Quy định thu học phí năm học 2024–2025 và Quyết định số 2810/QĐ-ĐHSPKT ngày 04/8/2025 về việc ban hành Quy định thu học phí năm học 2025–2026. Mức thu được tính toán khoa học, dựa trên định mức kinh tế – kỹ thuật áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM, đảm bảo tính công bằng và công khai cho toàn thể người học.

– Các khoản thu và mức thu ngoài học phí: Tất cả các khoản thu phí tuyển sinh, phí nhập học, bảo hiểm y tế bắt buộc... cũng như các khoản dịch vụ hỗ trợ người học khác đều được Nhà trường thông báo công khai thông qua các văn bản hướng dẫn nhập học chi tiết cho từng khóa/hệ đào tạo trước thời điểm người học đăng ký dự tuyển, đảm bảo không phát sinh các khoản thu ngoài danh mục đã công bố.

– Lộ trình tăng học phí dự kiến: Nhà trường cam kết mức học phí cho từng năm học tiếp theo của toàn khóa học luôn được thực hiện theo đúng lộ trình đổi mới cơ chế tài chính giáo dục đại học của Chính phủ. Biên độ điều chỉnh tăng (nếu có) đảm bảo không vượt quá giới hạn trần theo quy định của Nhà nước. Đặc biệt, để đảm bảo tính khoa học và thực tiễn trong công tác xây dựng mức thu, Nhà trường đã ban hành Quyết định số 405/QĐ-ĐHCNKT ngày 20/01/2026 về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo đại học cho năm học 2026–2027. Mọi thông tin thay đổi về học phí luôn được Nhà trường thông báo công khai, rõ ràng đến người học trước khi bắt đầu năm học mới.

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học

Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh luôn đặt quyền lợi của người học làm trung tâm, thực hiện đầy đủ, kịp thời và nghiêm túc các chính sách an sinh giáo dục, hỗ trợ tài chính theo quy định của Nhà nước nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho sinh viên yên tâm học tập, cụ thể kết quả thực hiện năm tài chính 2025 như sau:

– Nguồn kinh phí từ Ngân sách Nhà nước cấp:

- Kinh phí cấp bù học phí sư phạm và sinh hoạt phí theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020: 9.627 triệu đồng;

- Kinh phí miễn, giảm học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021, Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 và Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025: 2.692 triệu đồng;

- Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013: 150 triệu đồng;

– Nguồn kinh phí do Nhà trường trích lập: Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh đã chủ động trích lập Quỹ hỗ trợ sinh viên với giá trị 91 tỷ đồng (tương ứng với 8% tổng thu học phí). Nguồn quỹ độc lập này được Nhà trường sử dụng toàn bộ cho các công tác đồng hành cùng người học, bao gồm: cấp học bổng khuyến khích học tập, học bổng tuyển sinh dành cho tân sinh viên xuất sắc, trợ cấp đột xuất cho sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, cùng nhiều chương trình phúc lợi và hoạt động hỗ trợ toàn diện khác cho người học.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có)

Để bảo đảm tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và thực hiện đúng quy định về công khai tài chính trong hoạt động giáo dục, Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh công khai chi tiết số dư các quỹ (bao gồm cả quỹ đặc thù) tính đến cuối kỳ báo cáo như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Số dư quỹ cuối kỳ	Số tiền
1	Quỹ phải trả	370.264
1.1	Quỹ bổ sung thu nhập	173.755
1.2	Quỹ khen thưởng	11.711
1.3	Quỹ phúc lợi	85.407
1.4	Quỹ hỗ trợ người học	99.391
2	Quỹ thuộc đơn vị	976.532
2.1	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	902.311
2.2	Quỹ khoa học công nghệ	74.221
	Tổng cộng	1.346.796

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở: không có.

III. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU

1. Thông tin về mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với kết quả do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố (đối với các cơ sở giáo dục đại học)

Về các mức độ đáp ứng Chuẩn cơ sở giáo dục của Trường ĐH Công nghệ Kỹ thuật TP. HCM theo Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành ngày 05/02/2024 thể hiện như sau:

- 100% các chỉ số chính đều đạt theo yêu cầu của Thông tư 01.
- Tổ chức và quản trị: Hệ thống quản lý vận hành hiệu quả, văn bản pháp lý đầy đủ.
- Giảng viên: Đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, với tỷ lệ giảng viên có học vị tiến sĩ đạt 45,58%, vượt mức chuẩn quy định 40% giảng viên có trình độ tiến sĩ.
- Cơ sở vật chất: Đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, nguồn sách thư viện phong phú, tốc độ Internet nhanh, đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy và nghiên cứu.
- Tuyển sinh và đào tạo ổn định: Quy mô đào tạo bền vững, mức độ hài lòng của người học về cơ sở đào tạo đạt 87,3%, tỷ lệ sinh viên có việc làm đạt 98,6%.
- Tài chính: Biên độ hoạt động trung bình 3 năm và chỉ số tăng trưởng bền vững đều đạt

– Nghiên cứu khoa học đổi mới sáng tạo: Các chỉ số nghiên cứu đều đạt và vượt mức chuẩn, trong đó số công bố khoa học bình quân đạt 1,41 bài báo/giảng viên; số công bố trên các tạp chí uy tín thuộc WoS và Scopus đạt 0,7 bài báo/giảng viên.

2. Thông tin về ngành, chương trình đào tạo và các kỳ thi cấp chứng chỉ:

a) Danh mục ngành đào tạo đang hoạt động, thông tin chi tiết theo yêu cầu về điều kiện mở ngành đào tạo (chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra, các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo)

Khoa: Chính trị - Luật

Tên ngành/CTĐT	Luật
Văn bằng được cấp	Cử nhân
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>Đã đáp ứng yêu cầu mở ngành theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <p>1. Về ngành Đào tạo Có trong danh mục đào tạo (Mã 7380101)</p> <p>2. Về đội ngũ giảng viên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; - Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp (bao gồm cả tiến sĩ ngành phù hợp) là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy; - Có đội ngũ giảng viên bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo đều có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm. <p>3. Về cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đủ phòng học, thư viện. - Có phòng diễn án, Trung tâm thực hành pháp luật.
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng kiến thức khoa học cơ bản để giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo. - Áp dụng các kiến thức nền tảng của khoa học pháp lý như lý luận chung về Nhà nước và pháp luật, kiến thức về luật hiến pháp, luật hành chính, luật dân sự, luật hình sự, luật kinh doanh, luật quốc tế... trong

Tên ngành/CTĐT	Luật
	<p>việc nhận biết và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong thực tiễn công việc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng các kiến thức tổng hợp của các môn học để thực hiện việc tư vấn các vấn đề pháp lý, xây dựng văn bản pháp lý hay thực hiện các hoạt động có liên quan trong công việc. - Áp dụng kỹ năng hành nghề luật vào thực tiễn. - Áp dụng kỹ năng lãnh đạo và làm việc nhóm hiệu quả. - Áp dụng kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh, làm việc với các tài liệu chuyên ngành luật bằng tiếng Anh. - Áp dụng kỹ năng ứng dụng công nghệ số: Khai thác thông tin dữ liệu số, sử dụng năng lực số cho nghề Luật, sáng tạo nội dung số... - Hình thành và phát huy phẩm chất nghề luật: công bằng, liêm chính, nhân văn, có trách nhiệm, có ý thức bảo vệ công lý trong cộng đồng, xã hội. - Hình thành và phát triển năng lực kiến tạo chính sách, giải pháp pháp lý tại nơi làm việc; đề xuất kiến nghị hoàn thiện hệ thống pháp luật của Nhà nước. <p>⇒ Các chuẩn đầu ra trên đã đáp ứng các yêu cầu về Chuẩn đầu ra của chương trình Đào tạo tại Điều 5 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT và Quyết định Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học, đảm bảo các tiêu chí rõ ràng, thiết thực; đo lường được, đánh giá được, phù hợp với khung trình độ quốc gia, có tính liên thông, có tính khả thi.</p>
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	<p>Đáp ứng điều kiện của Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học và Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng (có hiệu lực từ năm 2026).</p>
	<p>Giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đào tạo có trình độ tối thiểu là thạc sĩ của ngành phù hợp với học phần giảng dạy; trợ giảng có trình độ đại học trở lên</p> <p>Hàng năm, giảng viên công bố tối thiểu 01 (một) công trình khoa học. Giảng viên các học phần về pháp luật phải có hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực pháp luật theo quy định. Giảng viên các học phần về pháp luật phải bảo đảm trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy</p>

Tên ngành/CTĐT	Luật
<p>Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo: Về đội ngũ: (Qyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học)</p>	<p>đáp ứng một trong các điều kiện sau:</p> <p>(i) có tối thiểu 02 (hai) bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm trong nước được tính 0,5 điểm trở lên hoặc tạp chí nước ngoài trong danh mục tạp chí được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước ngành Luật công nhận;</p> <p>(ii) là tác giả hoặc đồng tác giả 01 (một) sách chuyên khảo hoặc 01 (một) chương sách do nhà xuất bản trong nước hoặc nước ngoài phát hành</p> <p>Có ít nhất 01 (một) tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu có kinh nghiệm quản lý đào tạo và giảng dạy đại học tối thiểu 05 (năm) năm chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT. Ngành phù hợp là ngành ghi trên bằng tiến sĩ trùng khớp hoặc rộng hơn ngành tổ chức đào tạo (TS. Nguyễn Thị Tuyết Nga).</p> <p>Chương trình đào tạo bảo đảm mỗi nhóm kiến thức cốt lõi ngành đều có ít nhất 01 tiến sĩ cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nhóm kiến thức về Hiến pháp và Pháp luật hành chính: do PGS.TS Vũ Đức Trung chủ trì. • Nhóm kiến thức về Pháp luật hình sự và Tố tụng hình sự: do TS. Đoàn Trọng Chính chủ trì. • Nhóm kiến thức về Pháp luật dân sự và Tố tụng dân sự: do TS. Trương Thị Tường Vi chủ trì. • Nhóm kiến thức về Pháp luật kinh tế: do TS. Nguyễn Thị Tuyết Nga chủ trì. • Nhóm kiến thức về Pháp luật quốc tế: do TS. Phạm Công Thiên Đình chủ trì. <p>Các giảng viên nêu trên đều là giảng viên cơ hữu, có trình độ tiến sĩ phù hợp và có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực pháp luật, đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định.</p> <p>Cơ sở đào tạo hiện có đội ngũ giảng viên cơ hữu đầy đủ để đảm nhiệm tối thiểu 70% khối lượng giảng dạy theo quy định.</p> <p>Cơ sở đào tạo có 5 giảng viên thỉnh giảng là người đang hoạt động thực tiễn (Thẩm phán Nguyễn Thị Thanh Hà, Kiểm sát viên Nguyễn Thị Dung, Luật sư Nguyễn Trung Trực, công chứng viên Lê Đình Thịnh, Chuyên gia Đặng Quang Nhã); Tỷ lệ giảng viên thỉnh giảng trong từng năm học không vượt quá 30% tổng khối lượng giảng dạy từng thành phần, đáp ứng yêu cầu quy định. Tuy nhiên, đối với điều kiện “giảng viên thỉnh giảng không đảm nhiệm toàn bộ một học phần”, chương trình chưa đáp ứng hoàn toàn; một số học phần thực tế vẫn được giao trọn vẹn cho giảng viên thỉnh giảng phụ trách. Nội dung này sẽ được rà soát</p>

Tên ngành/CTĐT	Luật
	<p>và điều chỉnh trong thời gian tới để bảo đảm tuân thủ đầy đủ quy định hiện hành</p> <p>Cơ sở đào tạo có đội ngũ nhân lực hỗ trợ đầy đủ và chuyên trách, đáp ứng yêu cầu về tổ chức giảng dạy và hỗ trợ người học. Cụ thể: Phòng Cơ sở vật chất và Phòng Thiết bị – Vật tư phụ trách quản lý, vận hành hệ thống giảng đường và thiết bị dạy học; Trung tâm Thư viện bảo đảm cung cấp tài nguyên, không gian đọc và hỗ trợ tra cứu; Bộ phận Dạy học số hỗ trợ hệ thống LMS và các nền tảng học trực tuyến; Trung tâm Phần mềm và phòng máy tính hỗ trợ khai thác ứng dụng CNTT và phục vụ thực hành. Các bộ phận này đều có nhân sự có chuyên môn và kinh nghiệm, được bố trí thường xuyên, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả cho giảng viên và người học.</p> <p>Có phân công giảng viên phụ trách cố vấn học tập (Ts. Nguyễn Thị Tuyết Nga, TS. Trương Thị Tường Vi; ThS. Võ Thị Mỹ Hương)</p> <p>Nhà trường có chuyên viên tư vấn tâm lý học đường (trực thuộc Phòng Tuyển sinh và công tác sinh viên)</p>
<p>Điều kiện về cơ sở vật chất (Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học)</p>	<p>Có hệ thống phòng làm việc phục vụ cho hoạt động điều hành và quản lý hoạt động đào tạo có các thiết bị, phần mềm cần thiết đáp ứng yêu cầu của công việc quản lý</p> <p>Có văn phòng khoa, phòng làm việc của PGS, giảng viên toàn thời gian, có hệ thống phần mềm quản lý công việc hành chính, phần mềm quản lý học vụ...</p> <p>Có hệ thống giảng đường đáp ứng yêu cầu giảng lý thuyết và thảo luận, được lắp đặt đường truyền internet và có kết nối wifi</p> <p>Tổng diện tích sàn xây dựng của toàn trường là 184.114,87 m² với gần 100 công trình lớn nhỏ bao gồm các công trình nhà học, nhà làm việc, xưởng thực hành, phòng thí nghiệm, có 265 phòng học lý thuyết, 7 khu tự học, phòng học được lắp đặt đường truyền Internet và có kết nối wifi với Tốc độ Internet/1.000 người học là 217,35 (Mbps)</p> <p>Có hệ thống thư viện (bao gồm cả thư viện số) đáp ứng các nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu; thư viện phải có đủ giáo trình cho từng môn học thuộc chương trình giảng dạy, với số lượng cần thiết đáp ứng nhu cầu mượn về nhà và đọc tại chỗ của người học; các tài liệu tham khảo như sách, tạp chí, đề tài khoa học, luận văn, luận án về luật học; các hồ sơ vụ việc thực tiễn, bản án... được cập nhật thường xuyên; thư viện phải được quản lý, vận hành bởi</p>

Tên ngành/CTĐT	Luật
	<p>người được đào tạo chuyên môn về thư viện, có số lượng nhân viên đủ để cung cấp các dịch vụ thông tin cơ bản tới người học</p> <p>Có các phòng máy tính phục vụ cho việc giảng dạy và học tập tin học; các phòng học phù hợp cho việc học ngoại ngữ (nếu các cơ sở đào tạo có tổ chức các học phần tương ứng)</p> <p>Có phòng diễn án có các thiết bị, dụng cụ đáp ứng yêu cầu thực hành xét xử các vụ án; có văn phòng thực hành pháp luật hoặc trung tâm tư vấn pháp luật được thiết kế phù hợp với ngành đào tạo (Có trung tâm thực hành pháp luật và phòng diễn án (Phòng A1-1204))</p> <p>Có hệ thống phần mềm đào tạo trực tuyến theo quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo trực tuyến đối với giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; hệ thống quản lý học tập bằng phần mềm cho phép kết nối giảng viên, người học và thực hiện việc cung cấp thông tin và tài nguyên học tập, đề cương của các môn học, các hoạt động học tập và tương tác</p> <p>Hệ thống đào tạo trực tuyến: + lms.hcmute.edu.vn + https://utexlms.hcmute.edu.vn</p> <p>Do Trung tâm Dạy học số và Trung tâm Thông tin Máy tính phụ trách</p> <p>Có quyền truy cập và sử dụng các phần mềm cung cấp và cập nhật văn bản pháp luật Việt Nam; kết nối ít nhất một cơ sở dữ liệu nghiên cứu pháp luật nước ngoài</p> <p>+ Proquest Central: http://lhtv.vista.vn + CSDL Springer: https://login.cesti.idm.oclc.org/login + IEEE Xplore Digital Library: https://ieeexplore.ieee.org + Polici Commons: https://policycommons-net.cesti.idm.oclc.org + Khoa học và Công nghệ Việt Nam: https://lib.hcmute.edu.vn/ArticleId/30499dc1-3c6c-43b3-a734-6a125afc6c90/co-so-du-lieu-truc-tuyen + Thư viện pháp luật</p>

Khoa: Cơ khí chế tạo máy

Tên ngành/ CTĐT	Công nghệ chế tạo máy
Văn bằng được cấp	Kỹ sư
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>Đã đáp ứng yêu cầu mở ngành theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <p>1. Về ngành Đào tạo Có trong danh mục đào tạo (mã ngành 7510202).</p> <p>2. Về đội ngũ giảng viên</p> <ul style="list-style-type: none">- Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo;- Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp (bao gồm cả tiến sĩ ngành phù hợp) là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy;- Có đội ngũ giảng viên bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo đều có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm. <p>3. Về cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none">- Có đủ phòng học, thư viện.- Có phòng thí nghiệm, xưởng thực hành/thực tập đầy đủ với các trang thiết bị hiện đại đáp ứng được yêu cầu đào tạo.
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ol style="list-style-type: none">1. Có khả năng vận dụng các kiến thức về toán học, khoa học tự nhiên và các nguyên lý kỹ thuật để nhận diện, đề ra và giải quyết các vấn đề kỹ thuật phức tạp trong lĩnh vực công nghệ kỹ thuật cơ khí chế tạo máy.2. Có khả năng thiết kế thí nghiệm, tiến hành thí nghiệm, phân tích kết quả và đưa ra các kết luận giúp cải tiến quá trình sản xuất.3. Có khả năng nhận thức về trách nhiệm đạo đức và nghề nghiệp trong những tình huống kỹ thuật và đưa ra các lập luận trên cơ sở xem xét đến ảnh hưởng của các giải pháp kỹ thuật trong bối cảnh kinh tế, xã hội, môi trường, và toàn cầu.4. Có khả năng liên tục cập nhật kiến thức và kỹ năng cần thiết khi gặp tình huống mới.5. Có khả năng làm việc nhóm hiệu quả và tác phong công nghiệp.6. Có khả năng tương tác hiệu quả bằng hình thức thuyết trình hoặc dưới dạng văn bản.7. Có khả năng nhận dạng và phân tích các vấn đề phức tạp trong hệ thống công nghiệp bằng cách mô hình hóa mô phỏng và thực nghiệm với sự trợ giúp bởi các phần mềm chuyên dụng và các thiết bị thí nghiệm chuyên dụng.8. Có khả năng thiết kế, xây dựng QTCN chế tạo và lắp ráp các hệ thống sản xuất máy móc công nghiệp.9. Có khả năng vận hành, bảo trì, quản lý bảo trì và cải tiến cho các hệ thống máy và dây chuyền sản xuất.
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	<p>Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương. ⇒ Đáp ứng theo yêu cầu về Chuẩn đầu vào theo quy định tại Điều 6 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT</p>

Tên ngành/ CTĐT	Công nghệ chế tạo máy
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ giảng viên: có 08 giảng viên cơ hữu chuyên ngành trong đó có (3 PGS, 5 TS), và hơn 70 giảng viên (PGS, TS, ThS) trong khoa. - Cơ sở vật chất & trang thiết bị: có các phòng học, thư viện dùng chung, 20 PTN/xưởng thực hành cho ngành Công nghệ Chế tạo máy. - Giáo trình, tài liệu học tập: http://172.22.24.232/guidebook/index.php?controller=ChuongTrinhDaoTao - Có mối quan hệ chặt chẽ với các doanh nghiệp trong công tác đào tạo như: hỗ trợ chỗ thực tập, báo cáo chuyên đề doanh nghiệp, tổ chức tham quan kiến tập cho sinh viên,...

Tên ngành/ CTĐT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
Văn bằng được cấp	Kỹ sư
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>Đã đáp ứng yêu cầu mở ngành theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Về ngành Đào tạo Có trong danh mục đào tạo (mã ngành 7510203) 2. Về đội ngũ giảng viên <ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; - Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp (bao gồm cả tiến sĩ ngành phù hợp) là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy; - Có đội ngũ giảng viên bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo đều có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm. 3. Về cơ sở vật chất <ul style="list-style-type: none"> - Có đủ phòng học, thư viện. - Có phòng thí nghiệm, xưởng thực hành/ thực tập đầy đủ với các trang thiết bị hiện đại đáp ứng được yêu cầu đào tạo.
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ol style="list-style-type: none"> 1. Có khả năng áp dụng các kiến thức, kỹ thuật, kỹ năng và các công cụ toán, khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại để xác định, phân tích và giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực robot và AI một cách chuẩn mực. 2. Có khả năng thiết kế hệ thống, cụm chi tiết hoặc xây dựng phần mềm đáp ứng các yêu cầu cụ thể khi giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực robot và AI. 3. Có khả năng áp dụng các hình thức giao tiếp, tương tác dưới dạng văn bản, thuyết trình, đồ họa trong môi trường làm việc kỹ thuật và văn phòng. 4. Có khả năng tiến hành các hoạt động kiểm tra, đo lường và thí nghiệm tiêu chuẩn; có khả năng phân tích và trình bày kết quả để cải tiến quy trình. 5. Có khả năng hoạt động hiệu quả trong các đội ngũ kỹ thuật với vai trò thành viên hoặc lãnh đạo. 6. Có khả năng cập nhật và áp dụng các kiến thức khoa học công nghệ hiện đại.

Tên ngành/ CTĐT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
	<p>7. Có khả năng nhận thức về đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp khi đưa ra các giải pháp kỹ thuật, có xem xét tác động của các giải pháp này trong bối cảnh toàn cầu, kinh tế, môi trường và xã hội.</p> <p>8. Có khả năng vận hành và cải tiến hệ thống robot và AI.</p>
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	<p>Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương. ⇒ Đáp ứng theo yêu cầu về Chuẩn đầu vào theo quy định tại Điều 6 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT</p>
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ giảng viên: có 10 giảng viên cơ hữu chuyên ngành trong đó có (3 PGS, 7 TS), và hơn 70 giảng viên (PGS, TS, ThS) trong khoa. - Cơ sở vật chất & trang thiết bị: có các phòng học, thư viện dùng chung, 15 PTN cho ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử. - Giáo trình, tài liệu học tập: http://172.22.24.232/guidebook/index.php?controller=ChuongTrinhDaoTao - Có mối quan hệ chặt chẽ với các doanh nghiệp trong công tác đào tạo như: hỗ trợ chỗ thực tập, báo cáo chuyên đề doanh nghiệp, tổ chức tham quan kiến tập cho sinh viên,...

Tên ngành/ CTĐT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
Văn bằng được cấp	Kỹ sư
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>Đã đáp ứng yêu cầu mở ngành theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Về ngành Đào tạo Có trong danh mục đào tạo (mã ngành 7510201) 2. Về đội ngũ giảng viên <ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; - Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp (bao gồm cả tiến sĩ ngành phù hợp) là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy; - Có đội ngũ giảng viên bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo đều có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm. 3. Về cơ sở vật chất <ul style="list-style-type: none"> - Có đủ phòng học, thư viện. - Có phòng thí nghiệm, xưởng thực hành/thực tập đầy đủ với các trang thiết bị hiện đại đáp ứng được yêu cầu đào tạo.
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ol style="list-style-type: none"> 1. Có khả năng áp dụng các kiến thức về toán học, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ kỹ thuật cơ khí. 2. Có khả năng thiết kế thí nghiệm, tiến hành thí nghiệm, phân tích kết quả và kết luận.

Tên ngành/ CTĐT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
	3. Có khả năng phát triển giải pháp kỹ thuật cho lĩnh vực công nghệ kỹ thuật cơ khí trong phạm vi trong nước và thế giới dựa trên các kiến thức kỹ thuật, kỹ năng chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp. 4. Có khả năng liên tục cập nhật kiến thức và kỹ năng cần thiết khi gặp tình huống mới. 5. Có khả năng làm việc nhóm hiệu quả 6. Có khả năng tương tác hiệu quả bằng hình thức thuyết trình hoặc dưới dạng văn bản. 7. Có khả năng nhận dạng và phân tích các vấn đề phức tạp trong hệ thống cơ điện tử bằng cách mô hình hóa mô phỏng và thực nghiệm với sự trợ giúp bởi các phần mềm chuyên dụng và các thiết bị thí nghiệm chuyên dụng. 8. Có khả năng thiết kế, gia công và phát triển sản phẩm công nghiệp 9. Có khả năng vận hành các hệ thống máy và dây chuyền sản xuất.
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương. ⇒ Đáp ứng theo yêu cầu về Chuẩn đầu vào theo quy định tại Điều 6 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT.
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ giảng viên: có 08 giảng viên cơ hữu chuyên ngành trong đó có 02 PGS, 6 TS và hơn 70 giảng viên (PGS, TS, ThS) trong khoa. - Cơ sở vật chất & trang thiết bị: có các phòng học, thư viện dùng chung, 20 PTN/xưởng thực hành cho ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí. - Giáo trình, tài liệu học tập: http://172.22.24.232/guidebook/index.php?controller=ChuongTrinhDaoTao - Có mối quan hệ chặt chẽ với các doanh nghiệp trong công tác đào tạo như: hỗ trợ chỗ thực tập, báo cáo chuyên đề doanh nghiệp, tổ chức tham quan kiến tập cho sinh viên,...

Tên ngành/ CTĐT	Kỹ nghệ gỗ và nội thất
Văn bằng được cấp	Kỹ sư
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	Đã đáp ứng yêu cầu mở ngành theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo 1. Về ngành Đào tạo Có trong danh mục đào tạo (mã ngành 7549002) 2. Về đội ngũ giảng viên <ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; - Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp (bao gồm cả tiến sĩ ngành phù hợp) là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy; - Có đội ngũ giảng viên bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo đều có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm. 3. Về cơ sở vật chất

Tên ngành/ CTĐT	Kỹ nghệ gỗ và nội thất
	<ul style="list-style-type: none"> - Có đủ phòng học, thư viện. - Có phòng thí nghiệm, xưởng thực hành/thực tập đầy đủ với các trang thiết bị hiện đại đáp ứng được yêu cầu đào tạo.
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ol style="list-style-type: none"> 1. Có khả năng định nghĩa, tính toán và giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực Kỹ nghệ gỗ và nội thất bằng việc ứng dụng các nguyên lý toán học, khoa học và kỹ thuật. 2. Có khả năng phát triển và tiến hành thực nghiệm, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu để đưa ra các kết luận phù hợp trong lĩnh vực Kỹ nghệ gỗ và nội thất. 3. Có khả năng nhận thức về đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp của một kỹ sư; đưa ra các giải pháp hợp lý, có xem xét tác động của các giải pháp này trong bối cảnh toàn cầu, kinh tế, môi trường và xã hội. 4. Có khả năng cập nhật kiến thức và công nghệ mới, sử dụng phương pháp học tập phù hợp. 5. Có khả năng làm việc nhóm hiệu quả. 6. Có khả năng giao tiếp hiệu quả với nhiều hình thức và đối tượng khác nhau. 7. Có khả năng hình thành ý tưởng và thiết kế các giải pháp kỹ thuật trong lĩnh vực Kỹ nghệ gỗ và nội thất đáp ứng nhu cầu của xã hội. 8. Có khả năng triển khai các hệ thống kỹ thuật trong lĩnh vực Kỹ nghệ gỗ và nội thất. 9. Có khả năng vận hành và quản lý các hệ thống kỹ thuật trong lĩnh vực Kỹ nghệ gỗ và nội thất.
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	<p>Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương. ⇒ Đáp ứng theo yêu cầu về Chuẩn đầu vào theo quy định tại Điều 6 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT.</p>
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ giảng viên: có 06 giảng viên cơ hữu chuyên ngành trong đó có 01 PGS, 5 TS và hơn 70 giảng viên (PGS, TS, ThS) trong khoa. - Cơ sở vật chất & trang thiết bị: có các phòng học, thư viện dùng chung, 03 PTN/xưởng thực hành cho ngành Kỹ nghệ gỗ và nội thất. - Giáo trình, tài liệu học tập: http://172.22.24.232/guidebook/index.php?controller=ChuongTrinhDaoTao - Có mối quan hệ chặt chẽ với các doanh nghiệp trong công tác đào tạo như: hỗ trợ chỗ thực tập, báo cáo chuyên đề doanh nghiệp, tổ chức tham quan kiến tập cho sinh viên,...

Tên ngành/ CTĐT	Kỹ thuật công nghiệp
Văn bằng được cấp	Kỹ sư

Tên ngành/ CTĐT	Kỹ thuật công nghiệp
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>Đã đáp ứng yêu cầu mở ngành theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Về ngành Đào tạo Có trong danh mục đào tạo (mã ngành 7520117) 2. Về đội ngũ giảng viên <ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; - Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp (bao gồm cả tiến sĩ ngành phù hợp) là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy; - Có đội ngũ giảng viên bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo đều có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm. 3. Về cơ sở vật chất <ul style="list-style-type: none"> - Có đủ phòng học, thư viện. - Có phòng thí nghiệm, xưởng thực hành/ thực tập đầy đủ với các trang thiết bị hiện đại đáp ứng được yêu cầu đào tạo.
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ol style="list-style-type: none"> 1. Có khả năng nhận biết, trình bày và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kỹ thuật công nghiệp (KTCN) bằng cách áp dụng các nguyên tắc khoa học, kỹ thuật và toán học. 2. Có khả năng thiết kế thí nghiệm, tiến hành thí nghiệm, phân tích kết quả và kết luận. 3. Có khả năng phát triển giải pháp kỹ thuật cho lĩnh vực KTCN trong phạm vi trong nước và thế giới dựa trên các kiến thức kỹ thuật, kỹ năng chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp. 4. Có khả năng liên tục cập nhật kiến thức và kỹ năng cần thiết khi gặp tình huống mới. 5. Có khả năng làm việc nhóm hiệu quả. 6. Có khả năng tương tác hiệu quả bằng hình thức thuyết trình hoặc dưới dạng văn bản. 7. Có khả năng nhận dạng và phân tích các vấn đề phức tạp trong hệ thống KTCN bằng cách mô hình hóa mô phỏng với sự trợ giúp của các phần mềm chuyên dụng. 8. Có khả năng thiết kế và phát triển các hệ thống KTCN và dịch vụ. 9. Có khả năng phân tích, quản lý và đánh giá chất lượng các hệ thống KTCN và dịch vụ.
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	<p>Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương. ⇒ Đáp ứng theo yêu cầu về Chuẩn đầu vào theo quy định tại Điều 6 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT.</p>

Tên ngành/ CTĐT	Kỹ thuật công nghiệp
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ giảng viên: có 06 giảng viên cơ hữu chuyên ngành trong đó có 01 PGS, 5 TS và hơn 70 giảng viên (PGS, TS, ThS) trong khoa. - Cơ sở vật chất & trang thiết bị: có các phòng học, thư viện dùng chung, 4 PTN/xưởng thực hành cho ngành Kỹ thuật công nghiệp. - Giáo trình, tài liệu học tập: http://172.22.24.232/guidebook/index.php?controller=ChuongTrinhDaoTao - Có mối quan hệ chặt chẽ với các doanh nghiệp trong công tác đào tạo như: hỗ trợ chỗ thực tập, báo cáo chuyên đề doanh nghiệp, tổ chức tham quan kiến tập cho sinh viên,...

Tên ngành/ CTĐT	Robot và trí tuệ nhân tạo
Văn bằng được cấp	Kỹ sư
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>Đã đáp ứng yêu cầu mở ngành theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Về ngành Đào tạo Có trong danh mục đào tạo (mã ngành 7510209) 2. Về đội ngũ giảng viên <ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; - Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp (bao gồm cả tiến sĩ ngành phù hợp) là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy; - Có đội ngũ giảng viên bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo đều có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm. 3. Về cơ sở vật chất <ul style="list-style-type: none"> - Có đủ phòng học, thư viện. - Có phòng thí nghiệm, xưởng thực hành/ thực tập đầy đủ với các trang thiết bị hiện đại đáp ứng được yêu cầu đào tạo.

Tên ngành/ CTĐT	Robot và trí tuệ nhân tạo
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ol style="list-style-type: none"> 1. Có khả năng áp dụng các kiến thức, kỹ thuật, kỹ năng và các công cụ toán, khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại để xác định, phân tích và giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực robot và AI một cách chuẩn mực. 2. Có khả năng thiết kế hệ thống, cụm chi tiết hoặc xây dựng phần mềm đáp ứng các yêu cầu cụ thể khi giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực robot và AI. 3. Có khả năng áp dụng các hình thức giao tiếp, tương tác dưới dạng văn bản, thuyết trình, đồ họa trong môi trường làm việc kỹ thuật và văn phòng. 4. Có khả năng tiến hành các hoạt động kiểm tra, đo lường và thí nghiệm tiêu chuẩn; có khả năng phân tích và trình bày kết quả để cải tiến quy trình. 5. Có khả năng hoạt động hiệu quả trong các đội ngũ kỹ thuật với vai trò thành viên hoặc lãnh đạo. 6. Có khả năng cập nhật và áp dụng các kiến thức khoa học công nghệ hiện đại 7. Có khả năng nhận thức về đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp khi đưa ra các giải pháp kỹ thuật, có xem xét tác động của các giải pháp này trong bối cảnh toàn cầu, kinh tế, môi trường và xã hội. 8. Có khả năng vận hành và cải tiến hệ thống robot và AI.
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	<p>Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương. ⇒ Đáp ứng theo yêu cầu về Chuẩn đầu vào theo quy định tại Điều 6 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT.</p>
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ giảng viên: có 06 giảng viên cơ hữu chuyên ngành trong đó có 06 TS và hơn 70 giảng viên (PGS, TS, ThS) trong khoa. - Cơ sở vật chất & trang thiết bị: có các phòng học, thư viện dùng chung, 14 PTN cho ngành Robot và trí tuệ nhân tạo. - Giáo trình, tài liệu học tập: http://172.22.24.232/guidebook/index.php?controller=ChươngTrìnhĐàoTạo - Có mối quan hệ chặt chẽ với các doanh nghiệp trong công tác đào tạo như: hỗ trợ chỗ thực tập, báo cáo chuyên đề doanh nghiệp, tổ chức tham quan kiến tập cho sinh viên,...

Khoa: Giao thông và năng lượng

Tên ngành/ CTĐT	Công nghệ kỹ thuật nhiệt
Văn bằng được cấp	Kỹ sư
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>Đảm bảo đáp ứng các điều kiện về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ giảng viên cơ hữu - Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo - Hoạt động nghiên cứu khoa học - Hoạt động hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, có mối quan hệ hợp tác với các công ty nước ngoài trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, tuyển dụng
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<p>Đảm bảo đáp ứng yêu cầu tối thiểu chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ và mức độ tự chủ, trách nhiệm mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ngành Công nghệ Kỹ thuật Nhiệt. Bao gồm các khía cạnh như kiến thức chuyên môn, kỹ năng mềm, phẩm chất cá nhân và năng lực hành động, đảm bảo người học có đủ năng lực để làm việc, học tập và tham gia vào xã hội sau khi tốt nghiệp. Cụ thể chuẩn đầu ra đại học bao gồm các yêu cầu sau:</p>

Tên ngành/ CTĐT	Công nghệ kỹ thuật nhiệt
	<p><i>Kiến thức:</i> Sinh viên cần có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về ngành Công nghệ Kỹ thuật Nhiệt, có khả năng áp dụng kiến thức vào thực tiễn.</p> <p><i>Kỹ năng:</i> Sinh viên cần có các kỹ năng cần thiết như kỹ năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, giao tiếp, làm việc nhóm, ngoại ngữ, và sử dụng công nghệ thông tin.</p> <p><i>Thái độ:</i> Sinh viên cần có thái độ tích cực, có trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, và khả năng thích ứng với môi trường làm việc.</p> <p><i>Mức độ tự chủ và trách nhiệm:</i> Sinh viên cần có khả năng tự học, tự nghiên cứu, tự đánh giá và chịu trách nhiệm cho hành động của mình.</p>
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	<p>Chuẩn đầu vào giúp chọn được những sinh viên có khả năng học tập tốt, từ đó đảm bảo chất lượng đào tạo và kết quả đầu ra của chương trình. Các yêu cầu của chuẩn đầu vào về trình độ, năng lực và kiến thức mà người học cần đạt được để có thể theo học và thành công ngành Công nghệ Kỹ thuật Nhiệt. Các yêu cầu này bao gồm kiến thức, kỹ năng, phẩm chất và thái độ mà người học cần có để đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo và yêu cầu của thị trường lao động sau khi tốt nghiệp.</p> <p><i>Kiến thức:</i> Đảm bảo người học có nền tảng kiến thức cơ bản và cần thiết cho ngành học, thường được đánh giá qua các kỳ thi tốt nghiệp THPT, thi tuyển sinh đại học, hoặc các kỳ thi đánh giá năng lực.</p> <p><i>Kỹ năng:</i> Bao gồm kỹ năng học tập, kỹ năng tư duy, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề, và các kỹ năng mềm khác cần thiết cho việc học tập và làm việc.</p> <p><i>Phẩm chất và thái độ:</i> Đánh giá sự phù hợp của người học với môi trường đại học, bao gồm tính tự giác, tinh thần trách nhiệm, khả năng thích ứng và thái độ tích cực trong học tập và công việc.</p> <p><i>Chứng chỉ ngoại ngữ:</i> Một số chương trình đào tạo, đặc biệt là các chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh, yêu cầu người học phải có khả năng ngoại ngữ nhất định.</p>
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<p>Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Kỹ thuật Nhiệt đảm bảo các điều kiện chính như: phù hợp với mục tiêu, sứ mạng của cơ sở đào tạo, nhu cầu xã hội, và Khung trình độ quốc gia Việt Nam; có đội ngũ giảng viên cơ hữu đủ năng lực chuyên môn, kinh nghiệm quản lý, giảng dạy; có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu đào tạo.</p>

Tên ngành/ CTĐT	Công nghệ kỹ thuật ô tô
Văn bằng được cấp	Kỹ sư
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>Đảm bảo đáp ứng các điều kiện về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ giảng viên cơ hữu - Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo - Hoạt động nghiên cứu khoa học - Hoạt động hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, có mối quan hệ hợp tác với các công ty nước ngoài trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, tuyển dụng
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<p>Đảm bảo đáp ứng yêu cầu tối thiểu chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ và mức độ tự chủ, trách nhiệm mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô. Bao gồm các khía cạnh như kiến thức chuyên môn, kỹ năng mềm, phẩm chất cá nhân và năng lực hành động, đảm bảo người học có đủ năng lực để làm việc, học tập và tham gia vào xã hội sau khi tốt nghiệp. Cụ thể chuẩn đầu ra đại học bao gồm các yêu cầu sau:</p>

Tên ngành/ CTĐT	Công nghệ kỹ thuật ô tô
	<p><i>Kiến thức:</i> Sinh viên cần có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô, có khả năng áp dụng kiến thức vào thực tiễn.</p> <p><i>Kỹ năng:</i> Sinh viên cần có các kỹ năng cần thiết như kỹ năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, giao tiếp, làm việc nhóm, ngoại ngữ, và sử dụng công nghệ thông tin.</p> <p><i>Thái độ:</i> Sinh viên cần có thái độ tích cực, có trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, và khả năng thích ứng với môi trường làm việc.</p> <p><i>Mức độ tự chủ và trách nhiệm:</i> Sinh viên cần có khả năng tự học, tự nghiên cứu, tự đánh giá và chịu trách nhiệm cho hành động của mình.</p>
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	<p>Chuẩn đầu vào giúp chọn được những sinh viên có khả năng học tập tốt, từ đó đảm bảo chất lượng đào tạo và kết quả đầu ra của chương trình. Các yêu cầu của chuẩn đầu vào về trình độ, năng lực và kiến thức mà người học cần đạt được để có thể theo học và thành công ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô. Các yêu cầu này bao gồm kiến thức, kỹ năng, phẩm chất và thái độ mà người học cần có để đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo và yêu cầu của thị trường lao động sau khi tốt nghiệp.</p> <p><i>Kiến thức:</i> Đảm bảo người học có nền tảng kiến thức cơ bản và cần thiết cho ngành học, thường được đánh giá qua các kỳ thi tốt nghiệp THPT, thi tuyển sinh đại học, hoặc các kỳ thi đánh giá năng lực.</p> <p><i>Kỹ năng:</i> Bao gồm kỹ năng học tập, kỹ năng tư duy, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề, và các kỹ năng mềm khác cần thiết cho việc học tập và làm việc.</p> <p><i>Phẩm chất và thái độ:</i> Đánh giá sự phù hợp của người học với môi trường đại học, bao gồm tính tự giác, tinh thần trách nhiệm, khả năng thích ứng và thái độ tích cực trong học tập và công việc.</p> <p><i>Chứng chỉ ngoại ngữ:</i> Một số chương trình đào tạo, đặc biệt là các chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh, yêu cầu người học phải có khả năng ngoại ngữ nhất định.</p>
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<p>Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô đảm bảo các điều kiện chính như: phù hợp với mục tiêu, sứ mạng của cơ sở đào tạo, nhu cầu xã hội, và Khung trình độ quốc gia Việt Nam; có đội ngũ giảng viên cơ hữu đủ năng lực chuyên môn, kinh nghiệm quản lý, giảng dạy; có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu đào tạo.</p>

Tên ngành/ CTĐT	Năng lượng tái tạo
Văn bằng được cấp	Kỹ sư
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>Đảm bảo đáp ứng các điều kiện về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ giảng viên cơ hữu - Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo - Hoạt động nghiên cứu khoa học - Hoạt động hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, có mối quan hệ hợp tác với các công ty nước ngoài trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, tuyển dụng
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<p>Đảm bảo đáp ứng yêu cầu tối thiểu chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ và mức độ tự chủ, trách nhiệm mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ngành Năng lượng tái tạo. Bao gồm các khía cạnh như kiến thức chuyên môn, kỹ năng mềm, phẩm chất cá nhân và năng lực hành động, đảm bảo người học</p>

Tên ngành/ CTĐT	Năng lượng tái tạo
	<p>có đủ năng lực để làm việc, học tập và tham gia vào xã hội sau khi tốt nghiệp. Cụ thể chuẩn đầu ra đại học bao gồm các yêu cầu sau:</p> <p><i>Kiến thức:</i> Sinh viên cần có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về ngành Năng lượng tái tạo, có khả năng áp dụng kiến thức vào thực tiễn.</p> <p><i>Kỹ năng:</i> Sinh viên cần có các kỹ năng cần thiết như kỹ năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, giao tiếp, làm việc nhóm, ngoại ngữ, và sử dụng công nghệ thông tin.</p> <p><i>Thái độ:</i> Sinh viên cần có thái độ tích cực, có trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, và khả năng thích ứng với môi trường làm việc.</p> <p><i>Mức độ tự chủ và trách nhiệm:</i> Sinh viên cần có khả năng tự học, tự nghiên cứu, tự đánh giá và chịu trách nhiệm cho hành động của mình.</p>
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	<p>Chuẩn đầu vào giúp chọn được những sinh viên có khả năng học tập tốt, từ đó đảm bảo chất lượng đào tạo và kết quả đầu ra của chương trình. Các yêu cầu của chuẩn đầu vào về trình độ, năng lực và kiến thức mà người học cần đạt được để có thể theo học và thành công ngành Năng lượng tái tạo. Các yêu cầu này bao gồm kiến thức, kỹ năng, phẩm chất và thái độ mà người học cần có để đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo và yêu cầu của thị trường lao động sau khi tốt nghiệp.</p> <p><i>Kiến thức:</i> Đảm bảo người học có nền tảng kiến thức cơ bản và cần thiết cho ngành học, thường được đánh giá qua các kỳ thi tốt nghiệp THPT, thi tuyển sinh đại học, hoặc các kỳ thi đánh giá năng lực.</p> <p><i>Kỹ năng:</i> Bao gồm kỹ năng học tập, kỹ năng tư duy, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề, và các kỹ năng mềm khác cần thiết cho việc học tập và làm việc.</p> <p><i>Phẩm chất và thái độ:</i> Đánh giá sự phù hợp của người học với môi trường đại học, bao gồm tính tự giác, tinh thần trách nhiệm, khả năng thích ứng và thái độ tích cực trong học tập và công việc.</p> <p><i>Chứng chỉ ngoại ngữ:</i> Một số chương trình đào tạo, đặc biệt là các chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh, yêu cầu người học phải có khả năng ngoại ngữ nhất định.</p>
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<p>Chương trình đào tạo ngành Năng lượng tái tạo đảm bảo các điều kiện chính như: phù hợp với mục tiêu, sứ mạng của cơ sở đào tạo, nhu cầu xã hội, và Khung trình độ quốc gia Việt Nam; có đội ngũ giảng viên cơ hữu đủ năng lực chuyên môn, kinh nghiệm quản lý, giảng dạy; có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu đào tạo.</p>

Khoa: Công nghệ hóa học & thực phẩm

Tên ngành/ CTĐT	Công nghệ kỹ thuật hóa học
Văn bằng được cấp	Kỹ sư
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>Đã đáp ứng yêu cầu mở ngành theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <p>1. Về ngành Đào tạo Có trong danh mục đào tạo (Mã 7510401)</p> <p>2. Về đội ngũ giảng viên</p> <ul style="list-style-type: none">- Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo;- Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp (bao gồm cả tiến sĩ ngành phù hợp) là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy;- Có đội ngũ giảng viên bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo đều có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm. <p>3. Về cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none">- Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành- Có đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ, máy móc phục vụ các học phần thực tập, thí nghiệm, thực hành.- Có đầy đủ các đầu sách cho các môn học được lưu trữ ở thư viện, thư viện online, văn phòng Bộ môn.
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ol style="list-style-type: none">1. Đánh giá các vấn đề công nghệ kỹ thuật trong lĩnh vực Hóa học bằng việc ứng dụng các nguyên lý toán học, khoa học và kỹ thuật2. Đánh giá các dữ liệu thực nghiệm để đưa ra các kết luận phù hợp trong lĩnh vực công nghệ kỹ thuật Hóa học3. Nhận thức được về đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp của một kỹ sư.4. Nhận thức được nhu cầu và sử dụng được các yếu tố cần thiết để thực hiện việc học tập suốt đời.5. Làm việc nhóm hiệu quả6. Có khả năng giao tiếp hiệu quả với nhiều hình thức, đối tượng khác nhau và giao tiếp được bằng tiếng Anh7. Xác định được các giải pháp kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ kỹ thuật Hóa học nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội.8. Triển khai được các hệ thống kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ kỹ thuật Hóa học.9. Vận hành và quản lý được các hệ thống kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ kỹ thuật Hóa học
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	<p>Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông. ⇒ Đáp ứng theo yêu cầu về Chuẩn đầu vào theo quy định tại Điều 6 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT</p>

Tên ngành/ CTĐT	Công nghệ kỹ thuật hóa học
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<p>Đội ngũ giảng viên: Có 19 giảng viên cơ hữu chuyên ngành Công nghệ Kỹ thuật Hóa học, trong đó có 01 GS.TS, 05 PGS.TS, 12 TS, và 01 ThS, và 01 Nhân viên Phòng thí nghiệm.</p> <p>Cơ sở vật chất & trang thiết bị: Có các phòng học, thư viện dùng chung, có 7 phòng thí nghiệm, thực tập, thực hành với các trang thiết bị, dụng cụ, máy móc hiện đại.</p> <p>Giáo trình, tài liệu học tập: Danh mục các giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng đầy đủ CTĐT (Link: Thư viện)</p> <p>Hoạt động nghiên cứu khoa học: Năng lực NCKH của đội ngũ Giảng viên được cập nhật thường xuyên trên website. (Link: http://pttcnhhttp.com/faculty-achievements/publications/)</p>

Tên ngành/ CTĐT	Công nghệ kỹ thuật môi trường
Văn bằng được cấp	Kỹ sư
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>Đã đáp ứng yêu cầu mở ngành theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <ol style="list-style-type: none"> Về ngành Đào tạo Có trong danh mục đào tạo (Mã 7510406) Về đội ngũ giảng viên <ul style="list-style-type: none"> Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp (bao gồm cả tiến sĩ ngành phù hợp) là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy; Có đội ngũ giảng viên bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo đều có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm. Về cơ sở vật chất <ul style="list-style-type: none"> Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành Có đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ, máy móc phục vụ các học phần thực tập, thí nghiệm, thực hành. Có đầy đủ các đầu sách cho các môn học được lưu trữ ở thư viện, thư viện online, văn phòng Bộ môn.
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ol style="list-style-type: none"> Đánh giá tổng quát các vấn đề kỹ thuật thông qua việc vận dụng các nguyên lý tự nhiên, khoa học cơ bản và kỹ thuật trong nhiều lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ. Tổng hợp và phân tích dữ liệu nhằm đưa ra các kết luận phù hợp trong lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật Môi trường. Thiết kế các giải pháp kỹ thuật trong lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật Môi trường nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Xây dựng và phát triển nhóm làm việc hiệu quả trong môi trường kỹ thuật.

Tên ngành/ CTĐT	Công nghệ kỹ thuật môi trường
	5. Giao tiếp hiệu quả với nhiều đối tượng khác nhau, bao gồm khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh. 6. Triển khai các hệ thống kỹ thuật trong lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật Môi trường. 7. Vận hành các hệ thống kỹ thuật trong lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật Môi trường. 8. Nhận thức và thực hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp của kỹ sư trong bối cảnh toàn cầu, kinh tế, môi trường và xã hội. 9. Xác định nhu cầu học tập và chủ động thực hiện việc học tập suốt đời.
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông. ⇒ Đáp ứng theo yêu cầu về Chuẩn đầu vào theo quy định tại Điều 6 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<p>Đội ngũ giảng viên: Có 09 giảng viên cơ hữu chuyên ngành Công nghệ Kỹ thuật Môi trường, trong đó có 04 PGS.TS, 04 TS, và 01 ThS, và 1 Nhân viên Phòng thí nghiệm.</p> <p>Cơ sở vật chất & trang thiết bị: Có các phòng học, thư viện dùng chung, có 5 phòng thí nghiệm, thực tập với các trang thiết bị, dụng cụ, máy móc hiện đại.</p> <p>Giáo trình, tài liệu học tập: Danh mục các giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng đầy đủ CTĐT (Link: Thư viện)</p> <p>Hoạt động nghiên cứu khoa học: Năng lực NCKH của đội ngũ Giảng viên được cập nhật thường xuyên trên website. (Link: http://pttenthhttp.com/faculty-achievements/publications/)</p>

Tên ngành/ CTĐT	Công nghệ thực phẩm
Văn bằng được cấp	Kỹ sư
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	Đã đáp ứng yêu cầu mở ngành theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo <ol style="list-style-type: none"> 1. Về ngành Đào tạo Có trong danh mục đào tạo (Mã ngành 7540101) 2. Về đội ngũ giảng viên <ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; - Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp (bao gồm cả tiến sĩ ngành phù hợp) là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy; - Có đội ngũ giảng viên bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo đều có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm. 3. Về cơ sở vật chất <ul style="list-style-type: none"> - Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành - Có đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ, máy móc phục vụ các học phần thực tập, thí nghiệm, thực hành.

Tên ngành/ CTĐT	Công nghệ thực phẩm
	- Có đầy đủ các đầu sách cho các môn học được lưu trữ ở thư viện, thư viện online, văn phòng Bộ môn.
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ol style="list-style-type: none"> 1. Có khả năng định nghĩa, tính toán, đánh giá và giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực Công nghệ Thực phẩm bằng việc ứng dụng các nguyên lý toán học, khoa học và kỹ thuật 2. Có khả năng phát triển và tiến hành thực nghiệm, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu để đưa ra các kết luận phù hợp trong lĩnh vực Công nghệ Thực phẩm 3. Có khả năng nhận thức về đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp của một kỹ sư; đưa ra các giải pháp hợp lý, có xem xét tác động của các giải pháp này trong bối cảnh toàn cầu, kinh tế, môi trường và xã hội 4. Có khả năng cập nhật kiến thức và công nghệ mới, sử dụng phương pháp học tập phù hợp. 5. Có khả năng làm việc nhóm hiệu quả 6. Có khả năng giao tiếp hiệu quả với nhiều hình thức và đối tượng khác nhau 7. Có khả năng áp dụng các thiết kế kỹ thuật để hình thành các giải pháp đáp ứng các yêu cầu cụ thể trong lĩnh vực Công nghệ Thực phẩm. 8. Có khả năng vận hành và quản lý các hệ thống kỹ thuật trong lĩnh vực Công nghệ Thực phẩm.
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông. ⇒ Đáp ứng theo yêu cầu về Chuẩn đầu vào theo quy định tại Điều 6 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<p>Đội ngũ giảng viên: Có 16 giảng viên cơ hữu chuyên ngành Công nghệ Thực phẩm trong đó có 01 GS.TS, 03 PGS.TS, 07 TS, và 05 ThS, và 1 Nhân viên Phòng thí nghiệm.</p> <p>Cơ sở vật chất & trang thiết bị: Có các phòng học, thư viện dùng chung, có 7 phòng thí nghiệm, thực tập với các trang thiết bị, dụng cụ, máy móc hiện đại.</p> <p>Giáo trình, tài liệu học tập: Danh mục các giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng đầy đủ CTĐT (Link: Thư viện)</p> <p>Hoạt động nghiên cứu khoa học: Năng lực NCKH của đội ngũ Giảng viên được cập nhật thường xuyên trên website. (Link: http://pttcnhhttp.com/faculty-achievements/publications/)</p>

Tên ngành/ CTĐT	“Khoa học Thực phẩm và Dinh dưỡng” thuộc Ngành Công nghệ Thực phẩm
Văn bằng được cấp	Kỹ sư
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>Đã đáp ứng yêu cầu mở ngành theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Về ngành Đào tạo Có trong danh mục đào tạo (Mã 7540101) 2. Về đội ngũ giảng viên <ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (không trùng với giảng viên cơ hữu

Tên ngành/ CTĐT	“Khoa học Thực phẩm và Dinh dưỡng” thuộc Ngành Công nghệ Thực phẩm
	<p>là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp (bao gồm cả tiến sĩ ngành phù hợp) là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy; - Có đội ngũ giảng viên bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo đều có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm. <p>3. Về cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành - Có đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ, máy móc phục vụ các học phần thực tập, thí nghiệm, thực hành. - Có đầy đủ các đầu sách cho các môn học được lưu trữ ở thư viện, thư viện online, văn phòng Bộ môn.
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phân tích được các mối liên hệ giữa các kiến thức khoa học kỹ thuật cơ bản với các vấn đề trong lĩnh vực Khoa học Thực phẩm và Dinh dưỡng (KHTP&DD). 2. Tạo ra được các giải pháp đáp ứng các yêu cầu cụ thể trong lĩnh vực KHTP&DD. 3. Phân tích được kết quả thực nghiệm để đưa ra các kết luận phù hợp trong lĩnh vực KHTP&DD. 4. Giải quyết được các vấn đề liên quan đến lĩnh vực KHTP&DD 5. Có khả năng giao tiếp hiệu quả. 6. Có khả năng làm việc nhóm hiệu quả. 7. Vận dụng hiệu quả các công nghệ mới và công cụ số để học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực KHTP&DD. 8. Hình thành các phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp của một kỹ sư có xem xét tác động của các giải pháp kỹ thuật trong bối cảnh toàn cầu, kinh tế, môi trường và xã hội.
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	<p>Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông. ⇒ Đáp ứng theo yêu cầu về Chuẩn đầu vào theo quy định tại Điều 6 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT</p>
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<p>Đội ngũ giảng viên: Có 23 giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy Chương trình đào tạo KHTP&DD, trong đó có 01 GS.TS, 04 PGS.TS, 12 TS, và 6 ThS.</p> <p>Cơ sở vật chất & trang thiết bị: Có các phòng học, thư viện dùng chung, có 7 phòng thí nghiệm, thực tập với các trang thiết bị, dụng cụ, máy móc hiện đại.</p> <p>Giáo trình, tài liệu học tập: Danh mục các giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng đầy đủ CTĐT (Link: Thư viện)</p> <p>Hoạt động nghiên cứu khoa học: Năng lực NCKH của đội ngũ Giảng viên được cập nhật thường xuyên trên website. (Link: http://pttnhhpt.com/faculty-achievements/publications/)</p>

Tên ngành/ CTĐT	“Môi trường và Phát triển bền vững” thuộc Ngành Quản lý môi trường
Văn bằng được cấp	Cử nhân
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>Đã đáp ứng yêu cầu mở ngành theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <p>1. Về ngành Đào tạo Có trong danh mục đào tạo (Mã 7850101)</p> <p>2. Về đội ngũ giảng viên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; - Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp (bao gồm cả tiến sĩ ngành phù hợp) là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy; - Có đội ngũ giảng viên bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo đều có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm. <p>3. Về cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành - Có đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ, máy móc phục vụ các học phần thực tập, thí nghiệm, thực hành. - Có đầy đủ các đầu sách cho các môn học được lưu trữ ở thư viện, thư viện online, văn phòng Bộ môn.
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ol style="list-style-type: none"> 1. Vận dụng các nguyên lý sinh thái môi trường, các quá trình hóa – lý – sinh trong hệ thống tự nhiên và nguyên tắc phát triển bền vững nhằm hài hòa mối quan hệ giữa môi trường, kinh tế và xã hội. 2. Tổng hợp và phân tích dữ liệu để đưa ra các kết luận phù hợp trong lĩnh vực Môi trường và Phát triển bền vững. 3. Nhận thức và thực hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp của cử nhân trong bối cảnh toàn cầu, kinh tế, môi trường và xã hội. 4. Xác định nhu cầu học tập suốt đời và chủ động cập nhật tri thức, kỹ năng phục vụ phát triển nghề nghiệp. 5. Xây dựng và duy trì môi trường làm việc nhóm hiệu quả trong học tập, nghiên cứu và thực tiễn nghề nghiệp. 6. Giao tiếp hiệu quả với các đối tượng khác nhau và sử dụng tiếng Anh trong học tập, nghiên cứu và công việc chuyên môn. 7. Phát triển các giải pháp quản lý trong lĩnh vực Môi trường và Phát triển bền vững nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội. 8. Triển khai các dự án liên quan đến bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong bối cảnh thực tiễn. 9. Quản lý các dự án liên quan đến bảo vệ môi trường và phát triển bền vững theo mục tiêu, nguồn lực và yêu cầu chuyên môn.
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	<p>Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông. ⇒ Đáp ứng theo yêu cầu về Chuẩn đầu vào theo quy định tại Điều 6 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT</p>

<p>Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo</p>	<p>Đội ngũ giảng viên: Có 09 giảng viên cơ hữu chuyên ngành Công nghệ Kỹ thuật Môi trường, trong đó có 04 PGS.TS, 04 TS, và 01 ThS, và 1 Nhân viên Phòng thí nghiệm.</p> <p>Cơ sở vật chất & trang thiết bị: Có các phòng học, thư viện dùng chung, có 5 phòng thí nghiệm, thực tập với các trang thiết bị, dụng cụ, máy móc hiện đại.</p> <p>Giáo trình, tài liệu học tập: Danh mục các giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng đầy đủ CTĐT (Link: Thư viện)</p> <p>Hoạt động nghiên cứu khoa học: Năng lực NCKH của đội ngũ Giảng viên được cập nhật thường xuyên trên website. (Link: http://pttcnhhttp.com/faculty-achievements/publications/)</p>
---	--

Khoa: Công nghệ thông tin

<p>Tên ngành/ CTĐT</p>	<p>An toàn thông tin</p>
<p>Văn bằng được cấp</p>	<p>Kỹ sư</p>
<p>Yêu cầu về điều kiện mở ngành</p>	<p>Cần đảm bảo các điều kiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ giảng viên cơ hữu - Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo - Hoạt động nghiên cứu khoa học - Hoạt động hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, có mối quan hệ hợp tác với các công ty nước ngoài trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, tuyên dụng
<p>Yêu cầu về Chuẩn đầu ra</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng áp dụng các nguyên tắc toán học, thuật toán, cũng như khoa học để xác định giải pháp cho vấn đề trong công nghệ thông tin. - Khả năng nhận biết trách nhiệm nghề nghiệp và đưa ra những đánh giá sáng suốt trong xây dựng giải pháp an toàn thông tin dựa trên các nền tảng pháp lý và đạo đức - Khả năng tiếp thu và áp dụng kiến thức mới, sử dụng các chiến lược học tập phù hợp - Khả năng hoạt động hiệu quả trong một nhóm mà các thành viên cùng nhau lãnh đạo, tạo ra một môi trường hợp tác và hòa nhập, thiết lập các mục tiêu, lập kế hoạch nhiệm vụ và đáp ứng các mục tiêu - Khả năng giao tiếp hiệu quả với nhiều đối tượng, và giao tiếp bằng tiếng Anh - Khả năng thiết kế, cài đặt, và đánh giá giải pháp để đáp ứng các yêu cầu cụ thể trong lĩnh vực an toàn thông tin. - Khả năng áp dụng các công nghệ phù hợp để tạo ra các giải pháp an toàn thông tin
<p>Yêu cầu về Chuẩn đầu vào</p>	<p>Việc xét tuyển vào chuyên ngành ATTT sẽ dựa trên tiêu chí sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những thí sinh đủ điều kiện tuyển thẳng của Bộ GD&ĐT. - Những thí sinh khối thi đạt điểm số trong kỳ thi tuyển sinh Đại học (TH quốc gia) theo quy định của hội đồng tuyển. - Những thí sinh đạt điểm số trong kỳ thi kiểm tra trình độ năng lực. - Những thí sinh đạt điểm số từ kết quả xét học bạ

Tên ngành/ CTĐT	An toàn thông tin
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	CTĐT cần đảm bảo các khía cạnh như chuẩn đầu ra, khung chương trình, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, công tác đảm bảo chất lượng, kết nối giữa nhà trường, sinh viên, và doanh nghiệp, nhằm đảm bảo chất lượng của toàn bộ chương trình đào tạo.

Tên ngành/ CTĐT	Công nghệ thông tin
Văn bằng được cấp	Kỹ sư
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	Cần đảm bảo các điều kiện: <ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ giảng viên cơ hữu - Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo - Hoạt động nghiên cứu khoa học - Hoạt động hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, có mối quan hệ hợp tác với các công ty nước ngoài trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, tuyển dụng
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng áp dụng các nguyên tắc toán học, thuật toán, cũng như khoa học để xác định giải pháp cho vấn đề trong công nghệ thông tin. - Khả năng nhận biết trách nhiệm nghề nghiệp và đưa ra những đánh giá sáng suốt trong xây dựng giải pháp công nghệ thông tin dựa trên các nền tảng pháp lý và đạo đức. - Khả năng tiếp thu và áp dụng kiến thức mới, sử dụng các chiến lược học tập phù hợp - Khả năng hoạt động hiệu quả trong một nhóm mà các thành viên cùng nhau lãnh đạo, tạo ra một môi trường hợp tác và hòa nhập, thiết lập các mục tiêu, lập kế hoạch nhiệm vụ và đáp ứng các mục tiêu. - Khả năng giao tiếp hiệu quả với nhiều đối tượng, và giao tiếp bằng tiếng Anh - Khả năng thiết kế, cài đặt, và đánh giá giải pháp để đáp ứng các yêu cầu cụ thể trong lĩnh vực công nghệ thông tin. - Khả năng áp dụng các công nghệ phù hợp để tạo ra các giải pháp công nghệ thông tin
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	Việc xét tuyển vào chuyên ngành CNTT sẽ dựa trên tiêu chí sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Những thí sinh đủ điều kiện tuyển thẳng của Bộ GD&ĐT. - Những thí sinh khối thi đạt điểm số trong kỳ thi tuyển sinh Đại học (TH quốc gia) theo quy định của hội đồng tuyển. - Những thí sinh đạt điểm số trong kỳ thi kiểm tra trình độ năng lực đại học quốc gia. - Những thí sinh đạt điểm số từ kết quả xét học bạ
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	CTĐT cần đảm bảo các khía cạnh như chuẩn đầu ra, khung chương trình, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, công tác đảm bảo chất lượng, kết nối giữa nhà trường, sinh viên, và doanh nghiệp, nhằm đảm bảo chất lượng của toàn bộ chương trình đào tạo.

Tên ngành/ CTĐT	Kỹ thuật dữ liệu
Văn bằng được cấp	Kỹ sư
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	Cần đảm bảo các điều kiện: <ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ giảng viên cơ hữu - Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo - Hoạt động nghiên cứu khoa học - Hoạt động hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, có mối quan hệ hợp tác với các công ty nước ngoài trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, tuyển dụng
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng áp dụng các nguyên tắc toán học, thuật toán, cũng như khoa học để xác định giải pháp cho vấn đề trong công nghệ thông tin. - Khả năng nhận biết trách nhiệm nghề nghiệp và đưa ra những đánh giá sáng suốt trong xây dựng giải pháp kỹ thuật dữ liệu dựa trên các nền tảng pháp lý và đạo đức. - Khả năng tiếp thu và áp dụng kiến thức mới, sử dụng các chiến lược học tập phù hợp - Khả năng hoạt động hiệu quả trong một nhóm mà các thành viên cùng nhau lãnh đạo, tạo ra một môi trường hợp tác và hòa nhập, thiết lập các mục tiêu, lập kế hoạch nhiệm vụ và đáp ứng các mục tiêu. - Khả năng giao tiếp hiệu quả với nhiều đối tượng, và giao tiếp bằng tiếng Anh - Khả năng thiết kế, cài đặt, và đánh giá giải pháp để đáp ứng các yêu cầu cụ thể trong lĩnh vực kỹ thuật dữ liệu. - Khả năng áp dụng các công nghệ phù hợp để tạo ra các giải pháp kỹ thuật dữ liệu
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	Việc xét tuyển vào chuyên ngành kỹ thuật dữ liệu sẽ dựa trên tiêu chí sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Những thí sinh đủ điều kiện tuyển thẳng của Bộ GD&ĐT. - Những thí sinh khối thi đạt điểm số trong kỳ thi tuyển sinh Đại học (TH quốc gia) theo quy định của hội đồng tuyển. - Những thí sinh đạt điểm số trong kỳ thi kiểm tra trình độ năng lực đại học quốc gia. - Những thí sinh đạt điểm số từ kết quả xét học bạ
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	CTĐT cần đảm bảo các khía cạnh như chuẩn đầu ra, khung chương trình, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, công tác đảm bảo chất lượng, kết nối giữa nhà trường, sinh viên, và doanh nghiệp, nhằm đảm bảo chất lượng của toàn bộ chương trình đào tạo.

Khoa: Điện – điện tử

Tên ngành /CTĐT	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông
Văn bằng được cấp	Kỹ sư
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>Đã đáp ứng yêu cầu mở ngành theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <p>1. Về ngành Đào tạo Có trong danh mục đào tạo (Mã 7510302)</p>

Tên ngành /CTĐT	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông
	<p>2. Về đội ngũ giảng viên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; - Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp (bao gồm cả tiến sĩ ngành phù hợp) là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy; - Có đội ngũ giảng viên bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo đều có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm. <p>3. Về cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đủ phòng học, thư viện. - Phòng thực hành điện tử - Phòng thực hành kỹ thuật số - Phòng thực hành vi xử lý - Phòng thực hành thiết kế vi mạch số - Phòng thực hành viễn thông - Phòng thực hành thiết kế vi mạch - Phòng thực hành xử lý tín hiệu - Phòng thực hành hệ thống nhúng
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng vận dụng kiến thức về toán, khoa học tự nhiên và các nguyên lý kỹ thuật để nhận diện, đề ra và giải quyết các vấn đề kỹ thuật phức tạp. - Khả năng vận dụng thiết kế kỹ thuật để tạo ra các giải pháp đáp ứng những yêu cầu cụ thể có xét đến các vấn đề về sức khỏe, an toàn và phúc lợi cộng đồng, cũng như các yếu tố kinh tế, môi trường và xã hội. - Khả năng giao tiếp hiệu quả với các đối tượng người nghe khác nhau và giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các ngữ cảnh khác nhau. - Khả năng nhận thức về trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong các tình huống kỹ thuật và đề ra các lập luận trên cơ sở xét đến ảnh hưởng của giải pháp kỹ thuật trong các bối cảnh về kinh tế, xã hội, môi trường, và toàn cầu. - Khả năng hoạt động nhóm hiệu quả trong đó các thành viên cùng thể hiện được khả năng lãnh đạo, tạo ra môi trường gắn kết và hợp tác, thiết lập mục tiêu, lên kế hoạch tác vụ và đáp ứng các mục tiêu. - Khả năng phát triển và tiến hành các thí nghiệm hợp lý, phân tích và diễn giải dữ liệu, và sử dụng lập luận kỹ thuật để rút ra các kết luận. - Khả năng tiếp thu và vận dụng kiến thức mới khi cần thiết bằng cách sử dụng chiến lược học tập phù hợp. - Khả năng vận hành, bảo trì những hệ thống điện tử công nghiệp. - Khả năng phân tích, quản lý, đánh giá chất lượng dự án điện tử công nghiệp. <p>® Các chuẩn đầu ra trên đã đáp ứng các yêu cầu về Chuẩn đầu ra theo yêu cầu về Chuẩn đầu ra của chương trình Đào tạo tại Điều 5 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, đảm bảo các tiêu chí rõ ràng, thiết thực; đo lường được, đánh giá được, phù hợp với khung trình độ quốc gia, có tính liên thông, có tính khả thi.</p>

Tên ngành /CTĐT	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông. ® Đáp ứng theo yêu cầu về Chuẩn đầu vào theo quy định tại Điều 6 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ giảng viên: Có 16 giảng viên cơ hữu chuyên ngành trong đó có 6 PGS.TS, 10 TS; - Cơ sở vật chất & trang thiết bị: Có các phòng học, thư viện dùng chung, có các phòng thực hành, thực tập phù hợp theo từng môn học. - Giáo trình, tài liệu học tập: Thư viện Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật TPHCM và tài liệu từ mạng internet - Quan hệ với doanh nghiệp/thực tiễn: <ul style="list-style-type: none"> + Trong CTĐT có học phần Thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp, công ty (2 tín chỉ) + SV bắt buộc phải tham gia học phần Chuyên đề doanh nghiệp (2 chuyên đề / 1 khóa học) + Doanh nghiệp cùng tham gia vào quá trình xây dựng, hiệu chỉnh đề cương chi tiết môn học và chương trình đào tạo các ngành. + Doanh nghiệp tham gia Ngày hội việc làm của Trường tổ chức định kỳ hằng năm. + Doanh nghiệp tài trợ các trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học của sinh viên và giảng viên. + Doanh nghiệp tài trợ các cuộc thi học thuật và học bổng cho sinh viên.

Tên ngành/ CTĐT	“Kỹ thuật Thiết kế Vi mạch” thuộc Ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông
Văn bằng được cấp	Kỹ sư
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>Đã đáp ứng yêu cầu mở ngành theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <p style="text-align: center;">1. Về ngành Đào tạo</p> <p style="text-align: center;">Có trong danh mục đào tạo (Mã 7510302)</p> <p style="text-align: center;">2. Về đội ngũ giảng viên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; - Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp (bao gồm cả tiến sĩ ngành phù hợp) là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy;

Tên ngành/ CTĐT	“Kỹ thuật Thiết kế Vi mạch” thuộc Ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông
	<ul style="list-style-type: none"> - Có đội ngũ giảng viên bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo đều có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm. 3. Về cơ sở vật chất - Có đủ phòng học, thư viện. - Phòng thực hành điện tử - Phòng thực hành kỹ thuật số - Phòng thực hành thiết kế vi mạch số - Phòng thực hành thiết kế vi mạch tương tự - Phòng thực hành thiết kế hệ thống SoC - Phòng thực hành Phân vùng và đồng thiết kế HW/SW - Phòng thực hành xử lý tín hiệu - Phòng thực hành hệ thống nhúng - Phòng thực hành thông tin vô tuyến
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng vận dụng kiến thức về toán, khoa học tự nhiên và các nguyên lý kỹ thuật để nhận diện, đề ra và giải quyết các vấn đề kỹ thuật phức tạp. - Khả năng vận dụng thiết kế kỹ thuật để tạo ra các giải pháp, thành phần, thiết bị và hệ thống đáp ứng những yêu cầu cụ thể trên cơ sở xét đến các vấn đề về sức khỏe, an toàn và phúc lợi cộng đồng, cũng như các yếu tố kinh tế, môi trường và xã hội. - Khả năng giao tiếp hiệu quả với các đối tượng người nghe khác nhau và giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các ngữ cảnh khác nhau. - Khả năng nhận thức về trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong các tình huống kỹ thuật và đề ra các lập luận trên cơ sở xét đến ảnh hưởng của giải pháp kỹ thuật trong các bối cảnh về kinh tế, xã hội, môi trường, và toàn cầu. - Khả năng hoạt động nhóm hiệu quả trong đó các thành viên cùng thể hiện được khả năng lãnh đạo, tạo ra môi trường gắn kết và hợp tác, thiết lập mục tiêu, lên kế hoạch tác vụ và đáp ứng các mục tiêu. - Khả năng phát triển và tiến hành các thí nghiệm hợp lý, phân tích và diễn giải dữ liệu, và sử dụng lập luận kỹ thuật để rút ra các kết luận. - Khả năng tiếp thu và vận dụng kiến thức mới khi cần thiết bằng cách sử dụng chiến lược học tập phù hợp. <p>® Các chuẩn đầu ra trên đã đáp ứng các yêu cầu về Chuẩn đầu ra theo yêu cầu về Chuẩn đầu ra của chương trình Đào tạo tại Điều 5 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, đảm bảo các tiêu chí rõ ràng, thiết thực; đo lường được, đánh giá được, phù hợp với khung trình độ quốc gia, có tính liên thông, có tính khả thi.</p>
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	<p>Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông.</p> <p>Đáp ứng theo yêu cầu về Chuẩn đầu vào theo quy định tại Điều 6 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT.</p>

Tên ngành/CTĐT	“Kỹ thuật Thiết kế Vi mạch” thuộc Ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ giảng viên: Có 11 giảng viên cơ hữu chuyên ngành trong đó có 2 PGS.TS, 9 TS; - Cơ sở vật chất & trang thiết bị: Có các phòng học, thư viện dùng chung, có các phòng thực hành, thực tập phù hợp theo từng môn học. - Giáo trình, tài liệu học tập: Thư viện Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật TPHCM và tài liệu từ mạng internet - Quan hệ với doanh nghiệp/thực tiễn: <ul style="list-style-type: none"> + Trong CTĐT có học phần Thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp, công ty (2 tín chỉ) + SV bắt buộc phải tham gia học phần Chuyên đề doanh nghiệp (2 chuyên đề / 1 khóa học) + Doanh nghiệp cùng tham gia vào quá trình xây dựng, hiệu chỉnh đề cương chi tiết môn học và chương trình đào tạo các ngành. + Doanh nghiệp tham gia Ngày hội việc làm của Trường tổ chức định kỳ hằng năm. + Doanh nghiệp tài trợ các trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học của sinh viên và giảng viên. + Doanh nghiệp tài trợ các cuộc thi học thuật và học bổng cho sinh viên.

Tên ngành/CTĐT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
Văn bằng được cấp	Kỹ sư
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>Đã đáp ứng yêu cầu mở ngành theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Về ngành Đào tạo Có trong danh mục đào tạo (Mã 7510301) 2. Về đội ngũ giảng viên <ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; - Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp (bao gồm cả tiến sĩ ngành phù hợp) là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy; - Có đội ngũ giảng viên bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo đều có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm. 3. Về cơ sở vật chất <ul style="list-style-type: none"> - Có đủ phòng học, thư viện. - Phòng thực hành điện - Phòng thực hành điện tử - Phòng thực hành kỹ thuật số - Phòng thực hành vi xử lý

Tên ngành/ CTĐT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng thực hành Cung cấp điện - Phòng thực hành trung tâm đào tạo GE-UTE - Phòng thực hành truyền động điện - Phòng thực hành năng lượng tái tạo
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng nhận biết, trình bày và giải quyết các vấn đề kỹ thuật phức tạp bằng cách áp dụng các nguyên tắc khoa học, kỹ thuật và toán học - Phân tích kết quả thử nghiệm các vấn đề kỹ thuật liên quan hệ thống điện công nghiệp - Lập kế hoạch tự học nhằm đề xuất các giải pháp sáng tạo giải quyết các vấn đề chuyên ngành - Phát triển thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp - Tổ chức làm việc nhóm dựa trên đặc tính từng thành viên của nhóm để giải quyết mục tiêu dự án - Khả năng giao tiếp hiệu quả nhằm đáp ứng nhu cầu và đặc tính của người nghe, sử dụng kiến thức ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp - Thiết kế một phần hoặc toàn phần hệ thống điện công nghiệp dựa trên kiến thức và kỹ năng tích lũy được trong quá trình học có xét đến các yếu tố kỹ thuật, kinh tế, môi trường, xã hội và bền vững - Đề xuất các giải pháp thi công một phần hoặc toàn bộ hệ thống điện công nghiệp như thực hiện, tổ chức, điều hành và quản lý - Khả năng phân tích, quản lý, đánh giá chất lượng dự án <p>® Các chuẩn đầu ra trên đã đáp ứng các yêu cầu về Chuẩn đầu ra theo yêu cầu về Chuẩn đầu ra của chương trình Đào tạo tại Điều 5 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, đảm bảo các tiêu chí rõ ràng, thiết thực; đo lường được, đánh giá được, phù hợp với khung trình độ quốc gia, có tính liên thông, có tính khả thi.</p>
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	<p>Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông.</p> <p>® Đáp ứng theo yêu cầu về Chuẩn đầu vào theo quy định tại Điều 6 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT</p>
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ giảng viên: Có 18 giảng viên cơ hữu chuyên ngành trong đó có 5 PGS.TS, 13 TS; - Cơ sở vật chất & trang thiết bị: Có các phòng học, thư viện dùng chung, có các phòng thực hành, thực tập phù hợp theo từng môn học. - Giáo trình, tài liệu học tập: Thư viện Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật TPHCM và tài liệu từ mạng internet - Quan hệ với doanh nghiệp/thực tiễn: <ul style="list-style-type: none"> + Trong CTĐT có học phần Thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp, công ty (2 tín chỉ) + SV bắt buộc phải tham gia học phần Chuyên đề doanh nghiệp (2 chuyên đề / 1 khóa học) + Doanh nghiệp cùng tham gia vào quá trình xây dựng, hiệu chỉnh đề cương chi tiết môn học và chương trình đào tạo các ngành. + Doanh nghiệp tham gia Ngày hội việc làm của Trường tổ chức định kỳ hằng năm. + Doanh nghiệp tài trợ các trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học của sinh viên và giảng viên.

Tên ngành/ CTĐT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
	+ Doanh nghiệp tài trợ các cuộc thi học thuật và học bổng cho sinh viên.

Tên ngành/ CTĐT	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
Văn bằng được cấp	Kỹ sư
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>Đã đáp ứng yêu cầu mở ngành theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về ngành Đào tạo Có trong danh mục đào tạo (Mã 7510303) - Về đội ngũ giảng viên <ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 01 tiên sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; - Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp (bao gồm cả tiến sĩ ngành phù hợp) là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy; - Có đội ngũ giảng viên bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo đều có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm. - Về cơ sở vật chất <ul style="list-style-type: none"> - Có đủ phòng học, thư viện. - Phòng Thực tập Điện - Thực tập Máy điện - Thực tập Điện tử - Thực tập Điện tử công suất - Thực tập Kỹ thuật số - Thực tập Vi xử lý - Thực tập Điều khiển tự động - Thực tập Kỹ thuật Robot - Thực tập Điều khiển lập trình - Thực tập Trang bị điện và Khí nén
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng áp dụng kiến thức, kỹ thuật, kỹ năng và các công cụ hiện đại của toán học, khoa học, nguyên lý kỹ thuật để giải quyết vấn đề kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực Điều khiển và Tự động hóa. - Có khả năng áp dụng thiết kế kỹ thuật để tạo ra các sản phẩm, dây truyền và hệ thống trong lĩnh vực Điều khiển-tự động hóa thỏa mãn yêu cầu của khách hàng với sự xem xét những ảnh hưởng của các yếu tố xã hội, kinh tế, môi trường và an toàn. - Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả bằng văn bản, thuyết trình và thảo luận trong lĩnh vực kỹ thuật và các lĩnh vực khác với nhiều đối tượng khác nhau và có khả năng sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong môi trường quốc tế.

Tên ngành/ CTĐT	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng nhận thức được trách nhiệm nghề nghiệp, đạo đức xã hội trong bối cảnh ảnh hưởng của lĩnh vực Điều khiển – Tự động hóa tới các vấn đề toàn cầu, kinh tế xã hội và môi trường. - Có khả năng làm việc theo nhóm và kỹ năng làm việc độc lập trong môi trường làm việc đa ngành, kỹ năng lãnh đạo, quản lý công việc, xây dựng mục tiêu, lập kế hoạch. - Có khả năng thực hiện các thí nghiệm, đo lường, phân tích, đánh giá và giải thích kết quả thu được để thực hiện cải tiến các sản phẩm, hệ thống, và quá trình trong lĩnh vực Điều khiển và Tự động hóa. - Có khả năng học tập và áp dụng kiến thức mới khi cần thiết, có chiến lược học tập phù hợp. <p>® Các chuẩn đầu ra trên đã đáp ứng các yêu cầu về Chuẩn đầu ra theo yêu cầu về Chuẩn đầu ra của chương trình Đào tạo tại Điều 5 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, đảm bảo các tiêu chí rõ ràng, thiết thực; đo lường được, đánh giá được, phù hợp với khung trình độ quốc gia, có tính liên thông, có tính khả thi.</p>
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	<p>Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông. Đáp ứng theo yêu cầu về Chuẩn đầu vào theo quy định tại Điều 6 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT</p>
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ giảng viên: Có 19 giảng viên cơ hữu chuyên ngành trong đó có 7 PGS.TS, 12 TS; - Cơ sở vật chất & trang thiết bị: Có các phòng học, thư viện dùng chung, có các phòng thực hành, thực tập phù hợp theo từng môn học. - Giáo trình, tài liệu học tập: Thư viện Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật TPHCM và tài liệu từ mạng internet - Quan hệ với doanh nghiệp/ thực tiễn: <ul style="list-style-type: none"> + Trong CTĐT có học phần Thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp, công ty (2 tín chỉ) + SV bắt buộc phải tham gia học phần Chuyên đề doanh nghiệp (2 chuyên đề / 1 khóa học) + Doanh nghiệp cùng tham gia vào quá trình xây dựng, hiệu chỉnh đề cương chi tiết môn học và chương trình đào tạo các ngành. + Doanh nghiệp tham gia Ngày hội việc làm của Trường tổ chức định kỳ hằng năm. + Doanh nghiệp tài trợ các trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học của sinh viên và giảng viên. + Doanh nghiệp tài trợ các cuộc thi học thuật và học bổng cho sinh viên.

Tên ngành/ CTĐT	Công nghệ kỹ thuật máy tính
Văn bằng được cấp	Kỹ sư
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>Đã đáp ứng yêu cầu mở ngành theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</p>

Tên ngành/ CTĐT	Công nghệ kỹ thuật máy tính
	<p style="text-align: center;">1. Về ngành Đào tạo</p> <p style="text-align: center;">Có trong danh mục đào tạo (Mã 7480108)</p> <p style="text-align: center;">2. Về đội ngũ giảng viên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; - Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp (bao gồm cả tiến sĩ ngành phù hợp) là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy; - Có đội ngũ giảng viên bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo đều có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm. <p style="text-align: center;">3. Về cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đủ phòng học, thư viện. - Phòng thực hành điện tử - Phòng thực hành kỹ thuật số - Phòng thực hành vi xử lý - Phòng thực hành thiết kế vi mạch số - Phòng thực hành viễn thông - Phòng thực hành thiết kế vi mạch - Phòng thực hành xử lý tín hiệu - Phòng thực hành hệ thống nhúng
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng vận dụng kiến thức về toán, khoa học tự nhiên và các nguyên lý kỹ thuật để nhận diện, đề ra và giải quyết các vấn đề kỹ thuật phức tạp. - Khả năng vận dụng thiết kế kỹ thuật để tạo ra các giải pháp, thành phần, thiết bị và hệ thống đáp ứng những yêu cầu cụ thể trên cơ sở xét đến các vấn đề về sức khỏe, an toàn và phúc lợi cộng đồng, cũng như các yếu tố kinh tế, môi trường và xã hội. - Khả năng giao tiếp hiệu quả với các đối tượng người nghe khác nhau và giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các ngữ cảnh khác nhau. - Khả năng nhận thức về trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong các tình huống kỹ thuật và đề ra các lập luận trên cơ sở xét đến ảnh hưởng của giải pháp kỹ thuật trong các bối cảnh về kinh tế, xã hội, môi trường, và toàn cầu. - Khả năng hoạt động nhóm hiệu quả trong đó các thành viên cùng thể hiện được khả năng lãnh đạo, tạo ra môi trường gắn kết và hợp tác, thiết lập mục tiêu, lên kế hoạch tác vụ và đáp ứng các mục tiêu. - Khả năng phát triển và tiến hành các thí nghiệm hợp lý, phân tích và diễn giải dữ liệu, và sử dụng lập luận kỹ thuật để rút ra các kết luận. - Khả năng tiếp thu và vận dụng kiến thức mới khi cần thiết bằng cách sử dụng chiến lược học tập phù hợp.

Tên ngành/ CTĐT	Công nghệ kỹ thuật máy tính
	® Các chuẩn đầu ra trên đã đáp ứng các yêu cầu về Chuẩn đầu ra theo yêu cầu về Chuẩn đầu ra của chương trình Đào tạo tại Điều 5 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, đảm bảo các tiêu chí rõ ràng, thiết thực; đo lường được, đánh giá được, phù hợp với khung trình độ quốc gia, có tính liên thông, có tính khả thi.
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông. Đáp ứng theo yêu cầu về Chuẩn đầu vào theo quy định tại Điều 6 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ giảng viên: Có 17 giảng viên cơ hữu chuyên ngành trong đó có 6 PGS.TS, 11 TS; - Cơ sở vật chất & trang thiết bị: Có các phòng học, thư viện dùng chung, có các phòng thực hành, thực tập phù hợp theo từng môn học. - Giáo trình, tài liệu học tập: Thư viện Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật TPHCM và tài liệu từ mạng internet - Quan hệ với doanh nghiệp/thực tiễn: <ul style="list-style-type: none"> + Trong CTĐT có học phần Thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp, công ty (2 tín chỉ) + SV bắt buộc phải tham gia học phần Chuyên đề doanh nghiệp (2 chuyên đề / 1 khóa học) + Doanh nghiệp cùng tham gia vào quá trình xây dựng, hiệu chỉnh đề cương chi tiết môn học và chương trình đào tạo các ngành. + Doanh nghiệp tham gia Ngày hội việc làm của Trường tổ chức định kỳ hằng năm. + Doanh nghiệp tài trợ các trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học của sinh viên và giảng viên. + Doanh nghiệp tài trợ các cuộc thi học thuật và học bổng cho sinh viên.

Tên ngành/ CTĐT	Hệ thống nhúng và IoT
Văn bằng được cấp	Kỹ sư
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>Đã đáp ứng yêu cầu mở ngành theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Về ngành Đào tạo Có trong danh mục đào tạo (Mã 7480118) 2. Về đội ngũ giảng viên <ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 01 tiên sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo;

Tên ngành/ CTĐT	Hệ thống nhúng và IoT
	<ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp (bao gồm cả tiến sĩ ngành phù hợp) là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy; - Có đội ngũ giảng viên bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo đều có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm. <p style="text-align: center;">3. Về cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đủ phòng học, thư viện. - Phòng thực hành điện tử - Phòng thực hành kỹ thuật số - Phòng thực hành vi xử lý - Phòng thực hành thiết kế vi mạch số - Phòng thực hành viễn thông - Phòng thực hành xử lý tín hiệu - Phòng thực hành hệ thống nhúng - Phòng thực hành IoT - Phòng thực hành hệ thống Thực - ảo - Phòng thực hành mạng máy tính và IoT
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng vận dụng kiến thức về toán, khoa học tự nhiên và các nguyên lý kỹ thuật để nhận diện, đề ra và giải quyết các vấn đề kỹ thuật phức tạp. - Khả năng vận dụng thiết kế kỹ thuật để tạo ra các giải pháp đáp ứng những yêu cầu cụ thể có xét đến các vấn đề về sức khỏe, an toàn và phúc lợi cộng đồng, cũng như các yếu tố kinh tế, môi trường và xã hội. - Khả năng giao tiếp hiệu quả với các đối tượng người nghe khác nhau và giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các ngữ cảnh khác nhau. - Khả năng nhận thức về trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong các tình huống kỹ thuật và đề ra các lập luận trên cơ sở xét đến ảnh hưởng của giải pháp kỹ thuật trong các bối cảnh về kinh tế, xã hội, môi trường, và toàn cầu. - Khả năng hoạt động nhóm hiệu quả trong đó các thành viên cùng thể hiện được khả năng lãnh đạo, tạo ra môi trường gắn kết và hợp tác, thiết lập mục tiêu, lên kế hoạch tác vụ và đáp ứng các mục tiêu. - Khả năng phát triển và tiến hành các thí nghiệm hợp lý, phân tích và diễn giải dữ liệu, và sử dụng lập luận kỹ thuật để rút ra các kết luận. - Khả năng tiếp thu và vận dụng kiến thức mới khi cần thiết bằng cách sử dụng chiến lược học tập phù hợp. <p>® Các chuẩn đầu ra trên đã đáp ứng các yêu cầu về Chuẩn đầu ra theo yêu cầu về Chuẩn đầu ra của chương trình Đào tạo tại Điều 5 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, đảm bảo các tiêu chí rõ ràng, thiết thực; đo lường được, đánh giá được, phù hợp với khung trình độ quốc gia, có tính liên thông, có tính khả thi.</p>
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông.

Tên ngành/ CTĐT	Hệ thống nhúng và IoT
	® Đáp ứng theo yêu cầu về Chuẩn đầu vào theo quy định tại Điều 6 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ giảng viên: Có 16 giảng viên cơ hữu chuyên ngành trong đó có 5 PGS.TS, 11 TS; - Cơ sở vật chất & trang thiết bị: Có các phòng học, thư viện dùng chung, có các phòng thực hành, thực tập phù hợp theo từng môn học. - Giáo trình, tài liệu học tập: Thư viện Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật TPHCM và tài liệu từ mạng internet - Quan hệ với doanh nghiệp/thực tiễn: <ul style="list-style-type: none"> + Trong CTĐT có học phần Thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp, công ty (2 tín chỉ) + SV bắt buộc phải tham gia học phần Chuyên đề doanh nghiệp (2 chuyên đề / 1 khóa học) + Doanh nghiệp cùng tham gia vào quá trình xây dựng, hiệu chỉnh đề cương chi tiết môn học và chương trình đào tạo các ngành. + Doanh nghiệp tham gia Ngày hội việc làm của Trường tổ chức định kỳ hằng năm. + Doanh nghiệp tài trợ các trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học của sinh viên và giảng viên. + Doanh nghiệp tài trợ các cuộc thi học thuật và học bổng cho sinh viên.

Tên ngành/ CTĐT	Kỹ thuật y sinh
Văn bằng được cấp	Kỹ sư
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>Đã đáp ứng yêu cầu mở ngành theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Về ngành Đào tạo Có trong danh mục đào tạo (Mã 7520212) 2. Về đội ngũ giảng viên <ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; - Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp (bao gồm cả tiến sĩ ngành phù hợp) là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy; - Có đội ngũ giảng viên bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo đều có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm. 3. Về cơ sở vật chất <ul style="list-style-type: none"> - Có đủ phòng học, thư viện. - Phòng thực hành Xử lý ảnh y sinh

Tên ngành/ CTĐT	Kỹ thuật y sinh
	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng thực hành Thiết kế mạch điện tử Phòng thực hành Kỹ thuật số - Phòng thực hành Thiết bị y tế - Phòng thực hành Thiết bị cảm biến - Phòng thực hành Xử lý tín hiệu y sinh - Phòng thực hành Hệ thống thông minh
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng nhận biết, trình bày, phát biểu, giải quyết, áp dụng những công thức, nguyên lý, định lý, khái niệm về kỹ thuật, khoa học, toán học vào lãnh vực KTYS - Có khả năng phát triển, tiên hành, vận hành những thí nghiệm, thiết bị thích hợp trên các bo mạch, máy móc, những dữ liệu thu được để giải thích và thu những kết quả - Có khả năng nhận biết, áp dụng những hiểu biết những công cụ AI trong chiến lược học thích hợp và lâu dài - Có khả năng nhận biết, hiểu những trách nhiệm nghề nghiệp và trách nhiệm đạo đức liên quan đến những vấn đề kỹ thuật y sinh làm ảnh hưởng đến phạm vi xã hội, môi trường, kinh tế, toàn cầu - Có khả năng áp dụng những kiến thức một cách hiệu quả vào quá trình làm việc nhóm, cung cấp sự lãnh đạo để đạt mục tiêu công việc - Có khả năng giải thích, biểu diễn, truyền đạt những vấn đề kỹ thuật với mọi người trong lĩnh vực KTYS, và bằng tiếng Anh - Có khả năng phân tích và giải thích các dữ liệu thu được từ thí nghiệm bằng các công cụ (AI/ học máy) để ứng dụng hiệu quả vào thiết kế mạch và vận hành những mạch, hệ thống KTYS phù hợp - Có khả năng đánh giá một cách hiệu quả những vấn đề để ứng dụng, vận hành, sáng tạo hệ thống KTYS và đưa ra những kết luận tối ưu - Có khả năng phân tích, đánh giá và quản lý một hệ thống KTYS một cách phù hợp <p>® Các chuẩn đầu ra trên đã đáp ứng các yêu cầu về Chuẩn đầu ra theo yêu cầu về Chuẩn đầu ra của chương trình Đào tạo tại Điều 5 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, đảm bảo các tiêu chí rõ ràng, thiết thực; đo lường được, đánh giá được, phù hợp với khung trình độ quốc gia, có tính liên thông, có tính khả thi.</p>
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	<p>Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông. Đáp ứng theo yêu cầu về Chuẩn đầu vào theo quy định tại Điều 6 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT</p>
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ giảng viên: Có 13 giảng viên cơ hữu chuyên ngành trong đó có 2 PGS.TS, 11 TS; - Cơ sở vật chất & trang thiết bị: Có các phòng học, thư viện dùng chung, có các phòng thực hành, thực tập phù hợp theo từng môn học. - Giáo trình, tài liệu học tập: Thư viện Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật TPHCM và tài liệu từ mạng internet - Quan hệ với doanh nghiệp/thực tiễn: <ul style="list-style-type: none"> + Trong CTĐT có học phần Thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp, công ty (2 tín chỉ) + SV bắt buộc phải tham gia học phần Chuyên đề doanh nghiệp (2 chuyên đề / 1 khóa học)

Tên ngành/ CTĐT	Kỹ thuật y sinh
	<ul style="list-style-type: none"> + Doanh nghiệp cùng tham gia vào quá trình xây dựng, hiệu chỉnh đề cương chi tiết môn học và chương trình đào tạo các ngành. + Doanh nghiệp tham gia Ngày hội việc làm của Trường tổ chức định kỳ hằng năm. + Doanh nghiệp tài trợ các trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học của sinh viên và giảng viên. + Doanh nghiệp tài trợ các cuộc thi học thuật và học bổng cho sinh viên.

Khoa: In và Truyền thông

Tên ngành/ CTĐT	Công nghệ kỹ thuật In
Văn bằng được cấp	Kỹ sư
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>Cần đảm bảo các điều kiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ giảng viên cơ hữu. - Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo. - Hoạt động nghiên cứu khoa học. - Hoạt động hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, có mối quan hệ hợp tác với các công ty nước ngoài trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, tuyển dụng.
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ol style="list-style-type: none"> 1. Áp dụng các nguyên tắc cơ bản của khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, công nghệ thông tin vào phát triển nghề nghiệp và học tập suốt đời. 2. Ứng dụng các kiến thức nền tảng kỹ thuật cốt lõi, các kiến thức kỹ thuật nâng cao về công nghệ kỹ thuật in vào phân tích, đánh giá công nghệ, kỹ thuật, mỹ thuật, quản lý quá trình sản xuất in. 3. Thử nghiệm, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa và đưa ra các giải pháp giải quyết các vấn đề công nghệ kỹ thuật in. 4. Xác định và đánh giá một hệ thống sản xuất in từ quy trình sản xuất, vật liệu, thiết bị, công nghệ và tiêu chuẩn kiểm tra chất lượng. 5. Tổ chức, làm việc nhóm hiệu quả để giải quyết các vấn đề nghề nghiệp. 6. Giao tiếp hiệu quả với người khác bằng nhiều hình thức khác nhau. 7. Có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tự học, ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp. 8. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành quy trình sản xuất in, kiểm soát chất lượng, quản lý màu. 9. Có tư duy lãnh đạo và kinh doanh trong ngành in.
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	<p>Việc xét tuyển vào ngành CNKTI sẽ dựa trên tiêu chí sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những thí sinh đủ điều kiện tuyển thẳng của Bộ GD&ĐT. - Những thí sinh khối thi đạt điểm số trong kỳ thi tuyển sinh Đại học (TH quốc gia) theo quy định của hội đồng tuyển sinh. - Những thí sinh đạt điểm số trong kỳ thi kiểm tra trình độ năng lực. - Những thí sinh đạt điểm số từ kết quả xét học bạ.

Tên ngành/ CTĐT	Công nghệ kỹ thuật In
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	CTĐT cần đảm bảo các khía cạnh như chuẩn đầu ra, khung chương trình, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, công tác đảm bảo chất lượng, kết nối giữa nhà trường, sinh viên, và doanh nghiệp, nhằm đảm bảo chất lượng của toàn bộ chương trình đào tạo.

Tên ngành/ CTĐT	Thiết kế đồ họa
Văn bằng được cấp	Cử nhân
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	Cần đảm bảo các điều kiện: - Đội ngũ giảng viên cơ hữu. - Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo. - Hoạt động nghiên cứu khoa học. - Hoạt động hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, có mối quan hệ hợp tác với các công ty nước ngoài trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, tuyển dụng.
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ol style="list-style-type: none"> Sử dụng các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, mỹ thuật và công nghệ thông tin vào phát triển nghề nghiệp và học tập suốt đời. Áp dụng các kiến thức mỹ thuật nền tảng cốt lõi, các kiến thức mỹ thuật nâng cao vào phân tích các sản phẩm thiết kế đồ họa. Thử nghiệm, phân tích, lập luận giải quyết các vấn đề mỹ thuật trong lĩnh vực thiết kế đồ họa. Hình thành, phát triển kỹ năng, thái độ cá nhân và chuyên nghiệp, đánh giá hệ thống thiết kế đồ họa. Làm việc hiệu quả với người khác trong môi trường đa ngành nghề, giao tiếp hiệu quả dưới nhiều hình thức khác nhau. Có trình độ ngoại ngữ phù hợp để hội nhập và học tập suốt đời. Xác định bối cảnh doanh nghiệp, bối cảnh xã hội và xu hướng phát triển của ngành thiết kế đồ họa. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành về các dự án thiết kế in ấn, bao bì, quảng cáo, minh họa. Tư duy lãnh đạo và kinh doanh trong thiết kế đồ họa
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	Việc xét tuyển vào ngành TKĐH sẽ dựa trên tiêu chí sau đây: - Những thí sinh đủ điều kiện tuyển thẳng của Bộ GD&ĐT. - Những thí sinh khối thi đạt điểm số trong kỳ thi tuyển sinh Đại học (TH quốc gia) và kỳ thi năng khiếu do Trường tổ chức theo quy định của hội đồng tuyển sinh. - Những thí sinh đạt điểm số từ kết quả xét học bạ và kỳ thi năng khiếu do Trường tổ chức.
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	CTĐT cần đảm bảo các khía cạnh như chuẩn đầu ra, khung chương trình, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, công tác đảm bảo chất lượng, kết nối giữa nhà trường, sinh viên, và doanh nghiệp, nhằm đảm bảo chất lượng của toàn bộ chương trình đào tạo.

Tên ngành/ CTĐT	“Truyền thông số và Công nghệ đa phương tiện” thuộc Ngành Công nghệ truyền thông
Văn bằng được cấp	Kỹ sư

Yêu cầu về điều kiện mở ngành	Cần đảm bảo các điều kiện: <ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ giảng viên cơ hữu. - Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo. - Hoạt động nghiên cứu khoa học. - Hoạt động hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, có mối quan hệ hợp tác với các công ty nước ngoài trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, tuyển dụng.
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ol style="list-style-type: none"> 1. Sử dụng các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và công nghệ thông tin vào phát triển nghề nghiệp và học tập suốt đời.. 2. Áp dụng các kiến thức nền tảng cốt lõi, các kiến thức chuyên ngành truyền thông số và công nghệ đa phương tiện vào phân tích, đánh giá các sản phẩm truyền thông số. 3. Thử nghiệm, phân tích, lập luận giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực truyền thông số và công nghệ đa phương tiện. 4. Hình thành, phát triển kỹ năng, thái độ cá nhân chuyên nghiệp, đánh giá hệ thống truyền thông. 5. Làm việc hiệu quả với người khác trong môi trường đa ngành nghề, giao tiếp hiệu quả trong môi trường đa ngôn ngữ, đa văn hoá với nhiều hình thức khác nhau.. 6. Có trình độ ngoại ngữ phù hợp để phát triển nghề nghiệp và hội nhập. 7. Xác định bối cảnh doanh nghiệp, bối cảnh xã hội và xu hướng phát triển của ngành Công nghệ truyền thông. 8. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành các dự án truyền thông số và công nghệ đa phương tiện. 9. Lãnh đạo và kinh doanh trong lĩnh vực Công nghệ truyền thông.
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	Việc xét tuyển vào ngành CNTT (TTS&CNDPT) sẽ dựa trên tiêu chí sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Những thí sinh đủ điều kiện tuyển thẳng của Bộ GD&ĐT. - Những thí sinh khối thi đạt điểm số trong kỳ thi tuyển sinh Đại học (TH quốc gia) theo quy định của hội đồng tuyển sinh. - Những thí sinh đạt điểm số trong kỳ thi kiểm tra trình độ năng lực. - Những thí sinh đạt điểm số từ kết quả xét học bạ.
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	CTĐT cần đảm bảo các khía cạnh như chuẩn đầu ra, khung chương trình, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, công tác đảm bảo chất lượng, kết nối giữa nhà trường, sinh viên, và doanh nghiệp, nhằm đảm bảo chất lượng của toàn bộ chương trình đào tạo.

Khoa: Khoa học ứng dụng

Tên ngành/CTĐT	Công nghệ vật liệu
Văn bằng được cấp	Kỹ sư
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>Đã đáp ứng yêu cầu mở ngành theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1.Về ngành Đào tạo Có trong danh mục đào tạo (Mã ngành 7510402) 2.Về đội ngũ giảng viên <ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo;

Tên ngành/ CTĐT	Công nghệ vật liệu
	<ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp (bao gồm cả tiến sĩ ngành phù hợp) là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy; - Có đội ngũ giảng viên bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo đều có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm. <p>3. Về cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đủ phòng học, thư viện. - Có phòng diễn án, Trung tâm thực hành pháp luật.
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<p>Kiến thức Nhận biết và ứng dụng các nguyên tắc cơ bản của khoa học tự nhiên trong lĩnh vực công nghệ vật liệu. Hiểu, áp dụng, phân tích, và đánh giá các quy trình chế tạo vật liệu và (hoặc) linh kiện trong các lĩnh vực liên quan đến công nghệ vật liệu.</p> <p>Kỹ năng Tư duy có hệ thống để vận dụng công nghệ vật liệu vào thực tiễn. Đánh giá tầm quan trọng của lĩnh vực công nghệ vật liệu, sự đa dạng văn hóa doanh nghiệp và khả năng kinh doanh trong lĩnh vực công nghệ vật liệu. Thiết lập và quản lý dự án liên quan đến công nghệ vật liệu trong các lĩnh vực khác nhau một cách hiệu quả. Thiết kế và triển khai qui trình chế tạo trong lĩnh vực công nghệ vật liệu.</p> <p>Mức tự chủ và trách nhiệm Có thái độ tích cực, thân thiện, đạo đức, và trách nhiệm trong môi trường học tập và làm việc. Có kỹ năng lãnh đạo và làm việc nhóm trong lĩnh vực công nghệ vật liệu. Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Việt và tiếng Anh.</p>
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	<p>Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông. + Đáp ứng theo yêu cầu về Chuẩn đầu vào theo quy định tại Điều 6 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT</p>
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ giảng viên: Có 11 giảng viên cơ hữu chuyên ngành đúng và gần với ngành Công nghệ vật liệu trong đó có (10.TS, 1 ThS); - Cơ sở vật chất & trang thiết bị: có các phòng học, thư viện dùng chung, có phòng thí nghiệm vật liệu bán dẫn, phòng thí nghiệm phương pháp hóa, phòng thí nghiệm vật liệu polymer composite. - Giáo trình, tài liệu học tập: DS Danh mục các giáo trình, tài liệu tham khảo chính yếu cho chương trình: https://drive.google.com/drive/u/2/folders/1L1UnBJvX3P1cYIT-NEh5_FvF6s-PnENI - Quan hệ với doanh nghiệp/thực tiễn: 14 doanh nghiệp và đơn vị đào tạo sau đại học.

Tên ngành/ CTĐT	Vật lý kỹ thuật
Văn bằng được cấp	Kỹ sư
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>Đã đáp ứng yêu cầu mở ngành theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <p>1. Về ngành Đào tạo Có trong danh mục đào tạo: Mã ngành 7520401</p>

Tên ngành/ CTĐT	Vật lý kỹ thuật
	<p>2. Về đội ngũ giảng viên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo: PGS.TS. Trần Tuấn Anh chủ trì xây dựng mở ngành. - Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp (bao gồm cả tiến sĩ ngành phù hợp) là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy: Ngành Vật lý kỹ thuật có 7 tiến sĩ cơ hữu đang chủ trì giảng dạy đầy đủ các thành phần của chương trình. - Có đội ngũ giảng viên bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo đều có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm: Đảm bảo với điều kiện sử dụng giảng viên mời giảng. <p>3. Về cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đủ phòng học, thư viện. - Có 6 phòng thí nghiệm vật lý đại cương, 2 phòng thí nghiệm cơ sở ngành và 2 phòng thí nghiệm chuyên ngành.
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<p>Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển khả năng vận dụng kiến thức về toán học và khoa học cơ bản, kiến thức vật lý từ cơ sở đến chuyên sâu để phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề kỹ thuật đo lường, cảm biến; - Phát triển năng lực thiết kế kỹ thuật để giải quyết cái yêu cầu đặt ra trong lĩnh vực công nghệ bán dẫn bao gồm các khâu từ thiết kế, sản xuất linh kiện, đóng gói và kiểm thử; - Phát triển các kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, có thái độ nghề nghiệp phù hợp đáp ứng được các yêu cầu phát triển của ngành và xã hội. - Phát triển năng lực thích nghi với những công nghệ, phương pháp và công cụ mới để luôn theo kịp sự phát triển của thực tiễn ngành vật lý kỹ thuật với khả năng đáp ứng trước những thách thức của môi trường biến động.
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	<p>Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông. + Đáp ứng theo yêu cầu về Chuẩn đầu vào theo quy định tại Điều 6 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT</p>
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ giảng viên: Có 16 giảng viên cơ hữu chuyên ngành Vật lý kỹ thuật, trong đó gồm 2 PGS.TS, 9 TS, 5 ThS; - Cơ sở vật chất & trang thiết bị: Có các phòng học, thư viện dùng chung, có 6 phòng thí nghiệm vật lý đại cương, 2 phòng thí nghiệm cơ sở ngành và 2 phòng thí nghiệm chuyên ngành. - Giáo trình, tài liệu học tập: DS Danh mục các giáo trình, tài liệu tham khảo chính yếu cho đào tạo ngành Vật lý kỹ thuật: https://drive.google.com/drive/folders/1SVZkhk7W0JpaN9jzI_PojIUPiwjL7Rm0?usp=sharing - Quan hệ với doanh nghiệp/thực tiễn: 14 doanh nghiệp và đơn vị đào tạo sau đại học.

Khoa: Kinh tế

Tên ngành/ CTĐT	Kinh doanh quốc tế
Văn bằng được cấp	Cử nhân

Tên ngành/ CTĐT	Kinh doanh quốc tế
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	5 Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình: TS.Trương Thị Hòa TS. Nguyễn Thị Hồng TS. Nguyễn Thúy Phương TS. Nguyễn Thị Thanh Thúy TS. Chu Thị Huệ
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng được kiến thức khoa học cơ bản và công nghệ trong kinh doanh quốc tế - Áp dụng được kiến thức chuyên môn trong kinh doanh quốc tế - Vận hành và thực hiện cải tiến các hoạt động trong kinh doanh quốc tế - Kỹ năng giải quyết vấn đề, ra quyết định và nghiên cứu trong kinh doanh quốc tế - Hình thành năng lực lãnh đạo, kỹ năng làm việc nhóm và đàm phán - Hình thành kỹ năng giao tiếp bằng nhiều hình thức và sử dụng được ngoại ngữ trong công việc - Hình thành nhận thức về đạo đức và thái độ nghề nghiệp, phát triển bền vững, khả năng hội nhập quốc tế - Khả năng học tập suốt đời - Hình thành ý tưởng, tổ chức thực hiện, kiểm soát các dự án kinh doanh quốc tế
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	<p>Thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung học nghề năm 2026; thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2025 trở về trước và có điểm thi THPT năm 2026 theo tổ hợp xét tuyển.</p> <p>Có 2 phương thức xét tuyển như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phương thức 1: Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và ưu tiên xét tuyển theo Đề án tuyển sinh của Trường. + Phương thức 2: Xét tuyển sinh kết hợp: (1) Điểm TN THPT độc lập, (2) Điểm TN THPT kết hợp Điểm HỌC BA, và (3) Điểm TN THPT kết hợp Điểm ĐGNL; cùng với với Điểm cộng và Điểm ưu tiên (nếu có) <p>Tổ hợp xét tuyển (Môn Toán nhân hệ số 2): Toán - Văn - Lý; Toán - Lý - Anh; Toán - Lý - Hóa; Toán - Văn - Anh</p>
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<p>Giảng viên:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trương Thị Hòa 2. Lê Trường Diễm Trang 3. Nguyễn Thúy Phương 4. Nguyễn Thị Phương Thủy 5. Mai Văn Thành 6. Hà Nguyễn Minh Quân 7. Tô Thị Hằng 8. Võ Thị Xuân Hạnh 9. Nguyễn Thị Hồng 10. Nguyễn Phan Anh Huy 11. Trần Kim Toại 12. Nguyễn Phan Như Ngọc 13. Lại Thị Tường Vi 14. Phạm Hiếu 15. Trần Thụy Ái Phương 16. Vòng Thịnh Nam 17. Đào Thị Kim Yên 18. Nguyễn Thị Châu Long 19. Chu Thị Huệ

Tên ngành/ CTĐT	Kinh doanh quốc tế
	<p>20. Nguyễn Khắc Hiếu 21. Nguyễn Thị Thanh Vân 22. Lê Thị Tuyết Thanh 23. Phan Thị Thanh Hiền 24. Nguyễn Đình Thiên 25. Huỳnh Thị Cẩm Tú 26. Nguyễn Danh Hà Thái 27. Hồ Thị Hồng Xuyên</p> <p>Giảng viên Bộ môn: https://sites.google.com/hcmute.edu.vn/fe-hcmute-edu-vn/b%E1%BB%99-m%C3%B4n-kinh-doanh-qu%E1%BB%91c-t%E1%BA%BF Hiện tại ngành kinh doanh quốc tế sử dụng phòng máy tính của Trường và phòng BI phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của sinh viên. Ngoài ra, Bộ môn còn sử dụng các phần mềm như SPSS, MISA, MiniTab, phần mềm Khai báo hải quan, phần mềm Mua hàng,...</p>

Tên ngành/ CTĐT	Kế toán
Văn bằng được cấp	Cử nhân
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>5 Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình: TS. Lê Thị Mỹ Nương PGS TS. Lê Thị Mai Hương TS. Bùi Tiến Thịnh TS. Nguyễn Hữu Nghĩa PGS.TS Nguyễn Khắc Hiếu</p>
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<p>ELO1: Áp dụng được kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức cơ sở ngành trong kế toán và quản trị doanh nghiệp ELO2: Áp dụng được kiến thức chuyên ngành về kế toán tài chính ELO3: Phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Kế toán tài chính ELO6: Hình thành năng lực lãnh đạo và kỹ năng làm việc nhóm. ELO7: Hình thành kỹ năng giao tiếp bằng nhiều hình thức và sử dụng được ngoại ngữ trong công việc ELO8: Hình thành ý tưởng cải tiến, ý tưởng khởi nghiệp, thiết kế và tổ chức công tác kế toán tại đơn vị ELO4: Thể hiện ý thức trách nhiệm trong học tập và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực Công nghệ Tài chính. ELO5: Khả năng học tập và làm việc trong môi trường toàn cầu. ELO9: Khả năng tổ chức, vận hành và kiểm soát các hoạt động trong lĩnh vực Kế toán tài chính.</p>
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	<p>Thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung học nghề năm 2026; thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2025 trở về trước và có điểm thi THPT năm 2026 theo tổ hợp xét tuyển. Có 2 phương thức xét tuyển như sau: + Phương thức 1: Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và ưu tiên xét tuyển theo Đề án tuyển sinh của Trường. + Phương thức 2: Xét tuyển sinh kết hợp: (1) Điểm TN THPT độc lập, (2) Điểm TN THPT kết hợp Điểm HỌC BA, và (3) Điểm TN THPT kết hợp Điểm ĐGNL; cùng với với Điểm cộng và Điểm ưu tiên (nếu có)</p>

Tên ngành/ CTĐT	Kế toán
	Tổ hợp xét tuyển (Môn Toán nhân hệ số 2): Toán - Văn - Lý; Toán - Lý - Anh; Toán - Lý - Hóa; Toán - Văn - Anh
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<p>Các giảng viên trong Khoa tham gia giảng dạy CTĐT của ngành Kế toán tài chính:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1.Đàng Quang Vắng 2.Nguyễn Thị Châu Long 3.Lê Thị Mai Hương 4.Đào Thị Kim Yến 5.Lê Thị Mỹ Nương 6..Nguyễn Hữu Nghĩa 7.Lê Bá Trục 8.Cao Thị Nhân Anh 9.Phạm Hiếu 10.Trần Thụy Ái Phương 11.Nguyễn Thị Hoàng Anh 12.Nguyễn Thị Thu Hồng 13.Nguyễn Thị Thanh Vân 14.Trần Kim Toại 15.Vòng Thành Nam 16.Hồ Thị Hồng Xuyên 17.Nguyễn Thị Thanh Thúy 18.Lê Thị Tuyết Thanh 19.Huỳnh Thị Cẩm Tú 20.Phan Thị Thanh Hiền 21.Nguyễn Thị Anh Vân 22.Trương Diệu Linh 23.Nguyễn Thị Lan Anh 24.Bùi Thu Anh 25.Nguyễn Quốc Khánh <p>Link: GV của Bộ môn kế toán tài chính: https://sites.google.com/hcmute.edu.vn/fe-hcmute-edu-vn/b%E1%BB%99-m%C3%B4n-t%C3%A0i-ch%C3%ADnh-k%E1%BA%BF-to%C3%A1n</p> <p>Hiện tại ngành kế toán tài chính sử dụng phòng máy tính của Trường và phòng BI phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của sinh viên. Ngoài ra, Bộ môn còn sử dụng các phần mềm như SPSS, MISA, MiniTab, phần mềm Khai báo thuế....</p>

Tên ngành/ CTĐT	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
Văn bằng được cấp	Cử nhân
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>5 Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình:</p> <p>TS. Hồ Thị Hồng Xuyên TS. Vòng Thành Nam TS. Bùi Tiến Thịnh TS. Nguyễn Thị Mai Trâm TS. Chu Thị Huệ</p>

Tên ngành/ CTĐT	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<p>ELO1: Vận dụng kiến thức khoa học cơ bản, khoa học xã hội và công nghệ để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng</p> <p>ELO2: Vận dụng kiến thức cơ sở ngành để thu thập, thống kê, phân tích, và tổng hợp nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động logistics và chuỗi cung ứng</p> <p>ELO3: Ứng dụng kiến thức chuyên ngành để thực hiện các hoạt động logistics và chuỗi cung ứng</p> <p>ELO4: Tổ chức thực hiện các hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng</p> <p>ELO5: Phân tích và giải quyết vấn đề và ra quyết định trong hoạt động logistics dựa trên kiến thức và kỹ năng chuyên ngành</p> <p>ELO6: Thực hiện trách nhiệm công dân, thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, kỷ luật và tác phong công nghiệp phù hợp với ngành nghề</p> <p>ELO7: Thực hiện tự học, tự nghiên cứu, giao tiếp, làm việc nhóm, có thể sử dụng tài liệu bằng Tiếng Anh</p> <p>ELO8: Hình thành, lập kế hoạch khởi nghiệp, sáng tạo trong công việc để phát triển doanh nghiệp</p> <p>ELO9: Thực hiện thành thạo công nghệ thông tin trong hoạt động học tập có hiệu quả</p>
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	<p>Thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung học nghề năm 2026; thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2025 trở về trước và có điểm thi THPT năm 2026 theo tổ hợp xét tuyển.</p> <p>Có 2 phương thức xét tuyển như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phương thức 1: Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và ưu tiên xét tuyển theo Đề án tuyển sinh của Trường. + Phương thức 2: Xét tuyển sinh kết hợp: (1) Điểm TN THPT độc lập, (2) Điểm TN THPT kết hợp Điểm HỌC BẠ, và (3) Điểm TN THPT kết hợp Điểm ĐGNL; cùng với với Điểm cộng và Điểm ưu tiên (nếu có) <p>Tổ hợp xét tuyển (Môn Toán nhân hệ số 2): Toán - Văn - Lý; Toán - Lý - Anh; Toán - Lý - Hóa; Toán - Văn - Anh</p>
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<p>Các giảng viên trong Khoa tham gia giảng dạy CTĐT của ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vòng Thành Nam 2. Hồ Thị Hồng Xuyên 3. Võ Thị Xuân Hạnh 4. Bùi Tiến Thịnh 5. Phạm Khôi Nguyên 6. Tô Thị Hằng 7. Chu Thị Huệ 8. Mai Văn Thành 9. Phạm Xuân Thu 10. Hà Nguyễn Minh Quân 11. Nguyễn Thị Hồng 12. Nguyễn Văn Minh 13. Nguyễn Danh Hà Thái 14. Trần Kim Toại 15. Nguyễn Phan Anh Huy

Tên ngành/ CTĐT	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
	<p>16. Nguyễn Thị Thanh Thuý 17. Bùi Thu Anh 18. Nguyễn Thị Tuyết Nga 19. Nguyễn Thị Thanh Vân 20. Nguyễn Thị Anh Vân 21. Lê Thị Mai Hương 22. Phan Thị Thanh Hiền</p> <p>Link giảng viên: https://sites.google.com/hcmute.edu.vn/fe-hcmute-edu-vn/b%E1%BB%99-m%C3%B4n-logistics</p> <p>Hiện tại ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng sử dụng phòng máy tính của Trường và phòng BI phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của sinh viên. Ngoài ra, Bộ môn còn sử dụng các phần mềm như SPSS, MISA, MiniTab, phần mềm Khai báo hải quan, phần mềm Mua hàng,...</p>

Tên ngành/ CTĐT	Quản lý công nghiệp
Văn bằng được cấp	Cử nhân
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>5 Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình: TS. Nguyễn Thị Mai Trâm TS. Phan Văn Hồng Thắng TS. Nguyễn Thị Anh Vân TS. Nguyễn Thị Thanh Vân TS. Lê Thị Tuyết Thanh</p>
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<p>PLO1: Áp dụng được kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức cơ sở ngành trong quản trị doanh nghiệp. PLO2: Áp dụng được kiến thức chuyên ngành quản lý công nghiệp PLO3: Phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề trong quản trị doanh nghiệp PLO4: Khả năng tư duy hệ thống và thực hiện nghiên cứu trong quản trị doanh nghiệp PLO5: Hình thành kỹ năng truyền đạt, chuyển tải và phổ biến kiến thức, và sử dụng được ngoại ngữ trong công việc. PLO6: Hình thành năng lực lãnh đạo và kỹ năng làm việc nhóm PLO7: Hình thành thái độ làm việc chuyên nghiệp, khả năng hội nhập quốc tế và học tập suốt đời PLO8: Hình thành ý tưởng và lập kế hoạch: về khởi nghiệp và cải tiến trong hoạt động sản xuất kinh doanh. PLO9: Khả năng tổ chức, vận hành và kiểm soát các hoạt động cải tiến trong sản xuất và kinh doanh.</p>
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	<p>Thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung học nghề năm 2026; thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2025 trở về trước và có điểm thi THPT năm 2026 theo tổ hợp xét tuyển.</p> <p>Có 2 phương thức xét tuyển như sau: + Phương thức 1: Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và ưu tiên xét tuyển theo Đề án tuyển sinh của Trường. + Phương thức 2: Xét tuyển sinh kết hợp: (1) Điểm TN THPT độc lập, (2) Điểm TN THPT kết hợp Điểm HỌC BẠ, và (3) Điểm TN THPT kết hợp Điểm ĐGNL; cùng với với Điểm cộng và Điểm ưu tiên (nếu có)</p>

Tên ngành/ CTĐT	Quản lý công nghiệp
	Tổ hợp xét tuyển (Môn Toán nhân hệ số 2): Toán - Văn - Lý; Toán - Lý - Anh; Toán - Lý - Hóa; Toán - Văn - Anh
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<p>Các giảng viên trong Khoa tham gia giảng dạy CTĐT của ngành Quản lý công nghiệp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Khắc Hiếu 2. Nguyễn Thị Thanh Vân 3. Nguyễn Thị Thanh Vân 4. Nguyễn Thị Anh Vân 5. Lê Thị Tuyết Thanh 6. Phan Thị Thanh Hiền 7. Nguyễn Thị Mai Trâm 8. Phan Văn Hồng Thắng 9. Nguyễn Đình Thiên 10. Huỳnh Thị Cẩm Tú 11. Nguyễn Danh Hà Thái 12. Hoàng Diệu Hồng 13. Bùi Thu Anh 14. Tô Trần Lam Giang 15. Trương Thị Hòa 16. Nguyễn Thị Hồng 17. Vòng Thành Nam 18. Đào Thị Kim Yên 19. Nguyễn Thị Châu Long 20. Trần Thụy Ái Phương 21. Chu Thị Huệ 22. Võ Thị Xuân Hạnh 23. Nguyễn Phan Anh Huy 24. Nguyễn Phan Như Ngọc <p><u>GV của Bộ môn QTKD:</u> https://sites.google.com/hcmute.edu.vn/fe-hcmute-edu-vn/b%E1%BB%99-m%C3%B4n-qu%E1%BA%A3n-tr%E1%BB%8B-kinh-doanh Hiện tại ngành QLCN sử dụng phòng máy tính của Trường và phòng BI phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của sinh viên. Ngoài ra, Bộ môn còn sử dụng các phần mềm như SPSS, MISA, MiniTab để phục vụ cho công tác dạy và học. Các khóa học MOOC đã triển khai trong CTĐT bao gồm: Tối ưu hóa, Hành vi tổ chức, Quản trị dự án công nghiệp.</p>

Tên ngành/ CTĐT	Thương mại điện tử
Văn bằng được cấp	Cử nhân
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>5 Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình: TS. Nguyễn Phan Anh Huy TS. Nguyễn Thị Hồng TS. Bùi Tiến Thịnh TS. Nguyễn Thuý Phương TS. Trần Kim Toại</p>

Tên ngành/ CTĐT	Thương mại điện tử
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<p>Chuẩn đầu ra trong CTĐT năm 2025.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Áp dụng được kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức cơ sở ngành để phân tích những vấn đề cơ bản trong lĩnh vực kinh doanh thương mại. 2. Vận dụng được kiến thức chuyên ngành về kinh doanh thương mại điện tử để đánh giá, cân nhắc các vấn đề và giải quyết được các vấn đề trong lĩnh vực thương mại điện tử. 3. Ứng dụng được các mã nguồn mở hoặc phần mềm công nghệ thông tin để giải quyết được các vấn đề trong lĩnh vực thương mại điện tử. 4. Tổ chức và thực hiện được các hoạt động nghiên cứu liên quan đến thương mại điện tử. 5. Hình thành được nhận thức về trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp 6. Hình thành năng lực quản trị và kỹ năng mềm 7. Hình thành khả năng học tập phát triển và hội nhập quốc tế 8. Hình thành được ý tưởng khởi nghiệp và phát triển được các mô hình kinh doanh thương mại điện tử. 9. Tổ chức, vận hành và kiểm soát được các hoạt động kinh doanh thương mại điện tử.
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	<p>Thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung học nghề năm 2026; thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2025 trở về trước và có điểm thi THPT năm 2026 theo tổ hợp xét tuyển.</p> <p>Có 2 phương thức xét tuyển như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phương thức 1: Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và ưu tiên xét tuyển theo Đề án tuyển sinh của Trường. + Phương thức 2: Xét tuyển sinh kết hợp: (1) Điểm TN THPT độc lập, (2) Điểm TN THPT kết hợp Điểm HỌC BẠ, và (3) Điểm TN THPT kết hợp Điểm ĐGNL; cùng với với Điểm cộng và Điểm ưu tiên (nếu có) <p>Tổ hợp xét tuyển (Môn Toán nhân hệ số 2): Toán - Văn - Lý; Toán - Lý - Anh; Toán - Lý - Hóa; Toán - Văn - Anh</p>
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<p>Giảng viên giảng dạy cho CTĐT TMĐT.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Thị Hồng 2. Nguyễn Phan Anh Huy 3. Trần Kim Toại 4. Nguyễn Phan Như Ngọc 5. Nguyễn Thị Lan Anh 6. Trương Diệu Linh 7. Lại Thị Tường Vi 8. Trương Thị Hòa 9. Lê Trường Diễm Trang 10. Nguyễn Thúy Phương 11. Nguyễn Thị Phương Thủy 12. Phạm Hiếu 13. Trần Thụy Ái Phương 14. Vòng Thành Nam 15. Đào Thị Kim Yên 16. Nguyễn Thị Châu Long 17. Nguyễn Danh Hà Thái 18. Chu Thị Huệ 19. Võ Thị Xuân Hạnh 20. Nguyễn Khắc Hiếu 21. Nguyễn Thị Thanh Vân 22. Nguyễn Thị Anh Vân

Tên ngành/ CTĐT	Thương mại điện tử
	<p>23. Lê Thị Tuyết Thanh 24. Phan Thị Thanh Hiền 25. Nguyễn Đình Thiên 26. Huỳnh Thị Cẩm Tú 27. Mai Văn Thành 28. Phạm Xuân Thu 29. Bùi Thu Anh 30. Tô Trần Lam Giang 31. Hồ Thị Hồng Xuyên 32. Tô Thị Hằng 33. Hà Nguyễn Minh Quân</p> <p>Link Giảng viên: https://sites.google.com/hcmute.edu.vn/fe-hcmute-edu-vn/b%E1%BB%99-m%C3%B4n-th%C6%B0%C6%A1ng-m%E1%BA%A1i</p> <p>Hiện tại ngành TMDT sử dụng phòng máy tính của Trường và phòng BI phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của sinh viên. Ngoài ra, Bộ môn còn sử dụng các phần mềm như SPSS, ERP, MiniTab để phục vụ cho công tác dạy và học. Các khóa học MOOC đã triển khai trong CTĐT bao gồm: Tối ưu hóa, Hành vi tổ chức.</p>

Tên ngành/ CTĐT	Công nghệ tài chính
Văn bằng được cấp	Cử nhân
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>5 Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình: TS. Nguyễn Hữu Nghĩa PGS.TS. Lê Thị Mai Hương TS. Bùi Tiến Thịnh TS. Lê Thị Mỹ Nương TS. Trần Kim Toại</p>
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<p>ELO1: Áp dụng được kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức cơ sở ngành trong kế toán và quản trị doanh nghiệp ELO2: Áp dụng được kiến thức chuyên ngành về kế toán tài chính ELO3: Phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Kế toán tài chính ELO4: Thể hiện ý thức trách nhiệm trong học tập và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực Công nghệ Tài chính. ELO5: Khả năng học tập và làm việc trong môi trường toàn cầu ELO6: Hình thành năng lực lãnh đạo và kỹ năng làm việc nhóm. ELO7: Hình thành kỹ năng giao tiếp bằng nhiều hình thức và sử dụng được ngoại ngữ trong công việc ELO8: Hình thành ý tưởng cải tiến, ý tưởng khởi nghiệp, thiết kế và tổ chức công tác kế toán tại đơn vị .ELO9: Khả năng tổ chức, vận hành và kiểm soát các hoạt động trong lĩnh vực Kế toán tài chính.</p>
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	<p>Thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung học nghề năm 2026; thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2025 trở về trước và có điểm thi THPT năm 2026 theo tổ hợp xét tuyển. Có 2 phương thức xét tuyển như sau: + Phương thức 1: Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và ưu tiên xét tuyển theo Đề án tuyển sinh của Trường.</p>

Tên ngành/ CTĐT	Công nghệ tài chính
	<p>+ Phương thức 2: Xét tuyển sinh kết hợp: (1) Điểm TN THPT độc lập, (2) Điểm TN THPT kết hợp Điểm HỌC BẠ, và (3) Điểm TN THPT kết hợp Điểm ĐGNL; cùng với với Điểm cộng và Điểm ưu tiên (nếu có)</p> <p>Tổ hợp xét tuyển (Môn Toán nhân hệ số 2): Toán - Văn - Lý; Toán - Lý - Anh; Toán - Lý - Hóa; Toán - Văn - Anh</p>
<p>Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo</p>	<p>Các giảng viên trong Khoa tham gia giảng dạy CTĐT của ngành Kế toán tài chính:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1.Đàng Quang Vắng 2.Nguyễn Thị Châu Long 3.Lê Thị Mai Hương 4.Đào Thị Kim Yến 5.Lê Thị Mỹ Nương 6..Nguyễn Hữu Nghĩa 7.Lê Bá Trực 8.Cao Thị Nhân Anh 9.Phạm Hiếu 10.Trần Thụy Ái Phương 11.Nguyễn Thị Hoàng Anh 12.Nguyễn Thị Thu Hồng 13.Nguyễn Thị Thanh Vân 14.Trần Kim Toại 15.Vòng Thành Nam 16.Hồ Thị Hồng Xuyên 17.Nguyễn Thị Thanh Thúy 18.Lê Thị Tuyết Thanh 19.Huỳnh Thị Cẩm Tú 20.Phan Thị Thanh Hiền 21.Nguyễn Thị Anh Vân 22.Trương Diệu Linh 23.Nguyễn Thị Lan Anh 24.Bùi Thu Anh 25.Nguyễn Quốc Khánh <p>GV của Bộ môn kế toán tài chính: https://sites.google.com/hcmute.edu.vn/fe-hcmute-edu-vn/b%E1%BB%99-m%C3%B4n-k%E1%BA%BF-to%C3%A1n-t%C3%A0i-ch%C3%ADnh</p> <p>Hiện tại ngành công nghệ tài chính sử dụng phòng máy tính của Trường và phòng BI phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của sinh viên. Ngoài ra, Bộ môn còn sử dụng các phần mềm như SPSS, MISA, MiniTab, phần mềm Khai báo thuế...</p>

Tên ngành/ CTĐT	Quản trị kinh doanh
<p>Văn bằng được cấp</p>	<p>Cử nhân</p>
<p>Yêu cầu về điều kiện mở ngành</p>	<p>5 Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình:</p> <p>TS. Nguyễn Thị Thanh Thúy TS. Nguyễn Thị Thanh Vân PGS.TS. Nguyễn Khắc Hiếu TS. Nguyễn Thị Anh Vân TS. Lê Thị Tuyết Thanh</p>

Tên ngành/ CTĐT	Quản trị kinh doanh
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<p>PLO1 Áp dụng được kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức cơ sở ngành trong quản trị doanh nghiệp.</p> <p>PLO2 Áp dụng được kiến thức chuyên ngành quản lý công nghiệp</p> <p>PLO3 Phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề trong quản trị doanh nghiệp</p> <p>PLO4 Khả năng tư duy hệ thống và thực hiện nghiên cứu trong quản trị doanh nghiệp</p> <p>PLO5 Hình thành kỹ năng truyền đạt, chuyên tải và phổ biến kiến thức, và sử dụng được ngoại ngữ trong công việc.</p> <p>PLO6 Hình thành năng lực lãnh đạo và kỹ năng làm việc nhóm</p> <p>PLO7 Hình thành thái độ làm việc chuyên nghiệp, khả năng hội nhập quốc tế và học tập suốt đời</p> <p>PLO8 Hình thành ý tưởng và lập kế hoạch: về khởi nghiệp và cải tiến trong hoạt động sản xuất kinh doanh.</p> <p>PLO9 Khả năng tổ chức, vận hành và kiểm soát các hoạt động cải tiến trong sản xuất và kinh doanh.</p>
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	<p>Thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hoặc trung học nghề năm 2026; thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2025 trở về trước và có điểm thi THPT năm 2026 theo tổ hợp xét tuyển.</p> <p>Có 2 phương thức xét tuyển như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phương thức 1: Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và ưu tiên xét tuyển theo Đề án tuyển sinh của Trường: Chỉ tiêu không quá 10% tổng chỉ tiêu chung. + Phương thức 2: Xét tuyển theo phương thức kết hợp: (1) Điểm TN THPT độc lập, (2) Điểm TN THPT kết hợp Điểm HỌC BA, và (3) Điểm TN THPT kết hợp Điểm ĐGNL <p>Tổ hợp xét tuyển (Môn Toán nhân hệ số 2): Toán - Văn - Lý; Toán - Lý - Anh; Toán - Lý - Hóa; Toán - Văn - Anh</p>
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<p>Các giảng viên trong Khoa tham gia giảng dạy CTĐT của ngành Quản trị kinh doanh:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Khắc Hiếu 2. Nguyễn Thị Thanh Vân 3. Nguyễn Thị Thanh Vân 4. Nguyễn Thị Anh Vân 5. Lê Thị Tuyết Thanh 6. Phan Thị Thanh Hiền 7. Nguyễn Thị Mai Trâm 8. Phan Văn Hồng Thắng 9. Nguyễn Đình Thiên 10. Huỳnh Thị Cẩm Tú 11. Nguyễn Danh Hà Thái 12. Hoàng Diệu Hồng 13. Bùi Thu Anh 14. Tô Trần Lam Giang 15. Trương Thị Hòa 16. Nguyễn Thị Hồng 17. Lê Trường Diễm Trang 18. Đào Thị Kim Yến 19. Nguyễn Thị Châu Long 20. Trần Thụy Ái Phương

Tên ngành/ CTĐT	Quản trị kinh doanh
	21. Chu Thị Huệ 22. Võ Thị Xuân Hạnh 23. Nguyễn Phan Anh Huy 24. Nguyễn Phan Như Ngọc GV của Bộ môn QTKD: https://sites.google.com/hcmute.edu.vn/fe-hcmute-edu-vn/b%E1%BB%99-m%C3%B4n-qu%E1%BA%A3n-tr%E1%BB%8B-kinh-doanh Hiện tại ngành QTKD sử dụng phòng máy tính của Trường và phòng BI phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của sinh viên. Ngoài ra, Bộ môn còn sử dụng các phần mềm như SPSS, MISA, MiniTab để phục vụ cho công tác dạy và học. Các khóa học MOOC đã triển khai trong CTĐT bao gồm: Tối ưu hóa, Hành vi tổ chức.

Khoa: Ngoại ngữ

Tên ngành/ CTĐT	Ngôn ngữ Anh
Văn bằng được cấp	Cử nhân
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	Theo Quyết định số 1727/QĐ-ĐHSPKT ngày 06/9/2021 của Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học.
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ul style="list-style-type: none"> Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và kiến thức hệ thống về ngành Biên - Phiên dịch Tiếng Anh Kỹ thuật và Tiếng Anh Thương mại. Hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ đạt bậc 5/6 (Khung NLNN VN) và vận dụng tốt tri thức mới dựa trên kỹ năng phân tích và tư duy phê phán. Phát triển kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả trong và ngoài môi trường nghề nghiệp Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận dụng kiến thức, công nghệ mới trong ngành Biên - Phiên dịch Tiếng Anh và Tiếng Anh thương mại.
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	Học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học đạt yêu cầu điểm chuẩn của ngành đào tạo.
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> Đội ngũ GV đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, đảm bảo số lượng đáp ứng nhu cầu đào tạo. Đảm bảo cơ sở vật chất phù hợp với đặc thù ngành đào tạo như phòng học, hệ thống âm thanh, phòng thực hành tiếng.. CĐR được thiết kế bao gồm các khối kiến thức, kỹ năng, thái độ, thiết kế theo hướng tiếp cận năng lực bậc 5 theo KNLNNVN. CTĐT đảm bảo phân bổ hợp lý các khối kiến thức. CTĐT được kiểm định theo chuẩn AUN hoặc MOET.

Tên ngành/ CTĐT	Sư phạm Tiếng Anh
Văn bằng được cấp	Cử nhân
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	Theo Quyết định số 1727/QĐ-ĐHSPKT ngày 06/9/2021 của Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học

Tên ngành/ CTĐT	Sư phạm Tiếng Anh
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ol style="list-style-type: none"> 1. Có kiến thức cơ bản về các ngành khoa học nền tảng, kiến thức về bình đẳng giới và kiến thức chuyên ngành về nghiên cứu giảng dạy tiếng Anh. 2. Có khả năng hình thành và vận dụng được năng lực tiếng Anh ở trình độ cao trong việc giảng dạy và trong nghiên cứu khoa học. 3. Có các kỹ năng học tập của thế kỷ 21, phù hợp trong các tình huống giao tiếp xã hội và trong môi trường làm việc chuyên nghiệp. 4. Có thể phát triển năng lực chuyên môn thông qua năng lực tự học suốt đời. Hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ đạt bậc 5/6 (Khung NLNN VN)
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	Học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học đạt yêu cầu điểm chuẩn của ngành đào tạo.
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> • Đội ngũ GV đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, đảm bảo số lượng đáp ứng nhu cầu đào tạo. • Đảm bảo cơ sở vật chất phù hợp với đặc thù ngành đào tạo như phòng học, hệ thống âm thanh, phòng chuyên môn thực hành sư phạm. • CDR được thiết kế bao gồm các khối kiến thức, kỹ năng, thái độ, thiết kế theo hướng tiếp cận năng lực bậc 5% theo KNLNNVN. • CTĐT đảm bảo phân bổ hợp lý các khối kiến thức. • CTĐT được kiểm định theo chuẩn AUN hoặc MOET.

Khoa: Thời trang và Du lịch

Tên ngành/ CTĐT	Công nghệ may
Văn bằng được cấp	Kỹ sư
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 5 giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trở lên phù hợp với ngành (trong đó ít nhất 1 giảng viên có trình độ tiến sĩ đúng chuyên ngành). - Có chương trình đào tạo được xây dựng theo chuẩn đầu ra rõ ràng, phù hợp với khung trình độ quốc gia. - Có cơ sở vật chất: xưởng thực hành may, phòng thiết kế, phòng CAD, thí nghiệm vật liệu dệt, thư viện, phần mềm mô phỏng. - Có liên kết với doanh nghiệp để tổ chức thực tập, thực tế, đảm bảo tính ứng dụng.
Yêu cầu về chuẩn đầu ra	<ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức cơ bản, cơ sở, chuyên ngành và liên ngành về công nghệ may cùng hệ thống sản xuất may công nghiệp - Có kỹ năng nghề nghiệp, tư duy hệ thống, khả năng vận dụng kiến thức giải quyết vấn đề thực tiễn; đồng thời có năng lực thiết kế, triển khai, quản lý và tối ưu hóa sản xuất - Có phẩm chất nghề nghiệp, năng lực ngoại ngữ, năng lực số, tinh thần học tập suốt đời và khả năng thích ứng với tiến bộ công nghệ, xã hội. - Đáp ứng được chuẩn tiếng Anh đầu ra tương đương 500 TOEIC
Yêu cầu về chuẩn đầu vào	<ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương. - Tham gia kỳ thi THPT Quốc gia hoặc xét tuyển học bạ theo quy chế tuyển sinh của trường. - Đáp ứng các ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ GD&ĐT quy định. - Không yêu cầu kỹ năng thực hành may khi vào học, sẽ được đào tạo trong chương trình.

Tên ngành/ CTĐT	Công nghệ may
Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đào tạo: 4 năm (8 học kỳ). - Tổng số tín chỉ: 150 tín chỉ (không bao gồm GDTC, GDQP và Chuyên đề bổ trợ). - Có đội ngũ giảng viên cơ hữu, phòng học lý thuyết và hệ thống xưởng thực hành, phòng thiết kế thời trang, CAD/CAM, phòng thí nghiệm vật liệu dệt. - Có doanh nghiệp liên kết phục vụ thực tập tốt nghiệp và học phần chuyên đề thực tế. - Có hệ thống cố vấn học tập, đảm bảo quá trình đào tạo cá thể hóa và hỗ trợ người học.

Tên ngành/ CTĐT	Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống
Văn bằng được cấp	Cử nhân
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<ul style="list-style-type: none"> - Có đội ngũ giảng viên cơ hữu đạt chuẩn (tối thiểu 5 giảng viên, trong đó có ít nhất 1 tiến sĩ, đúng chuyên ngành). - Có chương trình đào tạo được phê duyệt với chuẩn đầu ra rõ ràng. - Có cơ sở vật chất gồm: phòng bếp, bar, nhà hàng mô phỏng, phòng học chuyên đề, phòng thực hành máy tính và phần mềm quản lý nhà hàng. - Có thư viện, tài liệu phục vụ đào tạo và nghiên cứu. - Có kết nối doanh nghiệp để triển khai học phần thực hành và tốt nghiệp.
Yêu cầu về chuẩn đầu ra	<ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức nền tảng và chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị nhà hàng, dịch vụ ăn uống, vệ sinh an toàn thực phẩm, marketing và tài chính nhà hàng. - Có kỹ năng nghề nghiệp thực hành trong bếp, phục vụ, pha chế, tổ chức sự kiện, xây dựng và vận hành mô hình kinh doanh F&B. - Giao tiếp hiệu quả, làm việc nhóm, sử dụng tốt tiếng Anh chuyên ngành. - Có tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp và tư duy sáng tạo.
Yêu cầu về chuẩn đầu vào	<ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương. - Đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ GD&ĐT và quy chế tuyển sinh của trường. - Có năng lực học tập phù hợp để tiếp thu chương trình có thực hành nhiều.
Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đào tạo: 4 năm (8 học kỳ). - Tổng số tín chỉ: 132 tín chỉ (chưa bao gồm GDTC, GDQP và Chuyên đề bổ trợ). - Có đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng. - Có hệ thống bếp thực hành Việt – Á – Âu, thực hành bánh, bar, nhà hàng mô phỏng. - Có phần mềm và môi trường mô phỏng nghiệp vụ F&B. - Có liên kết với doanh nghiệp, khách sạn, trung tâm hội nghị để tổ chức thực tập và khóa luận tốt nghiệp.

Tên ngành/ CTĐT	Thiết kế thời trang
Văn bằng được cấp	Cử nhân
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 5 giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trở lên, giảng dạy phù hợp với chuyên ngành, trong đó tối thiểu 1 giảng viên có trình độ tiến sĩ. - Có chương trình đào tạo được xây dựng chuẩn đầu ra rõ ràng, phù hợp Khung trình độ quốc gia, với Tầm nhìn và sứ mạng của trường chủ quản và được phê duyệt chính thức.

Tên ngành/ CTĐT	Thiết kế thời trang
	<ul style="list-style-type: none"> - Có hệ thống phòng học, phòng vẽ, xưởng thiết kế, phòng may, phòng dressform, phần mềm mô phỏng thiết kế thời trang 2D và 3D (Adobe Illustrator, Photoshop, Clo3D, VStitcher...). - Có thư viện, tài liệu, trang thiết bị thực hành và liên kết với doanh nghiệp thời trang.
Yêu cầu về chuẩn đầu ra	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng kiến thức về văn hóa, kỹ thuật, mỹ thuật đương đại và xu hướng thế giới kết hợp với công nghệ thời trang số trong nghiên cứu và sáng tạo thiết kế thời trang. - Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học kinh tế, chính trị, xã hội, pháp luật và công nghệ thông tin trong phân tích, phát triển và đánh giá các vấn đề liên quan đến lĩnh vực thiết kế thời trang và hoạt động nghề nghiệp. - Vận dụng kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức, giám sát quy trình và quản lý hoạt động chuyên môn trong thiết kế và phát triển sản phẩm thời trang, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và bối cảnh hội nhập quốc tế. - Thực hiện thành thạo các kỹ thuật chuyên môn trong thiết kế thời trang, bao gồm phát triển ý tưởng, minh họa thiết kế, dựng rập 2D-3D, xử lý chất liệu và ứng dụng công nghệ số trong thiết kế và phát triển sản phẩm. - Hoàn thành công việc độc lập hoặc phối hợp nhóm để tổ chức và triển khai các bộ sưu tập thời trang; vận dụng tư duy kinh doanh và sáng tạo trong xây dựng và phát triển thương hiệu thời trang. - Giao tiếp, thuyết trình và truyền đạt hiệu quả các vấn đề chuyên môn bằng hình thức trực quan, văn bản và các phương tiện truyền thông; sử dụng được ngoại ngữ theo quy định. - Đánh giá chất lượng sản phẩm, hiệu quả công việc và kết quả thực hiện của cá nhân, nhóm trong các hoạt động nghề nghiệp thuộc lĩnh vực thiết kế thời trang. - Làm việc độc lập hoặc phối hợp nhóm hiệu quả trong các hoạt động nghiên cứu, sáng tạo, thiết kế và phát triển sản phẩm thời trang; thích ứng với sự thay đổi của xu hướng, công nghệ và môi trường ngành trong bối cảnh hội nhập. - Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và ý thức học tập suốt đời; định hướng chuyên môn, tổ chức thực hiện, đánh giá và cải tiến các hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực thiết kế thời trang.
Yêu cầu về chuẩn đầu vào	<ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương. - Tham gia kỳ thi THPT Quốc gia hoặc xét tuyển học bạ theo quy chế tuyển sinh của trường. - Đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ GD&ĐT và quy chế tuyển sinh của trường. - Có năng khiếu mỹ thuật, tư duy sáng tạo; đạt điểm trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh năng khiếu do trường ĐHCNKT TPHCM hoặc cơ sở giáo dục khác tổ chức được trường ĐHCNKT TPHCM công nhận điểm thi năng khiếu).
Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đào tạo: 4 năm (8 học kỳ). - Tổng số tín chỉ: 132 tín chỉ (chưa bao gồm GDTC, GDQP và Chuyên đề bổ trợ). - Có đầy đủ phòng học, xưởng vẽ, xưởng may, phòng máy tính với phần mềm thiết kế đồ họa và mô phỏng 3D. - Có đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng từ doanh nghiệp, nhà thiết kế, các cơ sở giáo dục khác. - Có liên kết với doanh nghiệp, nhà thiết kế, giảng viên, chuyên gia ngành thời trang để tổ chức thực tập, chuyên đề thực tế và đồ án tốt nghiệp. - Có đội ngũ tư vấn viên để cố vấn học tập cho sinh viên, đảm bảo quá trình đào tạo cá thể hóa và hỗ trợ người học.

Khoa: Viện Sư phạm Kỹ thuật

Tên ngành/ CTĐT	Sư phạm công nghệ
Văn bằng được cấp	Cử nhân
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>1. Ngành đào tạo và trình độ đào tạo</p> <ul style="list-style-type: none">- Đề án góp phần đào tạo nguồn nhân lực để thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng giáo viên phù hợp với yêu cầu tiến độ, chuyên môn triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông và Sách giáo khoa đổi mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoài ra, đề án mở Ngành Sư phạm Công nghệ còn gắn liền với việc thực hiện đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý phục vụ nhóm môn Công nghệ, Hướng nghiệp và giáo dục STEM theo Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể 2018 kèm theo Thông tư 32/2018/TT-BGD&ĐT; Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT.- Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, năng lực và chiến lược phát triển của Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh.- Tên và mã ngành Sư phạm công nghệ (7140246) có trong danh mục được quy định tại Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ban hành ngày 06 tháng 06 năm 2022. <p>2. Giảng viên</p> <ul style="list-style-type: none">- Giảng viên toàn thời gian: 13 giảng viên cơ hữu (trong đó có 3 Phó giáo sư, 5 tiến sĩ, 5 thạc sĩ)- Giảng viên thỉnh giảng: chỉ đảm nhận tối đa 30% khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần trong chương trình đào tạo. <p>3. Cơ sở vật chất</p> <p>Trường có hơn 200 phòng học đa phương tiện; phòng học dưới 50 chỗ có 75 phòng; có 02 thư viện, trung tâm học liệu; 107 trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập,...</p> <p>Đáp ứng yêu cầu quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT.</p> <p>Danh sách các thư viện, mạng cơ sở dữ liệu (CSDL) thông tin khoa học trong nước, ở ngoài nước trường ĐH SPKT TP.HCM có khả năng kết nối và khai thác gồm 07 mục, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Thư viện Trường ĐH SPKT TP.HCM: http://thuvien.hcmute.edu.vn- Thư viện số Trường ĐH SPKT TP.HCM: http://thuvienso.hcmute.edu.vn/- Cơ sở dữ liệu trường ĐH SPKT TP.HCM: http://csdl.hcmute.edu.vn- Mạng thông tin Khoa học và Công nghệ TP. HCM: http://stinet.hcmute.edu.vn- Digital Library HCMC University of Technology and Education: http://odilo.hcmute.edu.vn- IEEE Eplore: https://ieeexplore.ieee.org/Xplore/home.jsp- Scholar Google: https://scholar.google.com/ <p>Trang thông tin:</p> <ul style="list-style-type: none">- Website Trường: https://hcmute.edu.vn/ <p>4. Chương trình đào tạo</p> <p>Chương trình đào tạo được xây dựng, thẩm định và ban hành đảm bảo theo quy định của Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; Xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của Giáo dục đại học; Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Quyết định số 1727/QĐ-ĐHSPKT ngày 06/09/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. HCM về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.</p> <p>5. Đơn vị chuyên môn quản lý hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học</p> <ul style="list-style-type: none">- Đơn vị quản lý đào tạo: Phòng đào tạo

Tên ngành/ CTĐT	Sur phạm công nghệ
	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị phụ trách tuyển sinh và quản lý sinh viên: Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên - Đơn vị quản lý chuyên môn: Viện Sur phạm Kỹ thuật - Đơn vị quản lý giảng viên: Phòng Tổ chức – Hành chính <p>6. Điều kiện đảm bảo dạy học trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1274/QĐ-ĐHSPKT ngày 16/4/2020 về việc quy định đào tạo trực tuyến kết hợp đào tạo truyền thống; - Quyết định số 1682/QĐ-ĐHSPKT ngày 18/8/2021 về việc quy định về quản lý và tổ chức đánh giá theo hình thức trực tuyến; <p>7. Nghị quyết thông qua chủ trương mở ngành đào tạo Hội đồng trường trường Đại học Sur phạm Kỹ thuật TP.HCM thông qua Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 04 tháng 01 năm 2018 về việc cho phép đào tạo ngành đào tạo Sur phạm công nghệ, trình độ Đại học.</p> <p>8. Quyết định phân công xây dựng đề án đăng ký mở ngành đào tạo Quyết định số 3035/QĐ-ĐHSPKT ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc đổi tên “Ban rà soát, cập nhật” thành “Hội đồng xây dựng” chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành Sur phạm công nghệ - Mã ngành 7140246 của Trường ĐH SPKT TP. Hồ Chí Minh.</p>
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<p>ELO 1: Có kiến thức và lập luận kỹ thuật, công nghệ, sur phạm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích các nguyên tắc cơ bản thuộc khoa học giáo dục, khoa học xã hội và khoa học tự nhiên. - Tổng hợp kiến thức nền tảng công nghệ về lĩnh vực cơ khí, ô tô, điện – điện tử, tin học. - Tổng hợp kiến thức tổ chức hoạt động giáo dục và dạy học nghề nghiệp. <p>ELO 2: Kỹ năng, tố chất cá nhân và chuyên nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích, lập luận các tình huống giáo dục, các nội dung dạy học. - Phân tích, giải quyết các vấn đề về công nghệ, dự án kỹ thuật, tình huống kỹ thuật. - Thử nghiệm, thực hành kỹ thuật, công nghệ và dạy học. - Phân tích chương trình giáo dục; hệ thống kiến thức dạy học. - Phân tích hệ thống kỹ thuật, quy trình công nghệ. - Tự tin, nghiêm túc, cầu thị trong hoạt động giáo dục, hoạt động kỹ thuật và công nghệ. - Tự học, tự nghiên cứu trong lĩnh vực công nghệ và giáo dục. - Xác định đúng phẩm chất chính trị, nhân cách nhà giáo và tác phong công nghiệp. - Thể hiện đúng vị trí và năng lực nghề nghiệp của bản thân trong công việc. - Tự chủ và chịu trách nhiệm trong điều chỉnh và cải tiến hoạt động công nghệ, kỹ thuật và giáo dục. <p>ELO 3: Kỹ năng giao tiếp: Làm việc theo nhóm và giao tiếp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao tiếp và làm việc trong các nhóm đa ngành, đa lĩnh vực; làm việc hiệu quả dưới dạng văn bản, thư điện tử, đồ họa và thuyết trình. - Lãnh đạo, giao tiếp đúng mục với cá nhân, tổ chức. Giao tiếp bằng tiếng Anh trong lĩnh vực công nghệ, giáo dục. <p>ELO 4: Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, và vận hành trong bối cảnh nhà trường, doanh nghiệp và xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết hoạt động đổi mới giáo dục và phát triển khoa học công nghệ. - Phân tích đặc điểm các lĩnh vực công nghệ, kỹ thuật, sur phạm trong doanh nghiệp, nhà máy, trường học.

Tên ngành/ CTĐT	Sur phạm công nghệ
	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích cơ cấu ngành nghề; xác định nhu cầu lao động, học tập, trình độ đầu vào và đặc điểm nhận thức của người học. - Hình thành ý tưởng về xây dựng hoạt động giáo dục, sân chơi khoa học công nghệ. Hình thành ý tưởng về ứng dụng và phát triển công nghệ trong sản xuất. - Thiết kế hoạt động giáo dục, sân chơi khoa học công nghệ. - Thiết kế và phát triển các ứng dụng công nghệ trong sản xuất. - Triển khai hoạt động giáo dục, sân chơi khoa học công nghệ. - Triển khai những ứng dụng công nghệ trong sản xuất. - Tổ chức và quản lý hoạt động giáo dục; điều hành dự án kỹ thuật và sân chơi khoa học công nghệ. - Vận hành, kiểm tra hệ thống kỹ thuật và các ứng dụng công nghệ. - Hình thành khả năng tư duy sáng tạo và truyền đạt. Hình thành ý tưởng về sản phẩm và dịch vụ từ các công nghệ mới.
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương: Đáp ứng theo yêu cầu về Chuẩn đầu vào theo quy định tại Điều 6 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT.
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ giảng viên: 13 giảng viên cơ hữu (trong đó 03 Phó giáo sư, 5 tiến sĩ, 5 thạc sĩ). - Cơ sở vật chất & trang thiết bị: Có đủ các phòng học, xưởng thực hành các môn học trong Nhà trường, thư viện dùng chung, phòng thực hành STEM. - Giáo trình, tài liệu học tập: Tài liệu dành riêng cho ngành Sur phạm công nghệ theo đề án mở ngành và nguồn tài liệu chung của thư viện.

Tên ngành/ CTĐT	Tâm lý học giáo dục
Văn bằng được cấp	Cử nhân
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>1. Ngành đào tạo và trình độ đào tạo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề án góp phần tạo nguồn nhân lực cho việc triển khai nội dung “Hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp” của Chương trình Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể 2018 kèm theo Thông tư 32/2018/TT-BGD&ĐT; Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT: Hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập; hoạt động giảng dạy và nghiên cứu về tâm lý học và giáo dục học. - Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của Trường ĐH Sur phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh. - Tên và mã ngành Tâm lý học giáo dục (7310403) có trong danh mục được quy định tại Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT <p>2. Giảng viên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ giảng viên: 13 giảng viên cơ hữu (trong đó 03 Phó giáo sư, 5 tiến sĩ, 5 thạc sĩ). - Giảng viên thỉnh giảng: chỉ đảm nhận tối đa 30% khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần trong chương trình đào tạo. <p>3. Cơ sở vật chất</p> <p>Trường có hơn 200 phòng học đa phương tiện; phòng học dưới 50 chỗ có 75 phòng; có 02 thư viện, trung tâm học liệu; 107 trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập,...</p>

Tên ngành/ CTĐT	Tâm lý học giáo dục
	<p>Đáp ứng yêu cầu quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT. Danh sách các thư viện, mạng cơ sở dữ liệu (CSDL) thông tin khoa học trong nước, ở ngoài nước trường ĐH SPKT TP.HCM có khả năng kết nối và khai thác gồm 07 mục, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thư viện Trường ĐH SPKT TP.HCM: http://thuvien.hcmute.edu.vn - Thư viện số Trường ĐH SPKT TP.HCM: http://thuvienso.hcmute.edu.vn/ - Cơ sở dữ liệu trường ĐH SPKT TP.HCM: http://csdl.hcmute.edu.vn - Mạng thông tin Khoa học và Công nghệ TP. HCM: http://stinet.hcmute.edu.vn - Digital Library HCMC University of Technology and Education: http://odilo.hcmute.edu.vn - IEEE Eplore: https://ieeexplore.ieee.org/Xplore/home.jsp - Scholar Google: https://scholar.google.com/ <p>Trang thông tin:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Website Trường: https://hcmute.edu.vn/ <p>4. Chương trình đào tạo</p> <p>Chương trình đào tạo được xây dựng, thẩm định và ban hành đảm bảo theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; Xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của Giáo dục đại học.</p> <p>5. Đơn vị chuyên môn quản lý hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị quản lý đào tạo: Phòng đào tạo - Đơn vị phụ trách tuyển sinh và quản lý sinh viên: Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên - Đơn vị quản lý chuyên môn: Viện Sư phạm Kỹ thuật - Đơn vị quản lý giảng viên: Phòng Tổ chức – Hành chính <p>6. Điều kiện đảm bảo dạy học trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1274/QĐ-ĐHSPKT ngày 16/4/2020 về việc quy định đào tạo trực tuyến kết hợp đào tạo truyền thống; - Quyết định số 1682/QĐ-ĐHSPKT ngày 18/8/2021 về việc quy định về quản lý và tổ chức đánh giá theo hình thức trực tuyến; <p>7. Nghị quyết thông qua chủ trương mở ngành đào tạo</p> <p>Hội đồng trường trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM đã có Nghị quyết số 140/NQ-HĐT ngày 14 tháng 10 năm 2023 về việc cho phép đào tạo ngành đào tạo Tâm lý học giáo dục, trình độ Đại học.</p> <p>8. Quyết định phân công xây dựng đề án đăng ký mở ngành đào tạo</p> <p>Quyết định số 3473/QĐ-ĐHSPKT ngày 4 tháng 12 năm 2023 về việc thành lập hội đồng xây dựng CTĐT trình độ đại học ngành Tâm lý học Giáo dục - Mã ngành 7310403 của Trường ĐH SPKT TP. Hồ Chí Minh.</p>
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kiến thức và lập luận ngành Tâm lý học giáo dục <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích mối liên hệ giữa các kiến thức về chính trị, pháp luật, khoa học xã hội và nhân văn với các vấn đề của Tâm lý học giáo dục. - Phân tích các kiến thức cơ sở, chuyên ngành về Tâm lý học và Giáo dục học. 2. Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức dạy học bài dạy Tâm lý học và Giáo dục học. - Tổ chức các hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong nhà trường và xã hội. - Tư vấn học sinh và tham vấn tâm lý cho các nhóm đối tượng trong xã hội.

Tên ngành/ CTĐT	Tâm lý học giáo dục
	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nghiên cứu khoa học Tâm lý học giáo dục. - Rèn luyện các phẩm chất đạo đức và nghề nghiệp trong các hoạt động dạy học, giáo dục, giao tiếp và làm việc nhóm/cá nhân với các nhóm đối tượng trong xã hội; trung thực, khách quan, liêm chính, sáng tạo trong nghiên cứu khoa học. <p>3. Kỹ năng mềm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm việc với các nhóm đối tượng trong xã hội; sử dụng tiếng Anh tương đương bậc 3/6 vào giao tiếp, hoạt động chuyên môn và ICT vào thiết kế, tổ chức dạy học, giáo dục. <p>4. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai vận dụng kiến thức Tâm lý học giáo dục vào giải quyết vấn đề thực tế của cuộc sống và nghề nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết các vấn đề liên quan tới giáo dục, cá nhân, nhóm và xã hội tại trường học, cơ quan, doanh nghiệp và cộng đồng bằng kiến thức và kỹ năng về tâm lý học giáo dục.
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương: Đáp ứng theo yêu cầu về Chuẩn đầu vào theo quy định tại Điều 6 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT.
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ giảng viên: 13 giảng viên cơ hữu (trong đó 03 Phó giáo sư, 5 tiến sĩ, 5 thạc sĩ). - Cơ sở vật chất & trang thiết bị: Có đủ các phòng học lý thuyết, trung tâm chăm sóc sức khỏe tinh thần cho sinh viên và thư viện của Trường. - Giáo trình, tài liệu học tập: Tài liệu dành riêng cho ngành Tâm lý giáo dục theo đề án mở ngành và nguồn tài liệu chung của thư viện.

Khoa: Xây dựng

Tên ngành/ CTĐT	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng
Văn bằng được cấp	Kỹ sư
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>Đáp ứng yêu cầu mở ngành theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <p>4. Về ngành Đào tạo Có trong danh mục đào tạo (Mã: 7510102)</p> <p>5. Về đội ngũ giảng viên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; - Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp (bao gồm cả tiến sĩ ngành phù hợp) là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy; - Có đội ngũ giảng viên bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo đều có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm. <p>6. Về cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đầy đủ phòng học, thư viện. - Có đầy đủ phòng thí nghiệm, thực hành, thực tập. - Trang thông tin điện tử đăng tải công khai.

Tên ngành/ CTĐT	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng nhận biết, trình bày và giải quyết các vấn đề kỹ thuật phức tạp bằng cách áp dụng các nguyên tắc khoa học, kỹ thuật và toán học. - Phân tích kết quả thử nghiệm các vấn đề kỹ thuật liên quan vật liệu và kết cấu xây dựng. - Lập kế hoạch tự học nhằm đề xuất các giải pháp sáng tạo giải quyết các vấn đề chuyên ngành. - Phát triển thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp. - Tổ chức làm việc nhóm dựa trên đặc tính từng thành viên của nhóm để giải quyết mục tiêu dự án. - Khả năng giao tiếp hiệu quả nhằm đáp ứng nhu cầu và đặc tính của người nghe, sử dụng kiến thức ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp. - Thiết kế một phần hoặc toàn bộ dự án xây dựng dựa trên kiến thức và kỹ năng tích lũy được trong quá trình học có xét đến các yếu tố kỹ thuật, kinh tế, môi trường, xã hội và bền vững. - Đề xuất các giải pháp thi công một phần hoặc toàn bộ công trình xây dựng như thực hiện, tổ chức, điều hành và quản lý. - Chọn lựa giải pháp phù hợp để vận hành công trình xây dựng như giám sát, bảo trì, sửa chữa hoặc nâng cấp. <p>⇒ Đáp ứng yêu cầu Chuẩn đầu ra của chương trình Đào tạo tại Điều 5 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, đảm bảo các tiêu chí rõ ràng, thiết thực; đo lường được, đánh giá được, phù hợp với khung trình độ quốc gia, có tính liên thông, có tính khả thi.</p>
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương ⇒ Đáp ứng theo yêu cầu về Chuẩn đầu vào theo quy định tại Điều 6 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ giảng viên: 63 giảng viên cơ hữu (15 PGS, 27 TS, 21 ThS). Link: https://fce.hcmute.edu.vn/ArticleId/2eeed5c-0e73-495e-89ef-6998e97d8578/doi-ngu-giang-vien - Cơ sở vật chất và trang thiết bị: Phòng học, thư viện dùng chung, phòng thí nghiệm, phòng thực tập, thực hành riêng biệt - Giáo trình, tài liệu học tập: Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo tại thư viện: https://thuvienso.hcmute.edu.vn/xay-dung-kien-truc/tat-ca-tai-lieu-xay-dung-kien-truc-837-0.html - Quan hệ doanh nghiệp và thực tiễn: Ký kết và hợp tác với nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước. Link: https://fce.hcmute.edu.vn/TopicId/3f561aee-c7a7-4cb1-9756-7956d74a7d91/quan-he-doanh-nghiep-quoc-te

Tên ngành/ CTĐT	Hệ thống kỹ thuật công trình xây dựng
Văn bằng được cấp	Kỹ sư
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>Đáp ứng yêu cầu mở ngành theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Về ngành Đào tạo Có trong danh mục đào tạo (Mã: 7510106) 2. Về đội ngũ giảng viên - Có ít nhất 01 tiên sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác), có kinh nghiệm quản

Tên ngành/ CTĐT	Hệ thống kỹ thuật công trình xây dựng
	<p>lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp (bao gồm cả tiến sĩ ngành phù hợp) là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy; - Có đội ngũ giảng viên bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo đều có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm. <p>3. Về cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đầy đủ phòng học, thư viện. - Có đầy đủ phòng thí nghiệm, thực hành, thực tập. - Trang thông tin điện tử đăng tải công khai.
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng áp dụng, phát biểu, giải quyết những công thức, nguyên lý, định lý, khái niệm vào kỹ thuật, khoa học, toán học trong lãnh vực Hệ thống kỹ thuật công trình xây dựng. - Có khả năng thực hiện, phân tích và đánh giá kết quả khảo sát, thử nghiệm các vấn đề liên quan đến kỹ thuật. - Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp liên quan đến những vấn đề hệ thống kỹ thuật công trình. - Có khả năng lập kế hoạch tự học thích hợp nhằm giải quyết các vấn đề kỹ thuật. - Có khả năng tổ chức làm việc nhóm dựa trên đặc tính từng thành viên để giải quyết hiệu quả mục tiêu dự án. - Có khả năng giao tiếp những vấn đề kỹ thuật với mọi người trong lãnh vực hệ thống kỹ thuật công trình, và bằng tiếng Anh. - Có khả năng phân tích phương án phù hợp trong việc thiết kế và thi công hệ thống kỹ thuật công trình thỏa mãn các yêu cầu kỹ thuật, kinh tế, môi trường, xã hội và sự phát triển bền vững. - Có khả năng đánh giá tính hiệu quả của những phương án hệ thống kỹ thuật công trình. - Có khả năng áp dụng những thiết kế kỹ thuật để tạo ra những hệ thống kỹ thuật công trình. <p>⇒ Đáp ứng yêu cầu Chuẩn đầu ra của chương trình Đào tạo tại Điều 5 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, đảm bảo các tiêu chí rõ ràng, thiết thực; đo lường được, đánh giá được, phù hợp với khung trình độ quốc gia, có tính liên thông, có tính khả thi.</p>
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	<p>Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương ⇒ Đáp ứng theo yêu cầu về Chuẩn đầu vào theo quy định tại Điều 6 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT</p>
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ giảng viên 63 giảng viên cơ hữu (15 PGS, 27 TS, 21 ThS). Link: https://fce.hcmute.edu.vn/ArticleId/2eeeed5c-0e73-495e-89ef-6998e97d8578/doi-ngu-giang-vien - Cơ sở vật chất và trang thiết bị: Phòng học, thư viện dùng chung, phòng thí nghiệm, phòng thực tập, thực hành riêng biệt - Giáo trình, tài liệu học tập: Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo tại thư viện: https://thuvienso.hcmute.edu.vn/xay-dung-kien-truc/tat-ca-tai-lieu-xay-dung-kien-truc-837-0.html - Quan hệ doanh nghiệp và thực tiễn: Ký kết và hợp tác với nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước. Link: https://fce.hcmute.edu.vn/TopicId/3f561aee-c7a7-4cb1-9756-7956d74a7d91/quan-he-doanh-nghiep-quoc-te

Tên ngành/ CTĐT	Kiến trúc
Văn bằng được cấp	Kiến trúc sư
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>Đáp ứng yêu cầu mở ngành theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <p>1. Về ngành Đào tạo Có trong danh mục đào tạo (Mã: 7580101)</p> <p>2. Về đội ngũ giảng viên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; - Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp (bao gồm cả tiến sĩ ngành phù hợp) là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy; - Có đội ngũ giảng viên bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo đều có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm. <p>3. Về cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đầy đủ phòng học, thư viện. - Có đầy đủ phòng thí nghiệm, thực hành, thực tập. - Trang thông tin điện tử đăng tải công khai.
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức nâng cao về chuyên ngành trong khối kiến thức toàn diện, chặt chẽ và có hệ thống trong lĩnh vực Kiến trúc - Xây dựng và các ngành liên quan. - Có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp kiến thức để phán đoán, xác định và giải quyết các vấn đề phức tạp với tư duy độc lập, liên kết lĩnh vực chuyên môn và các lĩnh vực chuyên ngành khác có liên quan. - Có kiến thức và kỹ năng linh hoạt phù hợp với các bối cảnh đa dạng, đề lên ý tưởng, lập kế hoạch thực hiện, đánh giá nhiều yếu tố để lựa chọn giải pháp giải quyết các vấn đề, đưa ra các quyết định hành nghề kiến trúc – xây dựng. - Thực hiện hành vi đạo đức và trách nhiệm trong môi trường học thuật, nghề nghiệp và cộng đồng. - Có kỹ năng giao tiếp bằng nhiều hình thức để trình bày rõ ràng mạch lạc, thể hiện sự hiểu biết về các khái niệm lý thuyết và truyền tải kiến thức, ý tưởng phức tạp đến các đối tượng khác nhau. - Có trách nhiệm, chủ động và tích cực cộng tác và làm việc nhóm trong khuôn khổ rộng; tích cực tham gia lãnh đạo nhóm và thể hiện vai trò lãnh đạo nhóm. - Có năng lực ngoại ngữ và thành thạo các phần mềm công nghệ tin học chuyên ngành hoạt động lĩnh vực kiến trúc - xây dựng đáp ứng các quy định hiện nay. - Có kỹ năng thiết kế, hình thành ý tưởng thiết kế và sáng tạo để thực hiện chuyên môn cao trong lĩnh vực Kiến trúc – Xây dựng. - Có kỹ năng thiết kế kỹ thuật tổng hợp chuyên sâu đáp ứng nhu cầu xã hội gồm: các quy định pháp lý, hệ thống kiểm soát môi trường thiết kế bền vững & tính toán ảnh hưởng môi trường, hệ thống an toàn và giải pháp hiệu quả công trình. <p>⇒ Đáp ứng yêu cầu Chuẩn đầu ra của chương trình Đào tạo tại Điều 5 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, đảm bảo các tiêu chí rõ ràng, thiết thực; đo lường được, đánh giá được, phù hợp với khung trình độ quốc gia, có tính liên thông, có tính khả thi.</p>
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương ⇒ Đáp ứng theo yêu cầu về Chuẩn đầu vào theo quy định tại Điều 6 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT

Tên ngành/ CTĐT	Kiến trúc
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ giảng viên: 63 giảng viên cơ hữu (15 PGS, 27 TS, 21 ThS). Link: https://fce.hcmute.edu.vn/ArticleId/2eeeed5c-0e73-495e-89ef-6998e97d8578/doi-ngu-giang-vien - Cơ sở vật chất và trang thiết bị: Phòng học, thư viện dùng chung, phòng thí nghiệm, phòng thực tập, thực hành riêng biệt - Giáo trình, tài liệu học tập: Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo tại thư viện: https://thuvienso.hcmute.edu.vn/xay-dung-kien-truc/tat-ca-tai-lieu-xay-dung-kien-truc-837-0.html - Quan hệ doanh nghiệp và thực tiễn: Ký kết và hợp tác với nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước. Link: https://fce.hcmute.edu.vn/TopicId/3f561aee-c7a7-4cb1-9756-7956d74a7d91/quan-he-doanh-nghiep-quoc-te

Tên ngành/ CTĐT	Kiến trúc nội thất
Văn bằng được cấp	Kiến trúc sư
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>Đáp ứng yêu cầu mở ngành theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Về ngành Đào tạo Có trong danh mục đào tạo (Mã: 7580103) 2. Về đội ngũ giảng viên <ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; - Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp (bao gồm cả tiến sĩ ngành phù hợp) là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy; - Có đội ngũ giảng viên bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo đều có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm. 3. Về cơ sở vật chất <ul style="list-style-type: none"> - Có đầy đủ phòng học, thư viện. - Có đầy đủ phòng thí nghiệm, thực hành, thực tập. - Trang thông tin điện tử đăng tải công khai.
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng các yêu cầu về kiến thức nền tảng và cốt lõi như mỹ học, văn hóa, lịch sử kiến trúc, vật liệu, cơ học kết cấu... phục vụ thiết kế Kiến trúc Nội Ngoại thất. - Đáp ứng các yêu cầu về kiến thức kỹ thuật chuyên ngành và liên ngành nâng cao đảm bảo tính linh hoạt và đặc thù trong sáng tạo Kiến trúc Nội Ngoại thất. - Kỹ năng đánh giá, xác định vấn đề cần giải quyết trong quá trình triển khai công việc, hình thành nền tảng để đề xuất các giải pháp thiết kế (tư duy thiết kế). - Kỹ năng đánh giá toàn diện trong thiết kế, cân bằng trong phán xét giữa các phương án thiết kế (tư duy hệ thống). - Khả năng kiên trì, tư duy linh hoạt, sáng tạo trong quá trình nghiên cứu, đề xuất và triển khai ý tưởng. - Khả năng làm việc nhóm, tổ chức, lãnh đạo nhóm trong việc giải quyết hiệu quả công việc. - Khả năng sử dụng các kỹ năng giao tiếp khác nhau như viết báo cáo, thể hiện bản vẽ, thuyết trình, bảo vệ công việc trong hoạt động nghề nghiệp.

Tên ngành/ CTĐT	Kiến trúc nội thất
	<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai dự án. - Khả năng quản lý, phát triển đảm bảo mục tiêu dự án, quản lý vận hành dự án. <p>⇒ Đáp ứng yêu cầu Chuẩn đầu ra của chương trình Đào tạo tại Điều 5 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, đảm bảo các tiêu chí rõ ràng, thiết thực; đo lường được, đánh giá được, phù hợp với khung trình độ quốc gia, có tính liên thông, có tính khả thi.</p>
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương ⇒ Đáp ứng theo yêu cầu về Chuẩn đầu vào theo quy định tại Điều 6 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ giảng viên: 63 giảng viên cơ hữu (15 PGS, 27 TS, 21 ThS). Link: https://fce.hcmute.edu.vn/ArticleId/2eeeed5c-0e73-495e-89ef-6998e97d8578/doi-ngu-giang-vien - Cơ sở vật chất và trang thiết bị: Phòng học, thư viện dùng chung, phòng thí nghiệm, phòng thực tập, thực hành riêng biệt - Giáo trình, tài liệu học tập: Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo tại thư viện: https://thuvienso.hcmute.edu.vn/xay-dung-kien-truc/tat-ca-tai-lieu-xay-dung-kien-truc-837-0.html - Quan hệ doanh nghiệp và thực tiễn: Ký kết và hợp tác với nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước. Link: https://fce.hcmute.edu.vn/TopicId/3f561aee-c7a7-4cb1-9756-7956d74a7d91/quan-he-doanh-nghiep-quoc-te

Tên ngành/CTĐT	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
Văn bằng được cấp	Kỹ sư
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>Đáp ứng yêu cầu mở ngành theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Về ngành Đào tạo Có trong danh mục đào tạo (Mã: 7580205) 2. Về đội ngũ giảng viên <ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; - Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp (bao gồm cả tiến sĩ ngành phù hợp) là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy; - Có đội ngũ giảng viên bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo đều có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm. 3. Về cơ sở vật chất <ul style="list-style-type: none"> - Có đầy đủ phòng học, thư viện. - Có đầy đủ phòng thí nghiệm, thực hành, thực tập. - Trang thông tin điện tử đăng tải công khai.
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng nhận biết, trình bày và giải quyết các vấn đề kỹ thuật phức tạp bằng cách áp dụng các nguyên tắc khoa học, kỹ thuật và toán học. - Phân tích kết quả thử nghiệm các vấn đề kỹ thuật liên quan vật liệu và kết cấu xây dựng. - Lập kế hoạch tự học nhằm đề xuất các giải pháp sáng tạo giải quyết các vấn đề chuyên ngành.

Tên ngành/CTĐT	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp. - Tổ chức làm việc nhóm dựa trên đặc tính từng thành viên của nhóm để giải quyết mục tiêu dự án. - Khả năng giao tiếp hiệu quả nhằm đáp ứng nhu cầu và đặc tính của người nghe, sử dụng kiến thức ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp. - Thiết kế một phần hoặc toàn bộ dự án CTGT dựa trên kiến thức và kỹ năng tích lũy được trong quá trình học có xét đến các yếu tố kỹ thuật, kinh tế, môi trường, xã hội và bền vững. - Đề xuất các giải pháp thi công một phần hoặc toàn bộ dự án CTGT như thực hiện, tổ chức, điều hành và quản lý. - Khả năng phân tích, quản lý, đánh giá chất lượng dự án CTGT. <p>⇒ Đáp ứng yêu cầu Chuẩn đầu ra của chương trình Đào tạo tại Điều 5 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, đảm bảo các tiêu chí rõ ràng, thiết thực; đo lường được, đánh giá được, phù hợp với khung trình độ quốc gia, có tính liên thông, có tính khả thi.</p>
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương ⇒ Đáp ứng theo yêu cầu về Chuẩn đầu vào theo quy định tại Điều 6 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ giảng viên: 63 giảng viên cơ hữu (15 PGS, 27 TS, 21 ThS). Link: https://fce.hcmute.edu.vn/ArticleId/2eeeed5c-0e73-495e-89ef-6998e97d8578/doi-ngu-giang-vien - Cơ sở vật chất và trang thiết bị: Phòng học, thư viện dùng chung, phòng thí nghiệm, phòng thực tập, thực hành riêng biệt - Giáo trình, tài liệu học tập: Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo tại thư viện: https://thuvienso.hcmute.edu.vn/xay-dung-kien-truc/tat-ca-tai-lieu-xay-dung-kien-truc-837-0.html - Quan hệ doanh nghiệp và thực tiễn: Ký kết và hợp tác với nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước. Link: https://fce.hcmute.edu.vn/TopicId/3f561aee-c7a7-4cb1-9756-7956d74a7d91/quan-he-doanh-nghiep-quoc-te

Tên ngành/CTĐT	Quản lý và vận hành hạ tầng
Văn bằng được cấp	Kỹ sư
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>Đáp ứng yêu cầu mở ngành theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Về ngành Đào tạo Có trong danh mục đào tạo (Mã: 7840110) 2. Về đội ngũ giảng viên <ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; - Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp (bao gồm cả tiến sĩ ngành phù hợp) là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy; - Có đội ngũ giảng viên bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo đều có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm.

Tên ngành/ CTĐT	Quản lý và vận hành hạ tầng
	<p>3. Về cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đầy đủ phòng học, thư viện. - Có đầy đủ phòng thí nghiệm, thực hành, thực tập. - Trang thông tin điện tử đăng tải công khai.
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng nhận biết, trình bày và giải quyết các vấn đề kỹ thuật phức tạp bằng cách áp dụng các nguyên tắc khoa học, kỹ thuật và toán học. - Có khả năng phân tích kết quả thử nghiệm các vấn đề kỹ thuật liên quan công tác quản lý và vận hành hạ tầng. - Có khả năng lập kế hoạch tự học nhằm đề xuất các giải pháp sáng tạo giải quyết các vấn đề chuyên ngành. - Phát triển thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp. - Có khả năng tổ chức làm việc nhóm dựa trên đặc tính từng thành viên để giải quyết hiệu quả mục tiêu dự án. - Có khả năng giao tiếp hiệu quả nhằm đáp ứng nhu cầu và đặc tính của người nghe, sử dụng kiến thức ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp. - Có khả năng thiết kế một phần hoặc toàn bộ dự án xây dựng dựa trên kiến thức và kỹ năng tích lũy được trong quá trình học có xét đến các yếu tố kỹ thuật, kinh tế, môi trường, xã hội và bền vững. - Có khả năng thiết kế một phần hoặc toàn bộ dự án xây dựng dựa trên kiến thức và kỹ năng tích lũy được trong quá trình học có xét đến các yếu tố kỹ thuật, kinh tế, môi trường, xã hội và bền vững. - Có khả năng phân tích, quản lý, kiểm soát, đánh giá chất lượng công trình hạ tầng. <p>⇒ Đáp ứng yêu cầu Chuẩn đầu ra của chương trình Đào tạo tại Điều 5 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, đảm bảo các tiêu chí rõ ràng, thiết thực; đo lường được, đánh giá được, phù hợp với khung trình độ quốc gia, có tính liên thông, có tính khả thi.</p>
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương ⇒ Đáp ứng theo yêu cầu về Chuẩn đầu vào theo quy định tại Điều 6 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ giảng viên: 63 giảng viên cơ hữu (15 PGS, 27 TS, 21 ThS). Link: https://fce.hcmute.edu.vn/ArticleId/2eeeed5c-0e73-495e-89ef-6998e97d8578/doi-ngu-giang-vien - Cơ sở vật chất và trang thiết bị: Phòng học, thư viện dùng chung, phòng thí nghiệm, phòng thực tập, thực hành riêng biệt - Giáo trình, tài liệu học tập: Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo tại thư viện: https://thuvienso.hcmute.edu.vn/xay-dung-kien-truc/tat-ca-tai-lieu-xay-dung-kien-truc-837-0.html - Quan hệ doanh nghiệp và thực tiễn: Ký kết và hợp tác với nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước. Link: https://fce.hcmute.edu.vn/TopicId/3f561aee-c7a7-4cb1-9756-7956d74a7d91/quan-he-doanh-nghiep-quoc-te

Tên ngành/ CTĐT	Quản lý xây dựng
Văn bằng được cấp	Kỹ sư
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	<p>Đáp ứng yêu cầu mở ngành theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <p>1. Về ngành Đào tạo</p> <p>Có trong danh mục đào tạo (Mã: 7580302)</p>

Tên ngành/ CTĐT	Quản lý xây dựng
	<p>2. Về đội ngũ giảng viên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; - Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp (bao gồm cả tiến sĩ ngành phù hợp) là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy; - Có đội ngũ giảng viên bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo đều có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm. <p>3. Về cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đầy đủ phòng học, thư viện. - Có đầy đủ phòng thí nghiệm, thực hành, thực tập. - Trang thông tin điện tử đăng tải công khai.
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích, trình bày hoặc vận dụng các nguyên tắc cơ bản trong khoa học và kỹ thuật. - Phân tích kết quả thử nghiệm các vấn đề trong kỹ thuật xây dựng. - Thiết kế và tổ chức thi công dựa trên tiêu chuẩn, định mức hoặc mô hình. - Phát triển thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, và khả năng tự học để giải quyết các vấn đề chuyên ngành. - Phát triển khả năng tổ chức làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả với các vấn đề liên quan đến kỹ thuật và quản lý xây dựng. - Lập kế hoạch thực hiện dự án xây dựng trước khi triển khai thực hiện. - Đánh giá hiệu quả của dự án đầu tư xây dựng với yêu cầu của các bên liên quan. - Phân tích và lựa chọn các giải pháp quản lý hiệu quả cho một phần hoặc toàn bộ công trình. - Đánh giá được sự tác động của công nghệ kỹ thuật xây dựng đối với sự phát triển kinh tế, xã hội và môi trường. <p>⇒ Đáp ứng yêu cầu Chuẩn đầu ra của chương trình Đào tạo tại Điều 5 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, đảm bảo các tiêu chí rõ ràng, thiết thực; đo lường được, đánh giá được, phù hợp với khung trình độ quốc gia, có tính liên thông, có tính khả thi.</p>
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	<p>Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương ⇒ Đáp ứng theo yêu cầu về Chuẩn đầu vào theo quy định tại Điều 6 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT</p>
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ giảng viên: 63 giảng viên cơ hữu (15 PGS, 27 TS, 21 ThS). Link: https://fce.hcmute.edu.vn/ArticleId/2eeeed5c-0e73-495e-89ef-6998e97d8578/doi-ngu-giang-vien - Cơ sở vật chất và trang thiết bị: Phòng học, thư viện dùng chung, phòng thí nghiệm, phòng thực tập, thực hành riêng biệt - Giáo trình, tài liệu học tập: Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo tại thư viện: https://thuvienso.hcmute.edu.vn/xay-dung-kien-truc/tat-ca-tai-lieu-xay-dung-kien-truc-837-0.html - Quan hệ doanh nghiệp và thực tiễn: Ký kết và hợp tác với nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước. Link: https://fce.hcmute.edu.vn/TopicId/3f561aee-c7a7-4cb1-9756-7956d74a7d91/quan-he-doanh-nghiep-quoc-te

Khoa là Khoa Đào Tạo Tiên Tiến (Faculty of Advanced Education)

Tên ngành/CTĐT	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí và Tự động hóa (Mechanical and Automation Engineering Technology)
Văn bằng được cấp	Kỹ sư (Engineer) - Hệ đào tạo chính quy, thời gian 4 năm
Yêu cầu về điều kiện mở ngành	Theo Quyết định số 1727/QĐ-ĐHSPKT ngày 06/9/2021 của Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học.
Yêu cầu về Chuẩn đầu ra	<ul style="list-style-type: none"> • Vận dụng được kiến thức cơ bản về toán học, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và kiến thức nền tảng về kỹ thuật cơ khí, điều khiển và tự động hóa để giải quyết các bài toán kỹ thuật (ELO1, ELO2). • Ứng dụng được các công nghệ hiện đại (CAD/CAM/CNC, PLC, Robot, IoT) trong thiết kế, vận hành và tối ưu hóa hệ thống sản xuất thông minh (ELO3, ELO4). • Giải quyết hiệu quả các vấn đề kỹ thuật; giao tiếp chuyên nghiệp bằng văn bản và thuyết trình kỹ thuật; sử dụng được tiếng Anh cơ bản trong môi trường nghề nghiệp (ELO5, ELO6). • Làm việc hiệu quả trong nhóm, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội của kỹ sư đối với cộng đồng và môi trường (ELO7, ELO8). • Phát triển năng lực học tập suốt đời, cập nhật xu hướng công nghệ mới và tham gia nghiên cứu khoa học, hội thảo chuyên môn để phát triển nghề nghiệp (ELO9).
Yêu cầu về Chuẩn đầu vào	Học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học đạt yêu cầu điểm chuẩn của ngành đào tạo.
Điều kiện thực hiện Chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> • Đội ngũ GV đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, đảm bảo số lượng đáp ứng nhu cầu đào tạo. • Đảm bảo cơ sở vật chất phù hợp với đặc thù ngành đào tạo: Xưởng thực hành cơ khí, xưởng hàn, phòng thí nghiệm CAD/CAM/CNC, phòng PLC, phòng Robot, phòng Tự động hóa thông minh, phòng Cảm biến và Mạng truyền thông, phòng Điều khiển quá trình. • CDR được thiết kế bao gồm các khối kiến thức, kỹ năng, thái độ theo 9 chuẩn đầu ra (ELO1–ELO9) tiếp cận năng lực theo thang đo 6 bậc (Basic đến Excellent). • CTĐT đảm bảo phân bổ hợp lý các khối kiến thức: Tổng 158 tín chỉ (Kiến thức đại cương: 49TC; Ngoại ngữ: 8TC; Kiến thức chuyên nghiệp: 101TC). • CTĐT được kiểm định theo chuẩn AUN hoặc MOET.

b) Thông tin văn bằng nhà trường công khai:

Thông báo v/v công bố mẫu văn bằng, chứng chỉ mang tên trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh đăng tại: <https://hcmute.edu.vn/ArticleId/bd067284-0d0e-4fbe-b036-04e6ef651fcd/thong-bao-v-v-cong-bo-mau-van-bang-chung-chi-mang-ten-truong-dai-hoc-cong-nghe-ky-thuat-thanh-pho-ho-chi-minh>

c) Các chương trình liên kết đào tạo quốc tế:

Trường liên kết	Thời gian liên kết	Ngành	Bằng cấp do trường liên kết cấp	Mô hình và lộ trình đào tạo	Văn bản phê duyệt
Đại học Sunderland (Anh Quốc)	2006	Quản trị kinh doanh Kỹ thuật Điện – Điện tử	Cử nhân ngành Quản trị Kinh Doanh (Bachelor of Arts (Honours) – Business Management) Cử nhân kỹ thuật ngành Kỹ thuật Điện – Điện tử (Bachelor of Engineering (Honours) – Electronic and Electrical Engineering)	Nhượng quyền thương hiệu Lộ trình: 3+1 hoặc 4+0	Quyết định số 3836/QĐ-ĐHSPKT ngày 14 tháng 10 năm 2025
Đại học Tongmyong (Hàn Quốc)	2018	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí Công nghệ thông tin	Cử nhân ngành Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử Cử nhân ngành Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí Cử nhân ngành Công nghệ thông tin	Công nhận tín chỉ Lộ trình: 2+2	Quyết định số 3226/QĐ-ĐHSPKT ngày 22 tháng 11 năm 2024
Đại học Northampton (Anh Quốc)	2019	Logistics và Tài chính thương mại	Cử nhân ngành Logistics và Tài chính thương mại (Bachelor of Arts (Honours) in International Logistics & Trade Finance)	Nhượng quyền thương hiệu Lộ trình: 3+1 hoặc 4+0	Quyết định số 3837/QĐ-ĐHSPKT 14 tháng 10 năm 2025
Đại học Kettering (Hoa Kỳ)	2020	Quản trị kinh doanh Kỹ thuật Điện - Điện tử Kỹ thuật Cơ khí Kỹ thuật máy tính Kỹ thuật chế tạo máy và Công nghiệp	Cử nhân ngành Quản trị Kinh doanh Kỹ sư ngành Kỹ thuật Điện - Điện tử Kỹ sư ngành Kỹ thuật Cơ khí Kỹ sư ngành Kỹ thuật máy tính Kỹ sư ngành Kỹ thuật chế tạo máy và Công nghiệp	Công nhận tín chỉ Lộ trình: 2+2	Quyết định số 5116/QĐ-ĐHSPKT ngày 26 tháng 12 năm 2025
Đại học Adelaide (Úc)	2021	Công nghệ thông tin Kỹ thuật Xây dựng	Cử nhân ngành Công nghệ thông tin (Bachelor of Information Technology)	Công nhận tín chỉ Lộ trình: 2+2	Quyết định số 1664/QĐ-ĐHSPKT ngày 17

Trường liên kết	Thời gian liên kết	Ngành	Bằng cấp do trường liên kết cấp	Mô hình và lộ trình đào tạo	Văn bản phê duyệt
			Cử nhân Kỹ thuật Xây dựng (Bachelor of Engineering (Civil) (Honours))		tháng 8 năm 2021
Đại học Griffith (Úc)	2024	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Bằng Cử nhân kỹ thuật chuyên ngành Kỹ thuật Cơ khí (Bachelor of Engineering (Honours) majoring Mechanical Engineering)	Công nhận tín chỉ Lộ trình: 2+2	Quyết định số 3225/QĐ-ĐHSPKT ngày 22 tháng 11 năm 2024

- Thông tin về đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

TT	Chỉ số đánh giá	Thời điểm báo cáo 30/6/2026	Thời điểm báo cáo 30/6/2025
1	Tỷ lệ người học quy đổi trên giảng viên (GV toàn thời gian)	36,08	43,45%
2	Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	87,46%	89,40%
3	Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	49,19%	45,38%

b) Thông kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian						
	714 – Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	16		8	8	2	
	721 – Nghệ thuật	13		10	3		
	722 – Nhân văn	38		33	5	1	
	731 – Khoa học xã hội và hành vi	40	1	16	23	3	
	732 – Báo chí và thông tin	4		3	1		
	734 – Kinh doanh và quản lý	59		31	28	5	
	738 – Pháp luật	10		4	6	2	
	748 – Máy tính và công nghệ thông tin	70	2	37	31	6	
	751 – Công nghệ kỹ thuật	260	6	130	124	38	4
	752 – Kỹ thuật	91		44	47	11	
	754 – Sản xuất và chế biến	54		20	34	10	
	758 – Kiến trúc và xây dựng	61	1	20	40	14	
	781 – Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	10		7	3		
	784 – Dịch vụ vận tải	7		3	4		
	785 – Môi trường và bảo vệ môi trường	9		1	8	3	
2	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động						
	714 – Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	16		8	8	2	
	721 – Nghệ thuật	12		10	2		
	722 – Nhân văn	37		32	5	1	
	731 – Khoa học xã hội và hành vi	38	1	16	21	3	
	732 – Báo chí và thông tin	4		3	1		
	734 – Kinh doanh và quản lý	50		29	21	4	
	738 – Pháp luật	8		4	4		
	748 – Máy tính và công nghệ thông tin	55		30	25	3	
	751 – Công nghệ kỹ thuật	206	6	102	98	28	1
	752 – Kỹ thuật	86		41	45	10	
	754 – Sản xuất và chế biến	50		19	31	9	
	758 – Kiến trúc và xây dựng	61	1	20	40	14	
	781 – Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	10		7	3		

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
	784 – Dịch vụ vận tải	7		3	4		
	785 – Môi trường và bảo vệ môi trường	9		1	8	3	

c) Danh sách giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động theo từng đơn vị chuyên môn

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
1.	Đào Vĩnh Ái			X	X		Kỹ thuật máy tính và điện tử	Kỹ thuật
2.	Nguyễn Thái An		X				Kỹ thuật Điện	Kỹ thuật
3.	Nguyễn Thủy An		X				Kỹ thuật máy tính	Máy tính và công nghệ thông tin
4.	Bùi Thu Anh		X				Kinh tế	Kinh doanh và quản lý
5.	Cao Thị Nhân Anh		X				Quản trị kinh doanh	Kinh doanh và quản lý
6.	Dương Thị Vân Anh		X				Công nghệ chế tạo máy	Công nghệ kỹ thuật
7.	Đặng Thị Vân Anh			X			Giảng dạy Tiếng Anh	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên
8.	Hoàng Anh		X				Tâm lý học	Khoa học xã hội và hành vi
9.	Lê Phương Anh		X				Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh	Nhân văn
10.	Nguyễn Hùng Anh		X				Giáo dục học	Công nghệ kỹ thuật
11.	Nguyễn Phan Anh			X			Địa chất, thăm dò và khai thác khoáng sản	Công nghệ kỹ thuật
12.	Nguyễn Tuấn Anh			X	X		năng lượng và vật liệu quang điện	Sản xuất và chế biến
13.	Nguyễn Thế Anh			X			Khoa học đại chất, nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường	Kiến trúc và xây dựng
14.	Nguyễn Thị An Anh		X				Thiết kế kiến trúc	Kiến trúc và xây dựng

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
15.	Nguyễn Thị Hoàng Anh		X				Kế toán	Kinh doanh và quản lý
16.	Nguyễn Thị Lan Anh		X				Tài chính - Ngân hàng	Kinh doanh và quản lý
17.	Phạm Quân Anh		X				Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật
18.	Phù Khắc Anh		X				Khoa học Máy tính	Máy tính và công nghệ thông tin
19.	Phùng Thế Anh			X			Lịch sử Việt Nam	Khoa học xã hội và hành vi
20.	Trần Tuấn Anh			X	X		Vật lý học	Kỹ thuật
21.	Trần Thị Kim Anh			X	X		Hóa môi trường	Môi trường và bảo vệ môi trường
22.	Trương Ngọc Anh		X				Tự động hóa	Kỹ thuật
23.	Trương Việt Anh			X	X		Hệ thống điện	Kỹ thuật
24.	Võ Thị Vân Anh		X				Toán học	Khoa học xã hội và hành vi
25.	Phạm Thị Kim Ánh		X				Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh	Nhân văn
26.	Đỗ Quốc Âm			X			Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật
27.	Trịnh Hoài Ân			X			Kỹ thuật ô tô	Công nghệ kỹ thuật
28.	Nguyễn Ngọc Âu			X			kỹ thuật điện	Kỹ thuật
29.	Nguyễn Thị Tịnh Âu			X			Sử dụng và bảo vệ tài nguyên môi trường	Môi trường và bảo vệ môi trường
30.	Đặng Xuân Ba			X	X		Kỹ thuật Cơ khí và Tự động hóa	Công nghệ kỹ thuật

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
31.	Bùi Xuân Bách			X			Cơ kỹ thuật	Kiến trúc và xây dựng
32.	Nguyễn Thị Thanh Bạch		X				Giáo dục học	Sản xuất và chế biến
33.	Lương Thế Bảo			X			Quản trị du lịch, khách sạn	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân
34.	Vũ Đình Bảo		X				Khoa học Máy tính	Máy tính và công nghệ thông tin
35.	Đỗ Huy Bình			X			Khoa học Vật liệu	Công nghệ kỹ thuật
36.	Đỗ Thị An Bình		X				Quy hoạch vùng	Kiến trúc và xây dựng
37.	Lê Phương Bình		X				Xây dựng công nghiệp và dân dụng	Kiến trúc và xây dựng
38.	Nguyễn Thanh Bình		X				Kỹ thuật Điện	Công nghệ kỹ thuật
39.	Nguyễn Thanh Bình		X				giáo dục thể chất	Công nghệ kỹ thuật
40.	Phan Công Bình			X	X		Cơ Khí	Công nghệ kỹ thuật
41.	Trần Trọng Bình		X				Khoa học máy tính	Máy tính và công nghệ thông tin
42.	Nguyễn Nhân Bồn			X			Kỹ thuật Điện	Kỹ thuật
43.	Phan Văn Ca			X	X		Kỹ thuật điện tử, viễn thông	Công nghệ kỹ thuật
44.	Willibeth Canonigo Candol			X			Quản trị Nhân sự	Kinh doanh và quản lý
45.	Trần Hải Cát			X			Toán - Lý	Kỹ thuật
46.	Trương Thành Công		X				Cơ khí chế tạo máy	Công nghệ kỹ thuật

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
47.	Đỗ Đình Cường		X				Mỹ thuật tạo hình	Nghệ thuật
48.	Lê Tấn Cường		X				Tự động hóa	Kỹ thuật
49.	Ngô Việt Cường		X				Quy hoạch	Kiến trúc và xây dựng
50.	Nguyễn Mạnh Cường			X			Kỹ thuật cơ khí động lực	Công nghệ kỹ thuật
51.	Võ Viết Cường			X	X		Kỹ thuật	Kỹ thuật
52.	Vũ Chí Cường			X			Trí tuệ nhân tạo	Công nghệ kỹ thuật
53.	Lê Thị Minh Châu		X				Khoa học máy tính	Máy tính và công nghệ thông tin
54.	Nguyễn Ngọc Châu			X			kỹ thuật	Sản xuất và chế biến
55.	Nguyễn Thị Ngọc Châu		X				Mỹ thuật tạo hình	Nghệ thuật
56.	Diệp Phương Chi			X			Khoa học giáo dục	Khoa học xã hội và hành vi
57.	Lê Mai Kim Chi		X				Giáo dục học	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân
58.	Trần Thị Khánh Chi		X				Công nghệ vật liệu và Linh kiện Nano	Kỹ thuật
59.	Huỳnh Quang Chiến		X				Cơ học máy	Kỹ thuật
60.	Nguyễn Văn Chiến		X				Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật
61.	Phan Thành Chiến			X			Kỹ thuật môi trường	Kiến trúc và xây dựng
62.	Nguyễn Hoàng Xuân Chiêu		X				Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	Nhân văn

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
63.	Đoàn Trọng Chính			X			Luật hình sự và tố tụng hình sự	Pháp luật
64.	Huỳnh Nguyên Chính			X			Hệ thống thông tin	Máy tính và công nghệ thông tin
65.	Lê Quang Chung		X				Lịch sử Đảng Cộng sản Việt nam	Khoa học xã hội và hành vi
66.	Trần Ngọc Chung		X				Triết học	Khoa học xã hội và hành vi
67.	Nguyễn Văn Chúng			X	X		Kỹ thuật xây dựng	Kiến trúc và xây dựng
68.	Lâm Quang Chuyên			X			Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Công nghệ kỹ thuật
69.	Hoàng Văn Chuyển			X	X		Khoa học thực phẩm	Sản xuất và chế biến
70.	Võ Lâm Chương			X			Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật
71.	Lê Công Danh		X				Giáo dục học	Báo chí và thông tin
72.	Nguyễn Thiện Dinh		X				Kỹ thuật cơ khí động lực	Công nghệ kỹ thuật
73.	Phạm Văn Doanh			X			Dinh dưỡng	Sản xuất và chế biến
74.	Đặng Thị Ngọc Dung		X				Công nghệ thực phẩm	Sản xuất và chế biến
75.	Huỳnh Hạnh Dung		X				Tiếng Anh	Nhân văn
76.	Phạm Khánh Dung			X			Công nghệ và Khoa học sinh học tích hợp	Sản xuất và chế biến
77.	Phan Phương Dung		X				Đại số và lý thuyết số	Khoa học xã hội và hành vi
78.	Phùng Thị Bích Dung		X				Công nghệ vật liệu dệt may	Sản xuất và chế biến

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
79.	Bành Đức Dũng			X			Toán học	Khoa học xã hội và hành vi
80.	Cái Việt Anh Dũng			X			Cơ học	Kỹ thuật
81.	Đỗ Văn Dũng			X	X		Cơ khí động lực	Công nghệ kỹ thuật
82.	Hoàng Văn Dũng			X	X		Kỹ thuật điện tử và Hệ thống thông tin	Máy tính và công nghệ thông tin
83.	Lê Thế Dũng			X			Kỹ thuật điện tử	Máy tính và công nghệ thông tin
84.	Ngô Việt Dũng			X			Xây dựng	Kiến trúc và xây dựng
85.	Nguyễn Tấn Dũng			X	X		Công nghệ Thực phẩm	Sản xuất và chế biến
86.	Nguyễn Thanh Dũng			X			Thông tin học	Máy tính và công nghệ thông tin
87.	Võ Đức Dũng		X				Kỹ thuật điện tử	Kỹ thuật
88.	Huỳnh Quang Duy			X			Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật
89.	Nguyễn Quang Duy		X				Công nghệ thực phẩm	Sản xuất và chế biến
90.	Nguyễn Trường Duy		X				Thiết bị mạng & Nhà máy điện	Kỹ thuật
91.	Nguyễn Đặng Mỹ Duyên		X				Công nghệ hóa học và thực phẩm	Sản xuất và chế biến
92.	Nguyễn Ngọc Dương			X	X		Cơ kỹ thuật	Kiến trúc và xây dựng
93.	Phạm Bạch Dương		X				Cơ điện tử	Kỹ thuật
94.	Phạm Thị Thùy Dương			X			Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	Kỹ thuật

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
95.	Văn Ánh Dương		X				Kỹ thuật Cơ khí Động lực	Công nghệ kỹ thuật
96.	Võ Đình Dương		X				Giáo dục học	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên
97.	Mai Đức Dãi			X			Kỹ thuật thông tin không gian vũ trụ	Công nghệ kỹ thuật
98.	Đỗ Văn Đại		X				Tính toán kỹ thuật và mô phỏng trên máy tính	Công nghệ kỹ thuật
99.	Trần Ngọc Đám			X	X		Khoa học môi trường và năng lượng	Công nghệ kỹ thuật
100.	Bùi Thị Tuyết Đan		X				Kỹ thuật điện tử	Máy tính và công nghệ thông tin
101.	Nguyễn Cung Đàn		X				Mỹ thuật ứng dụng	Nghệ thuật
102.	Vũ Thế Đăng			X			Vật lý vô tuyến và điện tử	Máy tính và công nghệ thông tin
103.	Nguyễn Thị Trúc Đào		X				Lý luận và Lịch sử mỹ thuật	Nghệ thuật
104.	Phan Thị Anh Đào			X	X		Hóa Học	Sản xuất và chế biến
105.	Nguyễn Minh Đạo		X				Công nghệ thông tin	Máy tính và công nghệ thông tin
106.	Lý Vĩnh Đạt			X	X		Kỹ thuật cơ điện	Công nghệ kỹ thuật
107.	Nguyễn Duy Đạt			X			Kỹ thuật môi trường	Môi trường và bảo vệ môi trường
108.	Nguyễn Phát Đạt			X			Kỹ thuật Hóa học	Sản xuất và chế biến
109.	Ngô Hải Đăng			X			Vật lý vật chất	Công nghệ kỹ thuật

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
110.	Nguyễn Hữu Minh Đăng		X				Giáo dục học	Kỹ thuật
111.	Nguyễn Cao Đăng		X				Đại số và lí thuyết số	Kỹ thuật
112.	Phạm Công Thiên Đình			X			Luật Kinh tế	Pháp luật
113.	Đình Công Đoan		X				Kỹ thuật vô tuyến, điện tử & th.tin liên lạc	Máy tính và công nghệ thông tin
114.	Nguyễn Văn Đoàn		X				Công nghệ chế tạo máy	Công nghệ kỹ thuật
115.	Trần Vi Đô			X			Robot Sinh học	Công nghệ kỹ thuật
116.	Nguyễn Tấn Đồi		X				Thiết bị mạng & Nhà máy điện	Công nghệ kỹ thuật
117.	Bùi Hà Đức			X			Cơ Khí	Kỹ thuật
118.	Nguyễn Minh Đức			X	X		Kỹ thuật xây dựng	Kiến trúc và xây dựng
119.	Nguyễn Tử Đức		X				Tự động hóa	Công nghệ kỹ thuật
120.	Phạm Minh Đức			X			Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật
121.	Tạ Nguyễn Minh Đức		X				Kỹ Thuật Điều Khiển và Tự Động Hóa	Kỹ thuật
122.	Lê Hiếu Giang			X	X		Kỹ thuật Vật liệu	Công nghệ kỹ thuật
123.	Nguyễn Long Giang			X			Kỹ thuật in	Kỹ thuật
124.	Nguyễn Tiên Giang			X			Kỹ thuật công nghiệp	Sản xuất và chế biến
125.	Nguyễn Thị Lại Giang		X				Quản lý kinh tế	Kỹ thuật
126.	Nguyễn Văn Long Giang			X			Kỹ thuật cơ khí động lực	Công nghệ kỹ thuật
127.	Tô Trần Lam Giang		X				Quản trị kinh doanh	Kinh doanh và quản lý

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
128.	Đinh Thị Thu Hà		X				Cơ học kỹ thuật	Công nghệ kỹ thuật
129.	Huỳnh Hoàng Hà		X				Kỹ thuật điện tử	Máy tính và công nghệ thông tin
130.	Lê Mỹ Hà			X	X		Kỹ thuật điện	Công nghệ kỹ thuật
131.	Lê Thị Thanh Hà		X				Tiếng Anh	Nhân văn
132.	Lê Thị Thu Hà		X				Khoa học Vật liệu	Công nghệ kỹ thuật
133.	Nguyễn Hà		X				Công nghệ chế biến lâm sản	Sản xuất và chế biến
134.	Nguyễn Lê Thảo Hà		X				Luật dân sự và tố tụng dân sự	Công nghệ kỹ thuật
135.	Phạm Thị Hà		X				Quản trị kinh doanh	Sản xuất và chế biến
136.	Trần Thanh Hà		X				Giáo dục học	Kỹ thuật
137.	Trần Thu Hà			X	X		Kỹ thuật điện và điện tử	Máy tính và công nghệ thông tin
138.	Trương Ngọc Hà		X				Kỹ thuật điện tử	Công nghệ kỹ thuật
139.	Hoàng Long Hải		X				Địa kỹ thuật xây dựng	Công nghệ kỹ thuật
140.	Huỳnh Thị Hải			X			Vật lý Nguyên tử và Hạt nhân	Kỹ thuật
141.	Lê Sơn Hải		X				Vật lý học	Kỹ thuật
142.	Lê Thị Thanh Hải		X				Toán Tin	Khoa học xã hội và hành vi
143.	Nguyễn Lê Đăng Hải			X			Cơ khí	Công nghệ kỹ thuật
144.	Nguyễn Minh Hải			X			Công nghệ Thực phẩm	Sản xuất và chế biến

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
145.	Nguyễn Thanh Hải			X	X		Điện tử	Kỹ thuật
146.	Nguyễn Văn Đông Hải			X			Kỹ thuật hệ thống	Công nghệ kỹ thuật
147.	Quách Thanh Hải			X			Kỹ thuật Điện	Công nghệ kỹ thuật
148.	Vũ Thị Kim Hanh		X				Kinh doanh thương mại	Kinh doanh và quản lý
149.	Lê Thị Duy Hạnh			X			khoa học và kỹ thuật vật liệu	Sản xuất và chế biến
150.	Nguyễn Thị Hạnh		X				Giáo dục học	Công nghệ kỹ thuật
151.	Trần Thị Hạnh		X				Toán ứng dụng	Khoa học xã hội và hành vi
152.	Võ Thị Xuân Hạnh		X				Quản trị kinh doanh	Dịch vụ vận tải
153.	Hoàng Minh Hào			X	X		Hóa hữu cơ	Sản xuất và chế biến
154.	Đinh Thị Thanh Hằng		X				Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên
155.	Nguyễn Thị Thúy Hằng			X			Cơ kỹ thuật	Kiến trúc và xây dựng
156.	Phạm Thị Hằng		X				Lý luận văn học	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên
157.	Phạm Thị Kim Hằng			X			Vật lý	Công nghệ kỹ thuật
158.	Tô Thị Hằng		X				Kinh tế	Dịch vụ vận tải
159.	Trần Thị Thúy Hằng			X			Giáo dục tiểu học	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên
160.	Võ Kim Hằng		X				Kỹ thuật Nhiệt	Công nghệ kỹ thuật
161.	Vương Thị Ngọc Hân		X				Cơ khí chế tạo máy	Kiến trúc và xây dựng

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
162.	Nguyễn Thành Hậu		X				Giáo dục học	Sản xuất và chế biến
163.	Nguyễn Văn Hậu			X			Cơ kỹ thuật	Kiến trúc và xây dựng
164.	Phạm Đức Hậu		X				Giáo dục thể chất	Kiến trúc và xây dựng
165.	Đặng Thị Diệu Hiền			X			Giáo dục học	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên
166.	Huỳnh Thị Thu Hiền		X				Tự động hóa	Công nghệ kỹ thuật
167.	Phan Thị Thanh Hiền		X				Quản trị kinh doanh	Kinh doanh và quản lý
168.	Trần Minh Hiền		X				Toán học	Công nghệ kỹ thuật
169.	Trương Văn Hiền		X				Kỹ thuật điện	Công nghệ kỹ thuật
170.	Bùi Ngọc Hiền		X				Quản lý đô thị và công trình	Kiến trúc và xây dựng
171.	Đậu Trọng Hiền		X				Kỹ thuật VTĐ, điện tử & thông tin liên lạc	Máy tính và công nghệ thông tin
172.	Phạm Văn Hiền			X			Toán học	Khoa học xã hội và hành vi
173.	Đỗ Văn Hiến			X			Cơ kỹ thuật	Công nghệ kỹ thuật
174.	Nguyễn Quang Hiến		X				Cơ khí chế tạo máy	Công nghệ kỹ thuật
175.	Tạ Đình Hiến			X			Vật lý điện tử	Kỹ thuật
176.	Nguyễn Văn Hiệp		X				Tự động hóa	Công nghệ kỹ thuật
177.	Chung Hữu Hiếu		X				Quản lý kinh tế	Kinh doanh và quản lý
178.	Lê Trọng Hiếu			X			Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật
179.	Nguyễn Khắc Hiếu			X	X		Kinh tế phát triển	Kinh doanh và quản lý

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
180.	Nguyễn Trọng Hiếu			X			Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật
181.	Nguyễn Trung Hiếu		X				Kỹ thuật xe hơi	Công nghệ kỹ thuật
182.	Nguyễn Trung Hiếu		X				Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh	Nhân văn
183.	Phạm Hiếu		X				Quản trị kinh doanh	Kinh doanh và quản lý
184.	Phù Thị Ngọc Hiếu		X				Tự động hóa	Máy tính và công nghệ thông tin
185.	Lê Hương Hoa			X	X		Ngôn ngữ Anh	Nhân văn
186.	Nguyễn Thị Yến Hoa		X				Lý luận và phương pháp dạy học	Nhân văn
187.	Trương Thị Hoa		X				Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh	Nhân văn
188.	Trương Thị Hòa			X			Nghiên cứu pháp luật & luật quốc tế	Kinh doanh và quản lý
189.	Vũ Công Hòa			X			Cơ kỹ thuật	Công nghệ kỹ thuật
190.	Đỗ Thị Hoài		X				Luật Kinh tế	Pháp luật
191.	Nguyễn Văn Hoan			X			Kiến trúc	Kiến trúc và xây dựng
192.	Nguyễn Hải Hoàn			X			Vật liệu gỗ	Sản xuất và chế biến
193.	Phạm Thị Hoàn			X			Công nghệ sinh học thực phẩm	Sản xuất và chế biến
194.	Phan Văn Hoàn		X				Kỹ thuật điện tử	Công nghệ kỹ thuật
195.	Dương Huy Hoàng	X					Cơ khí chế tạo máy	Công nghệ kỹ thuật
196.	Đình Văn Hoàng			X			Toán học	Công nghệ kỹ thuật
197.	Huỳnh Nguyễn Hoàng			X			Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
198.	Lê Tấn Hoàng			X			Tài nguyên thiên nhiên và Khoa học đời sống	Sản xuất và chế biến
199.	Lê Thị Thanh Hoàng		X				Kỹ thuật điện	Công nghệ kỹ thuật
200.	Phạm Huy Hoàng		X				Kiến trúc	Kiến trúc và xây dựng
201.	Quách Đình Hoàng		X				Khoa học máy tính	Máy tính và công nghệ thông tin
202.	Trần Vũ Hoàng			X			Kỹ thuật điện	Máy tính và công nghệ thông tin
203.	Phan Học			X			Hệ thống viễn thông	Công nghệ kỹ thuật
204.	Lục Quảng Hồ			X			khoa học và kỹ thuật vật liệu	Công nghệ kỹ thuật
205.	Bùi Văn Hồng			X	X		Giáo dục học	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên
206.	Hoàng Diệu Hồng		X				Quản trị kinh doanh	Kinh doanh và quản lý
207.	Nguyễn Thị Hồng			X			Quản trị kinh doanh	Kinh doanh và quản lý
208.	Nguyễn Thị Thu Hồng		X				Kế toán quản trị và tài chính	Kinh doanh và quản lý
209.	Võ Minh Huân			X	X		Điện - điện tử	Máy tính và công nghệ thông tin
210.	Vũ Đình Huấn		X				Kỹ thuật ô tô	Công nghệ kỹ thuật
211.	Hà Thị Huệ		X				công nghệ thực phẩm	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân
212.	Chu Thị Huệ			X			Tổ chức và quản lý vận tải	Dịch vụ vận tải

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
213.	Châu Thanh Hùng			X			Quản lý đô thị và công trình	Kiến trúc và xây dựng
214.	Đoàn Minh Hùng			X			Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật
215.	Đỗ Ngọc Hùng		X				Quản trị kinh doanh	Kinh doanh và quản lý
216.	Lưu Việt Hùng			X			Khoa học địa chất & trái đất	Kỹ thuật
217.	Nguyễn Huy Hùng			X			Cơ kỹ thuật	Kỹ thuật
218.	Nguyễn Mạnh Hùng			X	X		Kỹ thuật điện - điện tử	Công nghệ kỹ thuật
219.	Nguyễn Ngọc Hùng		X				Vật lý bán dẫn	Công nghệ kỹ thuật
220.	Nguyễn Sỹ Hùng			X			Khoa học vũ trụ	Kiến trúc và xây dựng
221.	Phạm Tấn Hùng			X	X		Cơ học vật rắn	Kiến trúc và xây dựng
222.	Phan Đức Hùng			X	X		Kỹ thuật xây dựng và môi trường	Kiến trúc và xây dựng
223.	Trần Mạnh Hùng			X			Giáo dục học	Công nghệ kỹ thuật
224.	Đình Nhật Huy		X				Tự động hóa các quá trình công nghệ và sản xuất	Kỹ thuật
225.	Nguyễn Phan Anh Huy			X			Quản trị kinh doanh	Kinh doanh và quản lý
226.	Nguyễn Quang Huy		X				Toán giải tích	Khoa học xã hội và hành vi
227.	Vũ Quang Huy			X			Tự động hoá và Điều khiển	Công nghệ kỹ thuật
228.	Phan Đức Huynh			X	X		Cơ học	Kiến trúc và xây dựng
229.	Lê Phan Hưng		X				Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
230.	Nguyễn Thanh Hưng			X	X		Kỹ thuật xây dựng	Công nghệ kỹ thuật
231.	Phạm Thị Hưng		X				Giáo dục học	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân
232.	Lê Thị Mai Hương			X	X		Kinh tế học	Kinh doanh và quản lý
233.	Nguyễn Thị Thanh Hương			X			Kỹ thuật năng lượng	Kỹ thuật
234.	Võ Thị Mỹ Hương		X				Luật học	Pháp luật
235.	Hoàng Văn Hương		X				Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật
236.	Đào Duy Kiên			X	X		Kết cấu xây dựng	Kiến trúc và xây dựng
237.	Lê Chí Kiên			X	X		Chương trình năng lượng và khoa học môi trường	Công nghệ kỹ thuật
238.	Lê Trung Kiên			X			Kỹ thuật	Kiến trúc và xây dựng
239.	Lê Quốc Kiệt		X				Quản trị kinh doanh	Nhân văn
240.	Trần Minh Kiệt		X				Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Công nghệ kỹ thuật
241.	Trần Tuấn Kiệt			X	X		Kỹ thuật môi trường xây dựng	Kiến trúc và xây dựng
242.	Trần Thị Thanh Kiều		X				Giảng dạy Tiếng Anh	Nhân văn
243.	Nguyễn Minh Kỳ			X			Cơ học phá hủy	Công nghệ kỹ thuật
244.	Nguyễn Minh Khai			X			Kỹ thuật điện	Công nghệ kỹ thuật
245.	Trần Quang Khải		X				Khoa học Máy tính	Máy tính và công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
246.	Phạm Văn Khanh		X				Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh	Nhân văn
247.	Hà Duy Khánh			X	X		Xây dựng	Kiến trúc và xây dựng
248.	Nguyễn Minh Khánh		X				Tâm lý giáo dục	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên
249.	Nguyễn Thị Vân Khánh		X				Kỹ thuật Hóa học	Sản xuất và chế biến
250.	Phạm Quốc Khánh		X				Kỹ thuật cơ điện tử	Kỹ thuật
251.	Đặng Quang Khoa			X			Kỹ thuật chính xác	Công nghệ kỹ thuật
252.	Hoàng Thái Xuân Khoa		X				Khoa học Máy tính	Máy tính và công nghệ thông tin
253.	Nguyễn Văn Khoa		X				Cơ học	Kiến trúc và xây dựng
254.	Phạm Đoàn Anh Khoa		X				Du lịch	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân
255.	Phạm Văn Khoa			X			Kỹ thuật điện tử	Công nghệ kỹ thuật
256.	Trần Ngọc Văn Khoa		X				Kiến trúc	Kiến trúc và xây dựng
257.	Đặng Đình Khôi			X			Công nghệ hóa học	Sản xuất và chế biến
258.	Mai Tuấn Khôi		X				Công nghệ thông tin	Máy tính và công nghệ thông tin
259.	Hồ Ngọc Khương			X			Kinh tế chính trị	Khoa học xã hội và hành vi
260.	Nguyễn Như Khương		X				Tâm lý giáo dục	Khoa học xã hội và hành vi

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
261.	Lê Thị Hồng Lam		X				Kỹ thuật điện	Công nghệ kỹ thuật
262.	Trần Thanh Lam			X			Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật
263.	Trần Thị Ngọc Lam			X			Kỹ thuật dân dụng, môi trường và cơ khí	Công nghệ kỹ thuật
264.	Trần Hương Lan			X			Cơ học chất lỏng	Khoa học xã hội và hành vi
265.	Trần Đại Lãnh		X				Quản lý xây dựng	Kiến trúc và xây dựng
266.	Lê Hoàng Lâm		X				Thiết bị mạng & Nhà máy điện	Công nghệ kỹ thuật
267.	Lê Thanh Lâm			X			Kỹ thuật Điện	Kỹ thuật
268.	Nguyễn Ngô Lâm		X				Kỹ thuật vô tuyến điện tử	Công nghệ kỹ thuật
269.	Dương Nguyễn Hắc Lâm		X				Cơ khí động lực	Công nghệ kỹ thuật
270.	Nguyễn Hoài Lê			X			Khoa học Máy tính	Máy tính và công nghệ thông tin
271.	Đỗ Thị Ngọc Lệ		X				Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Khoa học xã hội và hành vi
272.	Nguyễn Thị Mỹ Lệ		X				Vật lý nguyên tử hạt nhân và năng lượng cao	Kỹ thuật
273.	Nguyễn Duy Liêm			X	X		Xây dựng	Kiến trúc và xây dựng
274.	Nguyễn Thị Bích Liễu			X			Cơ kỹ thuật	Kiến trúc và xây dựng
275.	Đoàn Tất Linh		X				Kỹ thuật khuôn đúc chính xác	Sản xuất và chế biến
276.	Đỗ Thị Mỹ Linh		X				Thiết kế thời trang	Nghệ thuật

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
277.	Đỗ Thùy Khánh Linh		X				công nghệ thực phẩm	Sản xuất và chế biến
278.	Đông Sĩ Linh	X					Cơ điện tử	Công nghệ kỹ thuật
279.	Lê Linh			X			Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật
280.	Nguyễn Huỳnh Ngọc Linh		X				Giáo dục học	Công nghệ kỹ thuật
281.	Nguyễn Mỹ Linh			X	X		Kỹ thuật môi trường	Môi trường và bảo vệ môi trường
282.	Nguyễn Vũ Việt Linh			X			khoa học và kỹ thuật vật liệu	Công nghệ kỹ thuật
283.	Thái Hoàng Linh		X				Kỹ Thuật Điều Khiển và Tự Động Hóa	Công nghệ kỹ thuật
284.	Trần Hoàng Linh		X				Tiếng Anh	Nhân văn
285.	Trịnh Thị Mai Linh			X			Lịch sử Việt Nam	Khoa học xã hội và hành vi
286.	Trương Diệu Linh		X				Kinh tế và Tài chính	Kinh doanh và quản lý
287.	Vũ Trần Khánh Linh			X			Sinh học	Sản xuất và chế biến
288.	Âu Thị Kim Loan			X			Mô phỏng sinh học và Hệ thống vi mô thông minh	Công nghệ kỹ thuật
289.	Bùi Lê Trà Loan		X				Quản trị kinh doanh	Kinh doanh và quản lý
290.	Đặng Thị Loan		X				Tiếng Anh	Nhân văn
291.	Lê Thị Thanh Loan		X				Mỹ thuật tạo hình	Kiến trúc và xây dựng
292.	Chế Quốc Long		X				Giáo dục học	Kỹ thuật
293.	Đỗ Hoàng Long		X				Giáo dục thể chất	Công nghệ kỹ thuật

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
294.	Lý Hồng Long		X				Lý luận và phương pháp dạy học	Nhân văn
295.	Nguyễn Bạch Long		X				Kỹ thuật IT	Kỹ thuật
296.	Nguyễn Nhật Phi Long			X			Cơ kỹ thuật	Kỹ thuật
297.	Nguyễn Thị Châu Long		X				Kinh tế tài chính nhà nước	Kinh doanh và quản lý
298.	Tống Việt Long		X				Giáo dục thể chất	Công nghệ kỹ thuật
299.	Trần Đình Thanh Long		X				Nghiên cứu và đổi mới giáo dục đại học	Nhân văn
300.	Nguyễn Văn Thành Lộc		X				Kỹ thuật viễn thông	Công nghệ kỹ thuật
301.	Trần Đức Lợi		X				Điều khiển học kỹ thuật	Công nghệ kỹ thuật
302.	Huỳnh Trọng Luân			X			Quản lý giáo dục	Nhân văn
303.	Nguyễn Thành Luân		X				Kỹ thuật Nhiệt	Công nghệ kỹ thuật
304.	Phan Nguyễn Phong Luân		X				Việt Nam học	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân
305.	Nguyễn Thị Luyện		X				Công nghệ dệt may	Nghệ thuật
306.	Bùi Xuân Lược		X				Kỹ thuật Điện	Công nghệ kỹ thuật
307.	Nguyễn Văn Lương	X					Giáo dục quốc phòng - An ninh	Kiến trúc và xây dựng
308.	Nguyễn Thị Lương			X			Vật lý học	Máy tính và công nghệ thông tin
309.	Nguyễn Phong Lưu		X				Tự động hóa	Công nghệ kỹ thuật

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
310.	Trần Thị Phương Ly		X				Lý luận và phương pháp dạy học	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên
311.	Hoàng Nguyên Lý		X				Toán - Lý	Khoa học xã hội và hành vi
312.	Nguyễn Quỳnh Mai			X			Công nghệ môi trường	Môi trường và bảo vệ môi trường
313.	Nguyễn Thị Bích Mai		X				Thiết bị mạng & Nhà máy điện	Công nghệ kỹ thuật
314.	Nguyễn Văn Mang	X					Điện - điện tử	Công nghệ kỹ thuật
315.	Đặng Nhật Minh			X			Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật
316.	Lê Hoàng Minh			X			Vật lý vô tuyến và điện tử	Máy tính và công nghệ thông tin
317.	Lê Minh		X				Kỹ thuật điện - điện tử	Công nghệ kỹ thuật
318.	Nguyễn Văn Minh		X				Cơ khí máy	Kỹ thuật
319.	Nguyễn Văn Minh		X				Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật
320.	Nguyễn Văn Minh			X			Quản lý Xây dựng	Kiến trúc và xây dựng
321.	Phạm Sơn Minh			X	X		Cơ khí	Kỹ thuật
322.	Phan Vũ Bình Minh		X				TESOL (Giảng Dạy Tiếng Anh cho người nước ngoài)	Nhân văn
323.	Trương Ánh Minh		X				Kinh tế ứng dụng	Kinh doanh và quản lý
324.	Lâm Ngọc Trà My			X			Kỹ thuật xây dựng	Kiến trúc và xây dựng
325.	Sử Thị Ái Mỹ		X				Tiếng Anh	Nhân văn

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
326.	Lại Hoài Nam		X				Kỹ thuật	Công nghệ kỹ thuật
327.	Nguyễn Hoài Nam		X				Cơ khí chế tạo máy	Công nghệ kỹ thuật
328.	Trần Phương Nam		X				Quản lý kỹ thuật	Công nghệ kỹ thuật
329.	Trần Văn Nam			X			Toán học và các ứng dụng	Khoa học xã hội và hành vi
330.	Vòng Thành Nam			X			Kinh tế phát triển	Dịch vụ vận tải
331.	Lê Thị Mỹ Nhung			X			Kế toán	Kinh doanh và quản lý
332.	Nguyễn Thị Tuyết Nga			X			Luật Kinh tế	Pháp luật
333.	Nguyễn Thị Thanh Nga		X				Mỹ thuật ứng dụng	Kiến trúc và xây dựng
334.	Phạm Thị Hồng Nga			X	X		Kỹ thuật gia công vật liệu	Kỹ thuật
335.	Trương Thị Bích Nga		X				Điện tử viễn thông	Máy tính và công nghệ thông tin
336.	Võ Thị Ngà			X	X		Hoá học	Sản xuất và chế biến
337.	Nguyễn Huỳnh Kim Ngân			X			Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Kỹ thuật
338.	Phạm Võ Hồng Nghi		X				Kỹ thuật Điện	Kỹ thuật
339.	Hoàng Trọng Nghĩa	X					Cơ khí chế tạo máy	Công nghệ kỹ thuật
340.	Huỳnh Tôn Nghĩa		X				Giáo dục học	Máy tính và công nghệ thông tin
341.	Lê Trọng Nghĩa			X	X		kỹ thuật điện	Kỹ thuật
342.	Nguyễn Hữu Nghĩa			X			Tài chính	Kinh doanh và quản lý

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
343.	Nguyễn Thanh Nghĩa			X			Kỹ thuật điện tử	Kỹ thuật
344.	Nguyễn Quốc Nghiêm		X				Kỹ thuật Cơ khí Động lực	Công nghệ kỹ thuật
345.	Đặng Bá Ngoạn		X				Giáo dục học	Nhân văn
346.	Đình Tấn Ngọc		X				Kỹ thuật cơ khí động lực	Công nghệ kỹ thuật
347.	Nguyễn Hồ Phương Ngọc		X				Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh và quản lý
348.	Nguyễn Phan Như Ngọc		X				Quản trị kinh doanh	Kinh doanh và quản lý
349.	Nguyễn Quang Ngọc		X				Công nghệ thông tin	Máy tính và công nghệ thông tin
350.	Nguyễn Tấn Ngọc			X			Kỹ thuật Robot thông minh	Công nghệ kỹ thuật
351.	Phùng Quang Ngọc			X			Kỹ thuật Máy tính	Máy tính và công nghệ thông tin
352.	Đặng Thiện Ngôn			X	X		Cơ khí chế tạo máy	Công nghệ kỹ thuật
353.	Nguyễn Thị Hạ Nguyên		X				Lý luận và lịch sử mỹ thuật	Nghệ thuật
354.	Phạm Khôi Nguyên		X				Quản lý Chuỗi cung ứng	Dịch vụ vận tải
355.	Nguyễn Trần Minh Nguyệt		X				Tự động hóa	Công nghệ kỹ thuật
356.	Lê Công Nhân			X	X		Toán giải tích	Khoa học xã hội và hành vi
357.	Phan Thanh Nhân			X			Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật
358.	Nguyễn Linh Nhâm			X			Dược liệu và dược cổ truyền dân tộc	Sản xuất và chế biến

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
359.	Lê Linh Nhân		X				Luật hiến pháp và luật hành chính	Pháp luật
360.	Nguyễn Thị Thanh Nhân		X				Quản trị ngành khách sạn và du lịch	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân
361.	Chê Thị Kiều Nhi		X				Giáo dục học	Kỹ thuật
362.	Lý Tấn Nhiệm			X			Kỹ thuật hóa học - Vật liệu nano và ứng dụng	Sản xuất và chế biến
363.	Trương Đình Nhon			X	X		Kỹ thuật điện	Công nghệ kỹ thuật
364.	Hoàng Thị Tuyết Nhung			X	X		Kỹ thuật môi trường	Môi trường và bảo vệ môi trường
365.	Lê Thị Hồng Nhung		X				Thiết bị mạng & Nhà máy điện	Công nghệ kỹ thuật
366.	Nguyễn Hồng Nhung		X				Lý thuyết xác suất & thống kê toán học	Khoa học xã hội và hành vi
367.	Trần Thị Nhung			X			khoa học và kỹ thuật vật liệu	Sản xuất và chế biến
368.	Trần Thị Quỳnh Như		X				Kỹ thuật điện tử	Công nghệ kỹ thuật
369.	Võ Thị Thu Như			X			Kỹ thuật hóa học	Sản xuất và chế biến
370.	Hàng Long Nhựt		X				Giáo dục học	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên
371.	Lê Minh Nhựt			X	X		Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật
372.	Dương Thị Kim Oanh			X	X		Tâm lý học	Khoa học xã hội và hành vi
373.	Tạ Vũ Thục Oanh		X				Công nghệ dệt may	Sản xuất và chế biến

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
374.	Phạm Xuân Phát		X				Trình sát an ninh	Công nghệ kỹ thuật
375.	Thái Huy Phát		X				Kỹ thuật cơ khí động lực	Công nghệ kỹ thuật
376.	Dương Thế Phong		X				Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật
377.	Đào Thanh Phong			X	X		Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật
378.	Lê Thanh Phong		X				Cơ khí chế tạo máy	Kiến trúc và xây dựng
379.	Nguyễn Thế Trường Phong			X			Kỹ thuật xây dựng	Kiến trúc và xây dựng
380.	Vũ Văn Phong			X	X		Kỹ thuật Điện	Công nghệ kỹ thuật
381.	Nguyễn Đình Phú		X				Vật lý vô tuyến và điện tử	Công nghệ kỹ thuật
382.	Nguyễn Trần Phú			X			Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật
383.	Lê Hữu Phúc		X				Luật Kinh tế	Pháp luật
384.	Lê Thanh Phúc			X			Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật
385.	Nguyễn Thiên Phúc			X			Kỹ thuật Môi trường	Môi trường và bảo vệ môi trường
386.	Nguyễn Văn Phúc		X				Điện - điện tử	Công nghệ kỹ thuật
387.	Trương Quang Phúc			X			Kỹ thuật điện tử	Máy tính và công nghệ thông tin
388.	Võ Quang Phúc		X				Khoa học Máy tính	Máy tính và công nghệ thông tin
389.	Đặng Minh Phụng			X			Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật
390.	Huỳnh Xuân Phụng			X			Kỹ thuật máy tính	Máy tính và công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
391.	Thái Văn Phước			X			Chương trình năng lượng và khoa học môi trường	Công nghệ kỹ thuật
392.	Hồ Phương			X			Kỹ thuật hóa học	Sản xuất và chế biến
393.	Mai Võ Trúc Phương		X				Tiếng Anh	Nhân văn
394.	Nguyễn Thành Phương			X			Quang học	Kỹ thuật
395.	Nguyễn Thị Bích Phương		X				Lý luận và phương pháp dạy học	Nhân văn
396.	Nguyễn Thị Khánh Phương		X				Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh	Nhân văn
397.	Nguyễn Thúy Phương			X			Khoa học quản lý (Marketing)	Kinh doanh và quản lý
398.	Tạ Văn Phương			X			Kỹ Thuật Điều Khiển và Tự Động Hóa	Công nghệ kỹ thuật
399.	Trần Thị Phương		X				Triết học	Khoa học xã hội và hành vi
400.	Trần Thụy Ái Phương		X				Tài chính - Ngân hàng	Kinh doanh và quản lý
401.	Trần Thụy Uyên Phương		X				Tự động hóa	Kỹ thuật
402.	Đào Văn Phương			X			Điện tử viễn thông	Máy tính và công nghệ thông tin
403.	Nguyễn Thị Phương			X			Lịch sử Việt Nam	Khoa học xã hội và hành vi
404.	Trương Thị Ngọc Phương		X				Công nghệ thông tin	Máy tính và công nghệ thông tin
405.	Hoàng Đức Quang			X			Vật lý Nguyên tử và Hạt nhân	Kỹ thuật

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
406.	Lê Thanh Quang		X				Kỹ thuật Cơ khí Động lực	Công nghệ kỹ thuật
407.	Mã Thúy Quang		X				Vật lý nguyên tử và hạt nhân	Kỹ thuật
408.	Nguyễn Đăng Quang		X				Điện tử (Vô tuyến điện)	Máy tính và công nghệ thông tin
409.	Nguyễn Phương Quang		X				Thiết bị , mạng và nhà máy điện	Công nghệ kỹ thuật
410.	Nguyễn Xuân Quang			X			Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật
411.	Bùi Mạnh Quân			X			Khoa học Máy tính	Máy tính và công nghệ thông tin
412.	Hà Nguyễn Minh Quân		X				Quản trị nhân lực	Kinh doanh và quản lý
413.	Hoàng An Quốc			X	X		Kỹ thuật	Công nghệ kỹ thuật
414.	Trần Hữu Quy		X				Kỹ thuật Cơ khí Động lực	Công nghệ kỹ thuật
415.	Nguyễn Văn Quý			X			Công nghệ hóa học	Sản xuất và chế biến
416.	Trần Đình Quý		X				Cơ khí ô tô	Công nghệ kỹ thuật
417.	Nguyễn Trà Kim Quyên		X				Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật
418.	Nguyễn Thị Quyết			X	X		Triết học	Khoa học xã hội và hành vi
419.	Nguyễn Thị Mi Sa			X			Điện kỹ thuật	Kỹ thuật
420.	Gustavo Adolfo Miranda Salgado		X					Kinh doanh và quản lý
421.	Nguyễn Thanh Sang			X			Kỹ thuật Hóa học	Sản xuất và chế biến

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
422.	Đặng Hùng Sơn			X			Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật
423.	Đỗ Xuân Sơn			X			Địa lý và quy hoạch	Kiến trúc và xây dựng
424.	Huỳnh Phước Sơn			X			Kỹ thuật cơ khí động lực	Công nghệ kỹ thuật
425.	Nguyễn Lê Hồng Sơn		X				Công nghệ nhiệt	Công nghệ kỹ thuật
426.	Nguyễn Phước Sơn			X			Kỹ thuật	Sản xuất và chế biến
427.	Nguyễn Thành Sơn			X			Khoa học máy tính	Máy tính và công nghệ thông tin
428.	Nguyễn Văn Sơn		X				Cơ khí chế tạo máy	Công nghệ kỹ thuật
429.	Phạm Ngọc Sơn			X	X		Điện tử viễn thông	Công nghệ kỹ thuật
430.	Phạm Ngọc Sơn			X			kỹ thuật điện	Kỹ thuật
431.	Trần Mạnh Sơn			X			Kỹ thuật hệ thống	Công nghệ kỹ thuật
432.	Trần Thái Sơn		X				Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật
433.	Trịnh Khánh Sơn			X	X		Công nghệ Thực phẩm	Sản xuất và chế biến
434.	Trương Ngọc Sơn			X	X		Kỹ thuật điện tử	Công nghệ kỹ thuật
435.	Hoàng Trọng Mai Sương		X				Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh	Nhân văn
436.	Trần Văn Sỹ		X				Thiết bị mạng & Nhà máy điện	Công nghệ kỹ thuật
437.	Lê Minh Tài			X	X		Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật
438.	Nguyễn Huỳnh Tấn Tài			X			Cơ học kết cấu tàu	Kiến trúc và xây dựng
439.	Trần Thanh Tài			X			Kỹ thuật kết cấu	Kiến trúc và xây dựng

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
440.	Lê Minh Tâm			X	X		Kỹ thuật hệ thống	Sản xuất và chế biến
441.	Ngô Hữu Tâm	X					Toán học	Khoa học xã hội và hành vi
442.	Nguyễn Minh Tâm			X	X		Kỹ thuật điện	Công nghệ kỹ thuật
443.	Phan Nguyễn Quý Tâm			X			Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật
444.	Võ Minh Tâm	X					Cơ khí chế tạo máy	Công nghệ kỹ thuật
445.	Đỗ Duy Tân			X	X		Kỹ thuật viễn thông	Công nghệ kỹ thuật
446.	Lê Bá Tân		X				Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật
447.	Lê Minh Tân		X				Khoa học máy tính	Máy tính và công nghệ thông tin
448.	Nguyễn Thanh Tân		X				Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật
449.	Tống Thị Tân			X			Lịch sử Việt Nam	Báo chí và thông tin
450.	Võ Đình Tấn		X				Quản lý đô thị và công trình	Kiến trúc và xây dựng
451.	Nguyễn Vũ Thủy Tiên			X			Giảng dạy Tiếng Anh	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên
452.	Nguyễn Vinh Tiến			X	X		Công nghệ hóa học	Sản xuất và chế biến
453.	Võ Xuân Tiến			X			Giáo dục	Kỹ thuật
454.	Nguyễn Văn Tiếp			X	X		Quản lý Xây dựng	Kiến trúc và xây dựng
455.	Đặng Tấn Tín			X			Giáo dục học	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên
456.	Nguyễn Khắc Tín			X			Toán học	Khoa học xã hội và hành vi

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
457.	Trần Thanh Tình			X			Cơ học chất lỏng, chất khí và plasma	Công nghệ kỹ thuật
458.	Trần Kim Toại			X			Khoa học Máy tính	Kinh doanh và quản lý
459.	Huỳnh Đỗ Song Toàn		X				Công nghệ chế tạo máy	Công nghệ kỹ thuật
460.	Nguyễn Tổng		X				Địa kỹ thuật xây dựng	Kiến trúc và xây dựng
461.	Dương Thị Cẩm Tú			X			Kỹ thuật Điện	Máy tính và công nghệ thông tin
462.	Huỳnh Thị Cẩm Tú		X				Kinh tế chính trị	Kinh doanh và quản lý
463.	Nguyễn Thanh Tú			X			Kỹ thuật xây dựng	Kiến trúc và xây dựng
464.	Nguyễn Văn Tú		X				Chế biến lâm sản	Sản xuất và chế biến
465.	Trần Công Tú		X				Tin học	Máy tính và công nghệ thông tin
466.	Trần Thị Cẩm Tú		X				Quản trị kinh doanh	Sản xuất và chế biến
467.	Phạm Huy Tuấn			X	X		kỹ thuật chính xác	Công nghệ kỹ thuật
468.	Phạm Thanh Tuấn			X			Kỹ thuật thông tin và truyền thông	Công nghệ kỹ thuật
469.	Đặng Thị Minh Tuấn			X			Triết học	Khoa học xã hội và hành vi
470.	Đình Hoàng Anh Tuấn			X			Quản trị kinh doanh	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân
471.	Huỳnh Nguyễn Anh Tuấn			X			Vật liệu hữu cơ	Sản xuất và chế biến
472.	Nguyễn Hoàng Tuấn		X				Kỹ thuật nhiệt	Công nghệ kỹ thuật

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
473.	Nguyễn Thanh Tuấn			X			Công nghệ Thông tin	Máy tính và công nghệ thông tin
474.	Nguyễn Văn Tuấn			X	X		Lý luận phương pháp dạy kỹ thuật - nghề nghiệp	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên
475.	Trần Anh Tuấn			X			Cơ sở toán học cho tin học	Máy tính và công nghệ thông tin
476.	Võ Long Tuấn		X				Toán học	Máy tính và công nghệ thông tin
477.	Dương Tuấn Tùng			X			Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật
478.	Lê Thanh Tùng		X				Tự động hóa	Kỹ thuật
479.	Phạm Thanh Tùng		X				Phát triển sản phẩm Nông - Công nghiệp	Sản xuất và chế biến
480.	Nguyễn Thành Tuyên		X				Kỹ thuật cơ khí động lực	Công nghệ kỹ thuật
481.	Trần Văn Tuyên		X				Giáo dục thể chất	Công nghệ kỹ thuật
482.	Trần Tuyên			X			Khoa học giáo dục	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên
483.	Nguyễn Thị Ánh Tuyết			X			Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	Kỹ thuật
484.	Nguyễn Thị Như Tuyết		X				Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân
485.	Nguyễn Ngọc Tứ			X			Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	Khoa học xã hội và hành vi

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
486.	Trần Vũ Tự			X	X		Năng lượng và Khoa học môi trường	Kiến trúc và xây dựng
487.	Bùi Phạm Đức Tường			X			Cơ kỹ thuật	Kiến trúc và xây dựng
488.	Nguyễn Lê Tường		X				Cơ điện tử	Kỹ thuật
489.	Nguyễn Danh Hà Thái			X			Quản trị kinh doanh	Kinh doanh và quản lý
490.	Nguyễn Văn Thái			X			Kỹ thuật điện	Công nghệ kỹ thuật
491.	Phạm Hữu Thái		X				Kỹ thuật điện	Công nghệ kỹ thuật
492.	Lê Thị Tuyết Thanh			X			Kinh tế phát triển	Kinh doanh và quản lý
493.	Lê Thị Thanh			X			Toán - Lý	Khoa học xã hội và hành vi
494.	Lê Thị Thanh		X				Quy hoạch đô thị	Kiến trúc và xây dựng
495.	Ngô Quang Thanh Thanh		X				Điều khiển hệ thống điện khí và Kỹ thuật thông tin	Công nghệ kỹ thuật
496.	Nguyễn Chí Thanh			X			Công nghệ vật liệu	Công nghệ kỹ thuật
497.	Nguyễn Lê Vân Thanh		X				Vật lý điện tử	Kỹ thuật
498.	Nguyễn Phan Thanh			X			kỹ thuật điện	Công nghệ kỹ thuật
499.	Phùng Sơn Thanh		X				Kỹ thuật điện tử	Công nghệ kỹ thuật
500.	Trần Vĩnh Thanh			X			Kỹ thuật điện tử	Công nghệ kỹ thuật
501.	Trịnh Quốc Thanh		X				Kỹ thuật Điện tử	Máy tính và công nghệ thông tin
502.	Trình Thị Giang Thanh		X				Ngôn ngữ học ứng dụng	Nhân văn

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
503.	Cù Duy Thành			X			Vật liệu quang học, quang điện tử và quang tử	Công nghệ kỹ thuật
504.	Châu Đình Thành			X	X		Xây dựng	Kiến trúc và xây dựng
505.	Hà Lê Như Ngọc Thành			X			Kỹ thuật Hàng không vũ trụ	Kỹ thuật
506.	Hồ Xuân Thành		X				Cơ khí chế tạo máy	Công nghệ kỹ thuật
507.	Lê Minh Thành		X				Điện tử (Vô tuyến điện)	Công nghệ kỹ thuật
508.	Mai Văn Thành		X				Tổ chức và Quản lý Vận tải	Kinh doanh và quản lý
509.	Ngô Quang Thành		X				Kỹ thuật Cơ khí Động lực	Công nghệ kỹ thuật
510.	Nguyễn Đức Thành			X	X		Khoa học giáo dục	Kinh doanh và quản lý
511.	Phạm Khoa Thành		X				Quản lý	Kỹ thuật
512.	Phan Kim Thành		X				Tự động hoá và Điều khiển	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên
513.	Trịnh Ngọc Thành			X			ngôn ngữ tiếng anh	Nhân văn
514.	Hoàng Thị Minh Thảo		X				Lý thuyết xác suất & thống kê toán học	Khoa học xã hội và hành vi
515.	Hứa Trần Phương Thảo		X				Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Nhân văn
516.	Lê Nguyễn Nguyên Thảo		X				Lý luận văn học	Báo chí và thông tin
517.	Nguyễn Duy Thảo		X				Kỹ thuật điện tử	Kỹ thuật
518.	Nguyễn Ngọc Thảo		X				Ngôn ngữ học ứng dụng	Nhân văn

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
519.	Nguyễn Thị Ngọc Thảo		X				Tự động hóa	Công nghệ kỹ thuật
520.	Nguyễn Thị Thu Thảo			X			Quản lý tài nguyên và môi trường	Môi trường và bảo vệ môi trường
521.	Lê Anh Thắng			X	X		Xây dựng dân dụng và Kỹ thuật môi trường	Kiến trúc và xây dựng
522.	Nguyễn Nam Thắng	X					Điện khí hóa và cung cấp điện	Công nghệ kỹ thuật
523.	Phan Văn Hồng Thắng			X			Kỹ thuật Điện	Kinh doanh và quản lý
524.	Trần Chiến Thắng			X			Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Kỹ thuật
525.	Phan Thị Thê			X			Hệ thống thông tin	Máy tính và công nghệ thông tin
526.	Hà Xuân Thế		X				Quản trị kinh doanh	Kinh doanh và quản lý
527.	Phạm Huỳnh Thế		X				Kỹ thuật Điện tử	Công nghệ kỹ thuật
528.	Nguyễn Lê Thi		X				Toán giải tích	Khoa học xã hội và hành vi
529.	Quách Văn Thiêm			X			Chế biến lâm sản	Sản xuất và chế biến
530.	Nguyễn Đình Thiên		X				Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	Kinh doanh và quản lý
531.	Trần Chí Thiên		X				Công nghệ chế tạo máy	Công nghệ kỹ thuật
532.	Trần Minh Thiên			X			Kỹ thuật đo lường và điều khiển	Kỹ thuật
533.	Trần Văn Thiên			X			Cơ kỹ thuật	Kiến trúc và xây dựng
534.	Dương Minh Thiện			X			Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Công nghệ kỹ thuật

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
535.	Huỳnh Thế Thiện			X			Kỹ thuật Máy tính	Công nghệ kỹ thuật
536.	Phạm Đức Thiện			X			Cơ khí	Kiến trúc và xây dựng
537.	Trần Đức Thiện			X	X		Kỹ thuật cơ khí và ô tô	Công nghệ kỹ thuật
538.	Trần Ngọc Thiện		X				Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Kỹ thuật
539.	Bùi Tiến Thịnh			X			Tài chính - Ngân hàng	Dịch vụ vận tải
540.	Đỗ Duy Thịnh			X			Thiết kế kiến trúc và cấu trúc	Kiến trúc và xây dựng
541.	Huỳnh Thịnh			X			Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật
542.	Lê Vĩnh Thịnh			X			Khoa học Máy tính	Máy tính và công nghệ thông tin
543.	Đỗ Tiến Thọ			X			Cơ học	Kiến trúc và xây dựng
544.	Tưởng Phước Thọ			X			Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật
545.	Trần Quang Thọ			X	X		kỹ thuật điện	Kỹ thuật
546.	Mai Anh Thơ			X			Giáo dục học	Máy tính và công nghệ thông tin
547.	Nguyễn Thới		X				Thiết bị mạng & Nhà máy điện	Công nghệ kỹ thuật
548.	Lê Thị Kim Thu		X				Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh	Nhân văn
549.	Phạm Xuân Thu			X			Kinh tế học	Kinh doanh và quản lý
550.	Vũ Thị Ngọc Thu		X				Vật liệu & linh kiện Nano	Máy tính và công nghệ thông tin
551.	Thái Lương Thụ		X				Quản trị kinh doanh	Công nghệ kỹ thuật

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
552.	Lâm Phát Thuận			X			Cơ kỹ thuật	Kiến trúc và xây dựng
553.	Trần Kế Thuận		X				Lý luận và phương pháp dạy môn kỹ thuật	Công nghệ kỹ thuật
554.	Lê Đình Thục			X			quản lý xây dựng	Kiến trúc và xây dựng
555.	Nguyễn Thị Thanh Thùy		X				Châu á học	Nhân văn
556.	Võ Thanh Thùy		X				Giáo dục học	Nhân văn
557.	Nguyễn Thanh Thủy			X			Giáo dục học	Khoa học xã hội và hành vi
558.	Nguyễn Thị Phương Thủy		X				Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh và quản lý
559.	Nguyễn Thị Thủy			X			Ngôn ngữ học	Nhân văn
560.	Nguyễn Thụy Ngọc Thủy			X			Công nghệ vật liệu điện tử	Công nghệ kỹ thuật
561.	Phan Thị Thu Thủy		X				Kỹ thuật công nghiệp	Công nghệ kỹ thuật
562.	Lê Quang Lâm Thúy		X				Công nghệ vật liệu dệt	Sản xuất và chế biến
563.	Ngô Thị Cẩm Thúy		X				Giảng dạy Tiếng Anh	Nhân văn
564.	Nguyễn Thị Như Thúy			X			Xã hội học	Khoa học xã hội và hành vi
565.	Nguyễn Thị Thanh Thúy			X			Quản trị kinh doanh	Kinh doanh và quản lý
566.	Nguyễn Thị Thúy		X				Quản trị kinh doanh	Sản xuất và chế biến
567.	Ngô Văn Thuyên			X	X		Kỹ thuật điện	Công nghệ kỹ thuật
568.	Huỳnh Thị Minh Thư			X			Năng lượng và môi trường	Công nghệ kỹ thuật

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
569.	Nguyễn Thị Bích Thư		X				kỹ thuật hệ thống công nghiệp	Kỹ thuật
570.	Phan Thị Đăng Thư			X			Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật
571.	Võ Nguyên Thư		X				Nghệ thuật tạo hình	Nghệ thuật
572.	Nguyễn Trọng Thức		X				Tự động hóa	Công nghệ kỹ thuật
573.	Nguyễn Văn Thức			X			Cơ khí	Kỹ thuật
574.	Vũ Ngân Thương		X				Lý luận và lịch sử mỹ thuật	Nghệ thuật
575.	Huỳnh Thị Ngọc Thường		X				Điện - điện tử	Kỹ thuật
576.	Trần Thanh Thường			X			Kỹ thuật ô tô	Công nghệ kỹ thuật
577.	Nguyễn Xuân Trà			X			Khoa học giáo dục	Nghệ thuật
578.	Nguyễn Quang Trãi		X				Cơ khí động lực	Công nghệ kỹ thuật
579.	Đặng Phước Hải Trang		X				Kỹ thuật điện - điện tử	Công nghệ kỹ thuật
580.	Đỗ Thị Mỹ Trang			X			Giáo dục học	Khoa học xã hội và hành vi
581.	Đỗ Thùy Trang			X			Ngôn ngữ	Khoa học xã hội và hành vi
582.	Hoàng Ngọc Trang			X			Ngôn ngữ học ứng dụng	Nhân văn
583.	Lê Mai Hiền Trang		X				Tiếng Anh	Nhân văn
584.	Lê Thị Mai Trang		X				Lý thuyết xác suất & thống kê toán học	Khoa học xã hội và hành vi
585.	Lê Thùy Trang		X				Lý luận và lịch sử mỹ thuật	Nghệ thuật

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
586.	Lê Trường Diễm Trang			X			Kinh tế và Quản lý	Kinh doanh và quản lý
587.	Mai Quỳnh Trang		X				Giáo dục học	Sản xuất và chế biến
588.	Nguyễn Hà Trang		X				Quản lý môi trường	Môi trường và bảo vệ môi trường
589.	Nguyễn Ngọc Anh Trang		X				Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh	Nhân văn
590.	Phan Thị Huyền Trang			X			Khoa học Máy tính	Máy tính và công nghệ thông tin
591.	Trần Thị Như Trang		X				Lý luận và phương pháp dạy học	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên
592.	Nguyễn Văn Trọng			X			Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật
593.	Nguyễn Thị Mai Trâm			X			Quản lý công nghiệp	Kinh doanh và quản lý
594.	Vũ Trần Mai Trâm			X			Lý luận và lịch sử mỹ thuật	Nghệ thuật
595.	Trương Quang Trí			X			Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật
596.	Đình Cao Trí		X				Cơ khí động lực	Công nghệ kỹ thuật
597.	Đoàn Minh Trí		X				Khoa học Máy tính	Máy tính và công nghệ thông tin
598.	Đỗ Đức Trí			X	X		Kỹ thuật điện tử	Công nghệ kỹ thuật
599.	Nguyễn Công Trí		X				Mỹ thuật tạo hình	Kiến trúc và xây dựng
600.	Trần Quang Trí			X			Quản lý	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân
601.	Trang Tấn Triển		X				Công nghệ chế tạo máy	Kiến trúc và xây dựng

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
602.	Nguyễn Minh Triết		X				Kỹ thuật cơ điện tử	Kỹ thuật
603.	Nguyễn Thị Tuyết Trinh		X				Công nghệ cắt may	Sản xuất và chế biến
604.	Trần Văn Trọn			X			Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật
605.	Lê Đỗ Thiên Trúc		X				Tài chính - Ngân hàng	Kinh doanh và quản lý
606.	Phạm Thanh Trúc			X			Kỹ thuật Hóa học	Công nghệ kỹ thuật
607.	Đặng Thành Trung			X		X	Kỹ thuật	Công nghệ kỹ thuật
608.	Đỗ Thành Trung			X	X		Cơ khí	Công nghệ kỹ thuật
609.	Huỳnh Hoàng Trung		X				Vật lý vô tuyến và điện tử	Công nghệ kỹ thuật
610.	Nguyễn Hữu Trung		X				Khoa học Máy tính	Máy tính và công nghệ thông tin
611.	Nguyễn Minh Trung		X				Địa kỹ thuật xây dựng	Công nghệ kỹ thuật
612.	Nguyễn Phi Trung		X				Công nghệ chế tạo máy	Kỹ thuật
613.	Nguyễn Văn Trung			X			Khoa học Thần kinh Nhận thức	Công nghệ kỹ thuật
614.	Phạm Thành Trung			X			vật lý	Công nghệ kỹ thuật
615.	Phan Thành Trung			X			Cơ học vật thể rắn và biến dạng	Kiến trúc và xây dựng
616.	Thạch Trung		X				Vật lý nguyên tử và hạt nhân	Kỹ thuật
617.	Trương Thế Trung		X				Giáo dục học	Kỹ thuật
618.	Đỗ Quang Trục		X				Giáo dục học	Công nghệ kỹ thuật
619.	Trần Minh Thế Uyên			X			Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
620.	Nguyễn Trần Thi Văn		X				Khoa học máy tính	Máy tính và công nghệ thông tin
621.	Trần Mai Văn		X				Khoa học	Công nghệ kỹ thuật
622.	Đàng Quang Vắng			X	X		Tài chính - Ngân hàng	Kinh doanh và quản lý
623.	Huỳnh Thị Mỹ Vân		X				Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh	Nhân văn
624.	Nguyễn Khoa Thanh Vân		X				Kiến trúc	Kiến trúc và xây dựng
625.	Nguyễn Thị Anh Vân			X			Kinh tế và Quản lý	Kinh doanh và quản lý
626.	Nguyễn Thị Thanh Vân		X				Công nghệ thông tin	Máy tính và công nghệ thông tin
627.	Nguyễn Thị Thanh Vân			X			Kinh doanh và quản lý	Kinh doanh và quản lý
628.	Lại Thị Tường Vi		X				Kế toán	Kinh doanh và quản lý
629.	Trương Thị Tường Vi			X			luật kinh tế	Pháp luật
630.	Nguyễn Xuân Viên			X	X		Công nghệ cơ khí	Công nghệ kỹ thuật
631.	Huỳnh Quốc Việt		X				Khai thác và bảo trì ô tô, máy kéo	Công nghệ kỹ thuật
632.	Ngô Bá Việt			X			Kỹ thuật điện tử	Kỹ thuật
633.	Lê Văn Vinh			X			Khoa học Máy tính	Máy tính và công nghệ thông tin
634.	Trần Phong Vinh		X				Giáo dục thể chất	Công nghệ kỹ thuật
635.	Cao Xuân Vũ		X				Tự động hóa	Kỹ thuật
636.	Lê Kim Vũ		X				Khoa học giáo dục	Công nghệ kỹ thuật

STT	Họ và tên	Trình độ			Chức danh		Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS		
637.	Lê Quang Vũ		X				Kỹ thuật cơ khí động lực	Công nghệ kỹ thuật
638.	Nguyễn Anh Vũ		X				Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Công nghệ kỹ thuật
639.	Nguyễn Văn Vũ			X			Cơ học chất lỏng ứng dụng	Công nghệ kỹ thuật
640.	Phan Gia Anh Vũ			X			Giáo dục học	Kỹ thuật
641.	Phan Thanh Vũ		X				Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật
642.	Trương Nguyễn Luân Vũ			X	X		Công nghệ và kỹ thuật hóa học	Công nghệ kỹ thuật
643.	Bùi Thiện Vương		X				Cơ - Điện tử	Công nghệ kỹ thuật
644.	Phan Tự Vương			X			Toán học	Khoa học xã hội và hành vi
645.	Đỗ Thị Hồng Vy		X				Mỹ thuật tạo hình	Báo chí và thông tin
646.	Hồ Thị Hồng Xuyên			X			Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	Dịch vụ vận tải
647.	Võ Việt Ý		X				Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật
648.	Đào Thị Kim Yến		X				Kế toán & kiểm toán	Kinh doanh và quản lý
649.	Nassif Ayman Youssef			X			Kỹ thuật xây dựng	Công nghệ kỹ thuật

d) Thông kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ

TT	Chỉ số	Thời điểm báo cáo 30/6/2026	Thời điểm báo cáo 30/6/2025
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	26	28
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	250	195
3	Tỷ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	33,7%	30,3%

e) Số lượng giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 380 người.

3. Thông tin về cơ sở vật chất dùng chung

Hiện nay, Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh có 03 cơ sở đào tạo, bao gồm 02 cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh và 01 phân hiệu tại tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:

- Cơ sở chính tọa lạc tại địa chỉ số 01, đường Võ Văn Ngân, phường Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh với diện tích đất 174.247 m²
- Cơ sở 2 nằm tại địa chỉ số 484, đường Lê Văn Việt, phường Tăng Nhơn Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh với diện tích đất 44.408 m²
- Phân hiệu Bình Phước đặt tại số 899 quốc lộ 14, phường Bình Phước, Thành phố Đồng Nai với diện tích đất 89.839,1 m²

Tổng diện tích sàn xây dựng của toàn trường là 184.114,87 m² với gần 100 công trình lớn nhỏ bao gồm các công trình nhà học, nhà làm việc, xưởng thực hành, phòng thí nghiệm... nhằm phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác. Hệ thống có 02 Hội trường lớn; 223 phòng học lý thuyết; 213 Phòng thí nghiệm, thực hành, xưởng thực tập, trung tâm nghiên cứu; 07 khu tự học cho sinh viên; 09 sân tập thể thao, nhà tập đa năng; 03 thư viện, trung tâm học liệu và nhà làm việc, phòng họp để phục vụ nhu cầu đào tạo, nghiên cứu của Trường;

Bên cạnh đó, Trường có 03 khu ký túc xá với 480 phòng, đáp ứng nhu cầu lưu trú cho gần 3.500 sinh viên. Ngoài ra, các khu dịch vụ được bố trí hợp lý nhằm phục vụ đời sống, sinh hoạt và học tập của sinh viên, giảng viên và viên chức nhà trường.

a) Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Thời điểm báo cáo 30/6/2026	Thời điểm báo cáo 30/6/2025
1	Diện tích đất/người học (m ²)	19,2	22,4 m ² /sv
2	Diện tích sàn/người học (m ²)	4,09	4,54 m ² /sv
3	Tỷ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	76%	76,7%
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	110,74	307
5	Số bản sách/người học	33,4	16,2
6	Tỷ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	49,81%	74,38%
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	157,8	147,9

b) Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính	Số 01, đường Võ Văn Ngân, phường Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh	174.247,00	135.308,00

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
2	Cơ sở 2	Số 484, đường Lê Văn Việt, phường Tăng Nhơn Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh	44.408,00	27.428,00
3	Phân hiệu	Số 899 quốc lộ 14, phường Bình Phước, Thành phố Đồng Nai	89.839,10	21.378,87
Tổng cộng			308.494,10	184.114,87

c) Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (đồng)
1	Cung cấp và lắp đặt trang thiết bị nội thất giảng đường khu A	CS1 - Số 01, đường Võ Văn Ngân, Thủ Đức, TP.HCM	11.518.687.000
2	Mua sắm thiết bị, vật tư cho Phòng thí nghiệm tự hành - Khoa Điện - Điện thuộc dự toán mua sắm: Phòng thí nghiệm Hệ thống tự hành.	CS1 - Số 01, đường Võ Văn Ngân, Thủ Đức, TP.HCM	1.774.908.000
2	Mua sắm xe ô tô chuyên dùng 45 chỗ của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM.	CS1 - Số 01, đường Võ Văn Ngân, Thủ Đức, TP.HCM	3.077.100.000
3	Đầu tư trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu kiến trúc xây dựng bền vững	CS1 - Số 01, đường Võ Văn Ngân, Thủ Đức, TP.HCM	4.710.873.600
4	Mua sắm xe ô tô 07 chỗ dùng chung của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm xe ô tô 07 chỗ phục vụ công tác chung tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM	CS1 - Số 01, đường Võ Văn Ngân, Thủ Đức, TP.HCM	1.530.000.000
5	Tăng cường năng lực nghiên cứu cho giảng viên và sinh viên trong lĩnh vực vật liệu mới.	CS1 - Số 01, đường Võ Văn Ngân, Thủ Đức, TP.HCM	3.849.012.000
6	Mua sắm trang thiết bị thuộc dự toán: Phòng thí nghiệm hệ thống điều khiển thủy lực khí nén ứng dụng trong công nghiệp 4.0 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM	CS1 - Số 01, đường Võ Văn Ngân, Thủ Đức, TP.HCM	6.544.648.800
7	Mua sắm trang thiết bị thuộc dự toán: Nâng cao chất lượng dạy và học lý thuyết và thí nghiệm vật lý cho sinh viên công nghệ kỹ thuật	CS1 - Số 01, đường Võ Văn Ngân, Thủ Đức, TP.HCM	3.742.857.600

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (đồng)
8	Mua sắm trang thiết bị thuộc dự toán Mua sắm Thiết bị, công cụ, dụng cụ phục vụ giảng dạy cho các khoa CNHH&TP, Khoa Xây dựng, Khoa KHUD, Khoa In&TT của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	CS1 - Số 01, đường Võ Văn Ngân, Thủ Đức, TP.HCM	2.923.614.000
9	Mua sắm trang thiết bị thuộc dự toán: Phòng thí nghiệm trọng điểm phục vụ nghiên cứu khoa học	CS1 - Số 01, đường Võ Văn Ngân, Thủ Đức, TP.HCM	14.574.567.600
10	Mua sắm trang thiết bị thuộc dự toán: Mua sắm trang thiết bị, công cụ, dụng cụ năm 2025 phục vụ giảng dạy cho các khoa cơ khí động lực, khoa Cơ khí chế tạo máy của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM.	CS1 - Số 01, đường Võ Văn Ngân, Thủ Đức, TP.HCM	2.839.936.200
11	Mua sắm trang thiết bị thuộc dự toán: Phòng thí nghiệm an ninh mạng nâng cao.	CS1 - Số 01, đường Võ Văn Ngân, Thủ Đức, TP.HCM	4.906.516.000
12	Mua sắm trang thiết bị thuộc dự toán: Nâng cấp hạ tầng Công nghệ thông tin toàn Trường (Giai đoạn 2).	CS1 - Số 01, đường Võ Văn Ngân, Thủ Đức, TP.HCM	14.844.680.000
13	Mua sắm trang thiết bị thuộc dự toán: Phòng thí nghiệm hệ thống tự hành	CS1 - Số 01, đường Võ Văn Ngân, Thủ Đức, TP.HCM	5.989.000.000
14	Trang bị, mua sắm các gói thầu thiết bị lẻ phục vụ công tác đào tạo, giảng dạy và học tập	CS1 - Số 01, đường Võ Văn Ngân, Thủ Đức, TP.HCM	11.294.537.000
15	Trang bị nội thất cho các phòng làm việc của các đơn vị	CS1 - Số 01, đường Võ Văn Ngân, Thủ Đức, TP.HCM	5.540.871.000
16	Mua sắm trang thiết bị cho Cơ sở 2	CS 2 – Số 484, đường Lê Văn Việt, phường Tăng Nhơn Phú, TP.HCM	651.715.752
17	Trang bị, mua sắm thiết bị, Công cụ dụng cụ cho Phân hiệu Bình Phước	PH- Số 899 quốc lộ 14, phường Bình Phước, Thành phố Đồng Nai	648.240.200
Tổng cộng:			100.961.764.752

d) Thông tin về thư viện:

- Không gian làm việc:

- Diện tích: 5.620,28 m²
- Số phòng đọc: 3 với diện tích 2.857,72 m², số lượng chỗ ngồi đọc sách: 1.144
- Khu A: Văn phòng, Phòng mượn, Phòng đọc.
- Beehive: phòng Đọc Beehive, Không gian Sáng tạo và Khởi nghiệp.
- Phòng đọc Bình Phước

– Nguồn tài nguyên thông tin rất đa dạng bao gồm tham khảo Việt văn, sách tham khảo Ngoại văn, Tiêu chuẩn, Giáo trình, luận văn, luận án, đề tài nghiên cứu khoa học phù hợp với những chuyên ngành được đào tạo tại trường, tổng số tài liệu của Thư viện hiện nay là 66.552 đầu ấn phẩm và tổng số bản tính đến tháng 06/2026 là 540.491 bản tài liệu, với số lượng đầu giáo trình: 8.877, số bản giáo trình: 531.542. Với nguồn lực thông tin như hiện nay, Thư viện có thể đáp ứng cho mỗi sinh viên mỗi lần mượn từ 15 đến 20 giáo trình trong một học kỳ và 10 tài liệu tham khảo mượn trong 4 tuần. Lượng sách lưu thông trong một học kỳ lên đến hơn 100,000 lượt. Bên cạnh đó, số lượt bạn đọc đến học tập tại Thư viện lên đến 2200 lượt/ngày.

– Bên cạnh nguồn tài liệu truyền thống, thư viện còn có nguồn tài nguyên thông tin điện tử với những bài báo nghiên cứu từ các tạp chí khoa học, sách điện tử và nhiều tài liệu khoa học khác được tập hợp từ các Nhà xuất bản nổi tiếng cũng như nhiều kho thông tin khoa học số của các trường đại học trong nước và trên thế giới thông qua các cơ sở dữ liệu, đáp ứng mọi nhu cầu nghiên cứu giảng dạy và học tập của cộng đồng người sử dụng Thư viện.

Một số CSDL:

<https://link.springer.com>

<https://ieeexplore.ieee.org>

<https://www.wipsglobal.com>

<https://policycommons-net.cesti.idm.oclc.org>

<https://search.proquest.com> (Sử dụng mạng của nội bộ)

Các website của Thư viện:

<http://lib.hcmute.edu.vn/>.

<http://thuvienso.hcmute.edu.vn/>.

4. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo:

a) Kết quả tự đánh giá và kế hoạch cải tiến

🚩 Cơ sở giáo dục:

Kết quả tự đánh giá:

– Chu kỳ 1: Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM (Trường) đã thực hiện kiểm định cấp Cơ sở giáo dục (CSGD) lần đầu tiên vào tháng 11/2016 và được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục vào ngày 03/5/2017 với tỷ lệ số tiêu chí đạt yêu cầu 86,89%.

– Chu kỳ 2: Sau 5 năm kể từ lần kiểm định đầu tiên, Trường tiếp tục thực hiện kiểm định cấp CSGD lần 2 vào tháng 4/2023 và được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục vào ngày 07/7/2023 với tỷ lệ số tiêu chí đạt yêu cầu 95,5%, tỷ lệ số tiêu chuẩn đạt yêu cầu 88,00%.

Kế hoạch cải tiến:

– Chu kỳ 1: Nhà trường đã ban hành thông báo số 157/TB-ĐHSPKT ngày 6/6/2018 về việc xây dựng kế hoạch và thực hiện cải tiến chất lượng cơ sở giáo dục của Nhà trường và

chương trình đào tạo sau kiểm định, đánh giá ngoài. Đến tháng 10/2019 Nhà trường đã hoàn thành báo cáo đánh giá giữa chu kỳ kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục giai đoạn 2017 - 2022 cho Trung tâm kiểm định Đại học Quốc gia TP.HCM.

– Chu kỳ 2:

- Năm 2023: Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng (P.KTĐBCL) ban hành kế hoạch số 01/KH-ĐBCL ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc thực hiện mục tiêu chất lượng triển khai các hoạt động cải tiến dựa theo kết quả báo cáo đánh giá ngoài cấp cơ sở giáo dục.

- Năm 2024: P.KTĐBCL đã ban hành kế hoạch số 04/KH-ĐBCL-CT ngày 21/10/2024 về việc thực hiện mục tiêu chất lượng, triển khai các hoạt động cải tiến dựa theo kết quả kiểm định ngoài cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo.

- Năm 2025: Trường đã ban hành kế hoạch số 3243/KH-ĐHSPKT ngày 16/9/2025 về việc triển khai báo cáo tự đánh giá giữa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cấp cơ sở giáo dục của trường Đại học Sư Phạm Kỹ thuật P.HCM.

- Năm 2026: dự kiến ban hành kế hoạch trong tháng 7/2026

Chương trình đào tạo

Kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo:

Nhà trường đã có 40/52 CTĐT trình độ đại học và 16/20 CTĐT trình độ thạc sĩ hoàn thành tự đánh giá, cụ thể theo bảng sau:

TT	Tên chương trình đào tạo	Trình độ đào tạo	Thời gian hoàn thành tự đánh giá
I. Chương trình đào tạo trình độ đại học			
1	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Đại học	11/2022
2	Kế toán	Đại học	11/2022
3	Kỹ thuật y sinh	Đại học	11/2022
4	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	11/2022
5	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Đại học	10/2023
6	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Đại học	10/2023
7	Công nghệ chế tạo máy	Đại học	10/2023
8	Kỹ thuật công nghiệp	Đại học	10/2023
9	Kỹ nghệ gỗ và nội thất	Đại học	10/2023
10	Robot và Trí tuệ nhân tạo	Đại học	10/2023
11	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Đại học	10/2023
12	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Đại học	10/2023
13	Năng lượng tái tạo	Đại học	10/2023
14	Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử	Đại học	10/2023
15	Công nghệ thực phẩm	Đại học	10/2023
16	Công nghệ kỹ thuật môi trường	Đại học	10/2023
17	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Đại học	10/2023
18	Quản lý xây dựng	Đại học	10/2023
19	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Đại học	10/2023

TT	Tên chương trình đào tạo	Trình độ đào tạo	Thời gian hoàn thành tự đánh giá
20	Kiến trúc	Đại học	10/2023
21	Công nghệ vật liệu	Đại học	10/2023
22	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	Đại học	03/2025
23	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Đại học	03/2025
24	Hệ thống nhúng và IoT	Đại học	03/2025
25	Hệ thống kỹ thuật Công trình xây dựng	Đại học	03/2025
26	Quản lý và vận hành hạ tầng	Đại học	03/2025
27	Kiến trúc nội thất	Đại học	03/2025
28	Quản lý công nghiệp	Đại học	03/2025
29	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Đại học	03/2025
30	Kinh doanh quốc tế	Đại học	03/2025
31	Thương mại điện tử	Đại học	03/2025
32	Công nghệ thông tin	Đại học	03/2025
33	Kỹ thuật dữ liệu	Đại học	03/2025
34	Thiết kế thời trang	Đại học	03/2025
35	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	Đại học	03/2025
36	Công nghệ may	Đại học	03/2025
37	Thiết kế đồ họa	Đại học	03/2025
38	Công nghệ kỹ thuật in	Đại học	03/2025
39	Ngôn ngữ Anh	Đại học	08/2024
40	Công nghệ kỹ thuật máy tính	Đại học	08/2024
II. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ			
1	Kỹ thuật nhiệt	Thạc sĩ	08/2024
2	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Thạc sĩ	08/2024
3	Công nghệ thực phẩm	Thạc sĩ	08/2024
4	Khoa học máy tính	Thạc sĩ	08/2024
5	Quản lý kinh tế	Thạc sĩ	08/2024
6	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn	Thạc sĩ	08/2024
7	Kỹ thuật cơ khí	Thạc sĩ	01/2026
8	Kỹ thuật cơ điện tử	Thạc sĩ	01/2026
9	Kỹ thuật cơ khí động lực	Thạc sĩ	01/2026
10	Kỹ thuật hóa học	Thạc sĩ	01/2026
11	Kỹ thuật môi trường	Thạc sĩ	01/2026
12	Kỹ thuật điện	Thạc sĩ	01/2026
13	Kỹ thuật điện tử	Thạc sĩ	01/2026
14	Kỹ thuật viễn thông	Thạc sĩ	01/2026
15	Kỹ thuật xây dựng	Thạc sĩ	01/2026

TT	Tên chương trình đào tạo	Trình độ đào tạo	Thời gian hoàn thành tự đánh giá
16	Giáo dục học	Thạc sĩ	01/2026

Kế hoạch cải tiến sau tự đánh giá:

Nhằm khắc phục các tồn tại được chỉ ra trong quá trình tự đánh giá và không ngừng nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo (CTĐT), Nhà trường triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng mang tính hệ thống một số các nội dung trọng tâm sau:

- Hiệu chỉnh và cập nhật CTĐT;
- Chuẩn hóa quy trình đo lường mức độ đạt Chuẩn đầu ra của CTĐT;
- Thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục trong nước;
- Hiệu chỉnh hệ thống phiếu khảo sát ý kiến các bên liên quan;
- Dự thảo Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn 2035 (hiệu chỉnh Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2024-2030, tầm nhìn 2035);
- Ban hành Chiến lược phát triển Khoa/Viện giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn 2035;
- Xây dựng Mục tiêu chất lượng hằng năm dựa trên Chiến lược phát triển Trường;
- Rà soát và chuẩn hóa Quy trình ISO.

b) Giấy chứng nhận kiểm định Cơ sở giáo dục và Chương trình đào tạo được đăng tải tại link:

Tính đến 01/6/2026, ĐHCNKT TP.HCM đã có tổng cộng 40/52 (76,9%) CTĐT trình độ đại học được kiểm định và được cấp giấy chứng nhận; 12 CTĐT chưa kiểm định vì là ngành mới mở chưa có sinh viên tốt nghiệp. Với kết quả trên, tính đến cuối năm 2025, toàn bộ 100% CTĐT trình độ đại học của Nhà trường đều hoàn thành kiểm định chu kỳ 1.

Ngoài ra, ĐHCNKT TP.HCM đã có 06/20 (30%) CTĐT trình độ thạc sĩ đã hoàn thành kiểm định và được cấp giấy chứng nhận; 10 CTĐT đang trong quá trình thực hiện kiểm định vào năm 2026; 04 CTĐT chưa triển khai kiểm định do chưa có học viên tốt nghiệp.

<https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1mnEKTQ0N3rWrXcqLL65tAV0GZH6lhOO4>

Danh mục các chương trình đào tạo đã kiểm định chất lượng:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Chu kỳ 1			Chu kỳ 2		
				Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực		Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực	
1	7510301	CNKT điện - điện tử	CNKT điện - điện tử	AUN-QA	17/04/2016	16/04/2020	CEA VNU-HCM	19/07/2024	18/07/2029
2	7510203	CNKT cơ điện tử	CNKT cơ điện tử	AUN-QA	17/04/2016	16/04/2020	CEA VNU-HCM	19/07/2024	18/07/2029
3	7510205	CNKT ô tô	CNKT ô tô	AUN-QA	17/04/2016	16/04/2020	CEA VNU-HCM	19/07/2024	18/07/2029
4	7510102	CNKT công trình xây dựng	CNKT công trình xây dựng	AUN-QA	04/04/2017	03/04/2022	CEA VNU-HCM	19/07/2024	18/07/2029
5	7510202	Công nghệ chế tạo máy	Công nghệ chế tạo máy	AUN-QA	09/12/2017	08/12/2022	CEA VNU-HCM	19/07/2024	18/07/2029
6	7510206	CNKT nhiệt	CNKT nhiệt	AUN-QA	09/12/2017	08/12/2022	CEA VNU-HCM	19/07/2024	18/07/2029
7	7510406	CNKT môi trường	CNKT môi trường	AUN-QA	09/12/2017	08/12/2022	CEA VNU-HCM	19/07/2024	18/07/2029
8	7510201	CNKT cơ khí	CNKT cơ khí	AUN-QA	12/01/2019	11/01/2024	CEA VNU-HCM	19/07/2024	18/07/2029
9	7510401	CNKT hoá học	Công nghệ kỹ thuật hoá học	AUN-QA	1/1/2023	31/12/2027			
10	7340301	Kế toán	Kế toán	AUN-QA	1/1/2023	31/12/2027			
11	7520212	Kỹ thuật y sinh	Kỹ thuật y sinh	AUN-QA	1/1/2023	31/12/2027			

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Chu kỳ 1			Chu kỳ 2		
				Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực		Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực	
12	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	Sư phạm tiếng Anh	AUN-QA	1/1/2023	31/12/2027			
13	7510302	CNKT điện tử - truyền thông	CNKT điện tử - truyền thông	AUN-QA	09/12/2017	08/12/2022	CEA VNU-HCM	18/12/2025	17/12/2030
14	7510303	CNKT điều khiển và tự động hóa	CNKT điều khiển và tự động hóa	AUN-QA	12/01/2019	11/01/2024	CEA VNU-HCM	18/12/2025	17/12/2030
15	7510601	Quản lý công nghiệp	Quản lý công nghiệp	AUN-QA	12/01/2019	11/01/2024	CEA VNU-HCM	18/12/2025	17/12/2030
16	7510801	CNKT in	CNKT in	AUN-QA	14/12/2019	13/12/2024	CEA VNU-HCM	18/12/2025	17/12/2030
17	7540209	Công nghệ may	Công nghệ may	AUN-QA	14/12/2019	13/12/2024	CEA VNU-HCM	18/12/2025	17/12/2030
18	7480201	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	AUN-QA	14/12/2019	13/12/2024	CEA VNU-HCM	18/12/2025	17/12/2030
19	7520117	Kỹ thuật công nghiệp	Kỹ thuật công nghiệp	CEA VNU-HCM	19/07/2024	18/07/2029			
20	7549002	Kỹ nghệ gỗ và nội thất	Kỹ nghệ gỗ và nội thất	CEA VNU-HCM	19/07/2024	18/07/2029			
21	7510209	Robot và Trí tuệ nhân tạo	Robot và Trí tuệ nhân tạo	CEA VNU-HCM	19/07/2024	18/07/2029			
22	7510208	Năng lượng tái tạo	Năng lượng tái tạo	CEA VNU-HCM	19/07/2024	18/07/2029			

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Chu kỳ 1		Chu kỳ 2			
				Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực		Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực	
23	7540101	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ thực phẩm	CEA VNU-HCM	19/07/2024	18/07/2029			
24	7580302	Quản lý xây dựng	Quản lý xây dựng	CEA VNU-HCM	19/07/2024	18/07/2029			
25	7580205	KTXD công trình giao thông	KTXD công trình giao thông	CEA VNU-HCM	19/07/2024	18/07/2029			
26	7580101	Kiến trúc	Kiến trúc	CEA VNU-HCM	19/07/2024	18/07/2029			
27	7510402	Công nghệ vật liệu	Công nghệ vật liệu	CEA VNU-HCM	19/07/2024	18/07/2029			
28	7480108	CNKT máy tính	Công nghệ kỹ thuật máy tính	CEA - SAIGON	09/05/2025	08/05/2030			
29	7220201	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	CEA - SAIGON	09/05/2025	08/05/2030			
30	7210404	Thiết kế thời trang	Thiết kế thời trang	CEA VNU-HCM	18/12/2025	17/12/2030			
31	7340122	Thương mại điện tử	Thương mại điện tử	CEA VNU-HCM	18/12/2025	17/12/2030			
32	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	CEA VNU-HCM	18/12/2025	17/12/2030			
33	7480203	Kỹ thuật dữ liệu	Kỹ thuật dữ liệu	CEA VNU-HCM	18/12/2025	17/12/2030			

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Chu kỳ 1			Chu kỳ 2		
				Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực		Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực	
34	7210403	Thiết kế đồ họa	Thiết kế đồ họa	CEA VNU-HCM	18/12/2025	17/12/2030			
35	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	CEA VNU-HCM	18/12/2025	17/12/2030			
36	7340120	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế	CEA VNU-HCM	18/12/2025	17/12/2030			
37	7510106	Hệ thống kỹ thuật công trình xây dựng	Hệ thống kỹ thuật công trình xây dựng	CEA VNU-HCM	18/12/2025	17/12/2030			
38	7480118	Hệ thống nhúng và IoT	Hệ thống nhúng và IoT	CEA VNU-HCM	18/12/2025	17/12/2030			
39	7580103	Kiến trúc nội thất	Kiến trúc nội thất	CEA VNU-HCM	18/12/2025	17/12/2030			
40	7840110	Quản lý và vận hành hạ tầng	Quản lý và vận hành hạ tầng	CEA VNU-HCM	18/12/2025	17/12/2030			
41	8520115	Kỹ thuật Nhiệt	Kỹ thuật Nhiệt	CEA - SAIGON	9/5/2025	8/5/2030			
42	8520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	CEA - SAIGON	9/5/2025	8/5/2030			
43	8540101	Công nghệ Thực phẩm	Công nghệ Thực phẩm	CEA - SAIGON	9/5/2025	8/5/2030			
44	8480101	Khoa học máy tính	Khoa học máy tính	CEA - SAIGON	9/5/2025	8/5/2030			

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Chu kỳ 1		Chu kỳ 2			
				Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực		Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực	
45	8310110	Quản lý kinh tế	Quản lý kinh tế	CEA - SAIGON	9/5/2025	8/5/2030			
46	8140111	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn	CEA - SAIGON	9/5/2025	8/5/2030			

Kiểm định Cơ sở giáo dục:

Chu kỳ 1:

- Tên tổ chức kiểm định: Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh (CEA VNU-HCM).

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Kiểm định theo bộ chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (MOET).

- Mức độ đạt kiểm định: Đạt với tỷ lệ số tiêu chí đạt yêu cầu là 86,89%.

- Thời gian hiệu lực: từ ngày 3 tháng 5 năm 2017 đến ngày 3 tháng 5 năm 2022.

Chu kỳ 2:

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh (CEA VNU-HCM).

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Kiểm định theo bộ chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (MOET).

- Mức độ đạt kiểm định: Đạt với số tiêu chí trên 4 điểm là 106/111 tiêu chí chiếm tỷ lệ 95,5%.

- Thời gian hiệu lực: từ ngày 7 tháng 7 năm 2023 đến ngày 6 tháng 7 năm 2028

c) Kế hoạch và kết quả cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm và hàng năm

Cơ sở giáo dục

- Chu kỳ 1: Nhà trường đã ban hành thông báo số 157/TB-ĐHSPKT ngày 6/6/2018 về việc xây dựng kế hoạch và thực hiện cải tiến chất lượng cơ sở giáo dục của Nhà trường và chương trình đào tạo sau kiểm định, đánh giá ngoài. Đến tháng 10/2019 Nhà trường đã hoàn thành báo cáo đánh giá giữa chu kỳ kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục giai đoạn 2017 -2022 cho Trung tâm kiểm định Đại học Quốc gia TP.HCM.

- Chu kỳ 2:

+ Năm 2023: Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng (P.KTĐBCL) ban hành kế hoạch số 01/KH-ĐBCL ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc thực hiện mục tiêu chất lượng triển khai các hoạt động cải tiến dựa theo kết quả báo cáo đánh giá ngoài cấp cơ sở giáo dục.

+ Năm 2024: P.KTĐBCL đã ban hành kế hoạch số 04/KH-ĐBCL-CT ngày 21/10/2024 về việc thực hiện mục tiêu chất lượng triển khai các hoạt động cải tiến dựa theo kết quả kiểm định ngoài cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo.

+ Năm 2025: Trường đã ban hành kế hoạch số 3243/KH-ĐHSPKT ngày 16/9/2025 về việc triển khai báo cáo tự đánh giá giữa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cấp cơ sở giáo dục của trường Đại học Sư Phạm Kỹ thuật P.HCM. Kết quả có 111/111 tiêu chí đạt 4 điểm trở lên đạt tỷ lệ 100%.

+Năm 2026: dự kiến ban hành kế hoạch trong tháng 7/2026

Chương trình đào tạo:

Căn cứ theo Thông tư số 19/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 29 tháng 6 năm 2020 về quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường đã triển khai thực hiện cải tiến cho các CTĐT đã đánh giá ngoài, cụ thể như sau:

- Xây dựng và nộp báo cáo cải tiến chất lượng sau kiểm định đối với các CTĐT đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng (Báo cáo số 3903/BC-ĐHSPKT và 3904/BC-ĐHSPKT ngày 31/12/2024, Báo cáo số 2212/BC-ĐHSPKT ngày 25/6/2025, Công văn số 4542/CV- ĐHSPKT ngày 17/12/2025)

- Ban hành và triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng hàng năm; theo dõi, đánh giá việc thực hiện tại các đơn vị (Thông báo số 08/TB-KTĐBCL ngày 15/10/2025, Kế hoạch số 1185/KH-ĐHCNKT ngày 20/4/2026).

- Sử dụng kết quả kiểm định, đánh giá nội bộ và khảo sát các bên liên quan làm cơ sở xác định nội dung cải tiến.

IV. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO, HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Thông tin về kế hoạch tuyển sinh, tổ chức đào tạo hằng năm đối với từng trình độ, hình thức đào tạo theo các quy chế tuyển sinh, đào tạo hiện hành.

a) Công tác tuyển sinh

Nhà trường ban hành kế hoạch, đề án, quy chế, thông báo tuyển sinh và các văn bản liên quan khác công bố cho thí sinh trên trang tuyển sinh của trường tại link: tuyensinh.hcmute.edu.vn

b) Công tác tổ chức thi, xét tuyển

– Công tác thu hồ sơ xét tuyển, hồ sơ dự thi được thực hiện 100% bằng hình thức trực tuyến.

– Tổ chức thành công kỳ thi năng khiếu dành cho các thí sinh dự thi vào các ngành Thiết kế Thời trang, Thiết kế Đồ họa, Kiến trúc, Kiến trúc Nội thất với 02 môn Vẽ Trang trí và Vẽ Đầu tượng với tổng số thí sinh dự thi: Vẽ trang trí năm 2025 là 999 em tăng 29 em so với năm 2024 là 970 em; Vẽ Đầu tượng năm 2025 là 893 em tăng 168 em so với năm 2024 là 725 em.

– Số lượng thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển 2025: 69.976 em (tăng gấp 2,15 lần so với năm 2024 là 32.554 thí sinh), gọi 7.922/chỉ tiêu 7.342 gọi 108%, số thí sinh nhập học: 7.550/7.342 = 102,8%.

– Tổ chức công tác rà soát, điều chỉnh thông tin ưu tiên của thí sinh đăng ký xét tuyển sớm so với dữ liệu được cung cấp bởi cổng thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

– Thực hiện công nhận điểm thi năng khiếu với trường Đại học Kiến trúc TP. HCM giúp tăng cơ hội trúng tuyển cho các thí sinh có điểm năng khiếu tốt.

– Hoàn thành tốt công tác xét tuyển.

c) Công tác nhập học

– Thực hiện công tác nhập học 100% online cho sinh viên trúng tuyển.

– 100% sinh viên nhập học thực hiện bổ sung hồ sơ phục vụ công tác kiểm tra điều kiện ưu tiên tuyển sinh.

d) Công tác đào tạo

– Khi sinh viên xác nhận nhập học, sinh viên được xếp lớp, thời khóa biểu, được sinh hoạt đầu khóa với khoa, phòng ban để nắm rõ quy chế đào tạo và các nội dung cần thiết khác.

– Trong quá trình học, sinh viên được cố vấn học tập theo dõi, tư vấn để hoàn thành tốt khóa học.

– Tất cả thông tin học tập liên quan đến sinh viên được đăng tải trên trang online của trường tại địa chỉ: online.hcmute.edu.vn hoặc hcmute.edu.vn.

2. Thông tin về kết quả tuyển sinh và đào tạo hằng năm đối với từng trình độ đào tạo, tính cho toàn trường và phân theo lĩnh vực, ngành và hình thức đào tạo:

a) Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm 2025 (31/12/2025)

STT	Lĩnh vực	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
A. SAU ĐẠI HỌC		982	548	161	
1.	Tiến sĩ	195	63	10	

STT	Lĩnh vực	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	70	20	1	
2	Kỹ thuật	110	37	9	
3	Kiến trúc và xây dựng	15	6	0	
2. Thạc sĩ		787	485	151	
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	140	84	37	100
2	Khoa học xã hội và hành vi	50	33	18	100
3	Máy tính và công nghệ thông tin	60	39	9	100
4	Kỹ thuật	455	272	71	100
5	Sản xuất và chế biến	31	21	4	100
6	Kiến trúc và xây dựng	51	36	12	100
B. ĐẠI HỌC					
3. Đại học chính quy		23794	7495	6349	
3.1. Chính quy		23794	7495	6349	
1	Nghệ thuật	420	81	119	97.50
2	Máy tính và công nghệ thông tin	2994	849	901	96.02
3	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	175	51	69	100
4	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	222	76	17	87.50
5	Nhân văn	567	179	120	95.83
6	Khoa học xã hội và hành vi	138	89		
7	Báo chí và thông tin	38	38		
8	Kinh doanh và quản lý	1567	639	608	99.16
9	Pháp luật	290	144		
10	Công nghệ kỹ thuật	14322	4331	3831	97.97
11	Kỹ thuật	438	174	107	100
12	Sản xuất và chế biến	1477	488	411	98.60
13	Kiến trúc và xây dựng	969	289	152	97.62
14	Dịch vụ vận tải	146	36	14	
15	Môi trường và bảo vệ môi trường	31	31		
4. Đại học vừa làm vừa học		2171	968	745	
4.1. Vừa làm vừa học		45	0	3	
1	Công nghệ kỹ thuật	45	0	3	
4.2. Liên thông từ trung cấp lên đại học		136	16	22	
1	Công nghệ kỹ thuật	136	16	21	
2	Kinh doanh và quản lý	0	0	1	
4.3. Liên thông từ cao đẳng lên đại học		1987	952	720	
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	1	0	0	
2	Kinh doanh và quản lý	41	23	9	
3	Máy tính và công nghệ thông tin	377	251	31	
4	Công nghệ kỹ thuật	1538	655	667	
5	Kỹ thuật	5	0	0	
6	Sản xuất và chế biến	25	23	13	
4.4. Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		3	0	0	

STT	Lĩnh vực	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
1	Công nghệ kỹ thuật	3	0	0	
5. Từ xa		1049	573		
1	Kinh doanh và quản lý	66	42		
2	Máy tính và công nghệ thông tin	116	75		
3	Công nghệ kỹ thuật	791	380		
4	Kỹ thuật	47	47		
5	Sản xuất và chế biến	29	29		

b) Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

TT	Chỉ số đánh giá	Thời điểm báo cáo 30/6/2026	Thời điểm báo cáo 30/6/2025
1	Tỷ lệ nhập học trung bình 3 năm	96%	89,7%
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	-2,4%	-1,7%
3	Tỷ lệ thôi học	6,06%	24,45%
4	Tỷ lệ thôi học năm đầu	4,25%	2,13%
5	Tỷ lệ tốt nghiệp	82,2%	60,45%
6	Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn	54%	41,14%
7	Tỷ lệ người học hài lòng với giảng viên	93,4%	92,9%
8	Tỷ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	87,3%	90,035%
9	Tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	98,6%	91,26%

c) Tỷ lệ người học tốt nghiệp đại học có việc làm phù hợp với trình độ đào tạo trong thời gian 12 tháng sau tốt nghiệp năm 2025 đạt 98,6% trong tổng số người tốt nghiệp có tham gia khảo sát.

3. Thông tin về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ trong năm, tính cho toàn trường và phân theo lĩnh vực khoa học và công nghệ:

a) Danh mục dự án, đề tài hoặc nhiệm vụ khoa học công nghệ do trường chủ trì: Tên dự án, đề tài, nhiệm vụ; cấp quản lý; người chủ trì và các thành viên tham gia; đối tác trong nước và quốc tế; thời gian thực hiện; kinh phí thực hiện; tóm tắt kết quả và sản phẩm đạt được:

- Danh mục đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên

<https://stiao.hcmute.edu.vn/TopicId/1ad71244-6351-46ba-9b57-cd58e7cb62ed/de-tai-giang-vien>

- Danh mục đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên

<https://stiao.hcmute.edu.vn/TopicId/73b6d7b0-b345-4022-a64d-5773520b1a16/de-tai-sinh-vien>

b) Số lượng công trình khoa học được công bố trên các ấn phẩm quốc tế có uy tín và các công bố khoa học khác; số lượng bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp:

- Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ

TT	Chỉ số đánh giá	Thời điểm báo cáo 30/6/2026	Thời điểm báo cáo 30/6/2025
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ	5,3%	5%
2	Số công bố khoa học/giảng viên	1,41	0,98

3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên	0,7	0,4
---	------------------------------------	-----	-----

- Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm 2025

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm (triệu đồng)
1	Đề tài cấp Nhà nước	3	7.235.000.000
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	8	6.423.419.800
3	Đề tài cấp cơ sở	539	20.151.010.200
	<i>Cấp Trường dành cho nhóm NCTĐ</i>	3	900.000.000
	<i>Cấp Trường dành cho Giảng viên</i>	265	16.652.000.000
	<i>Sinh viên</i>	271	2.599.010.200
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	0	0
5	Đề tài hợp tác quốc tế	0	0
	Tổng số	550	33.809.430.000

- Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Thời điểm báo cáo 30/6/2026	Thời điểm báo cáo 30/6/2025
1	Tổng số bài báo khoa học được HĐGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus	582	496
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	517	340
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	0	0
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	3	2
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích		0

V. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	Thời điểm báo cáo 31/6/2026	Thời điểm báo cáo 31/6/2025
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	21,44%	19,59%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	29,6%	19,57%

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo 2024
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	1.326	1.120
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư		-
II	Thu giáo dục và đào tạo	1.157	1.007
1	Học phí, lệ phí từ người học	1.123	976
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	7	8
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	5	5
4	Thu khác	22	18
III	Thu khoa học và công nghệ	93	46
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	2	5

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo 2024
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	18	5
3	Thu khác	73	36
IV	Thu khác (thu nhập ròng)	76	67
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	1.021	976
I	Chi lương, thu nhập	520	467
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	409	372
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	111	95
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	386	369
1	Chi cho đào tạo	32	27
2	Chi cho nghiên cứu	37	23
3	Chi cho phát triển đội ngũ	3	3
4	Chi phí chung và chi khác	314	316
III	Chi hỗ trợ người học	98	71
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	91	67
2	Chi hoạt động nghiên cứu	3	1
3	Chi hoạt động khác	4	3
IV	Chi khác	17	14
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	305	199

VI. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác: thực hiện tốt.

Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo);
- Đăng trang thông tin điện tử trường;
- Lưu: VT, VBĐT, ĐT, Thảo.

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Lê Hiếu Giang